

Sông Lam

SỐ 6 (THÁNG 6 / 2020)

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN

TẠP CHÍ SÔNG LAM - SỐ 6 (THÁNG 6 / 2020)





QUỐC ĐÀN



QUỐC ĐÀN



NGUYỄN ĐẠO



LÊ THẮNG



HẢI VƯƠNG

Sông Lam

Số 6 (Tháng 6 / 2020)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC

- Tòa soạn:

Số 6, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261 / 3.599.018
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: vanngheghean.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
525/GP-BTTTT ngày 02/12/2019.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Giá: 25.000 đ

MỤC LỤC

■ THỜI LUẬN		
NGUYỄN KHẮC AN	Chữ và... nghĩa	3
■ KỶ NIỆM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM		
VĂN HIỂN	Văn phong của Bác học mầy cho vừa.....	6
■ NHÂN VẬT VÀ ĐỐI THOẠI		
PHÙNG NGUYỄN	Nhà báo, nhà thơ Dương Kỳ Anh - nguyên Tổng biên tập báo Tiền Phong: “Bây giờ tôi biết lặng im”	10
■ KÝ		
LANG QUỐC KHÁNH	Bản vắng thanh niên	18
TRẦN HỮU VINH	Tản mạn một dòng trôi	22
■ TRUYỆN NGẮN		
CAO KHOA	Sư thầy Đàm Quyên.....	26
ĐÀM QUỲNH NGỌC	Chú bé về từ thành phố.....	33
LÊ VĂN THÂN	Mộng hoang	41
TRẦN THỊ MƠ	Nước chảy chia hai	48
■ THƠ - NHẠC		
NGUYỄN THẾ KỶ: Quê mình (tr. 54) • VŨ TOÀN: Nhà báo (tr. 54) - Cái ác (tr. 54) • BÙI SỸ HOA: Ghi chép của một nhà báo (tr. 55) - Ấu ời, vắng trắng (tr. 55) • BÌNH NGUYỄN TRANG: Cửa sổ (Tr. 56) • BÙI VIỆT PHƯƠNG: Ở nhà (tr. 56) • ĐÌNH NAM NGHỊ: Ta về (tr. 57) • ĐÌNH SÂM: Đoàn mơ quê (tr. 57) • HOÀNG NGUYỄN VŨ: Tà lỏi sông quê (tr. 58) - Chân dung biển (tr. 58) • KHA THỊ THUỜNG: Không để (tr. 59) • LÊ HUY MẬU: Hạnh phúc là bình yên (tr. 59) • LÊ THÀNH NGHỊ: Buồm và gió (tr. 60) • NGUYỄN VĂN HÙNG: Thông điệp từ nước Hàn (tr. 60) • TÙNG BÁCH: Bạn bè một thuở (tr. 61) • VÂN KHÁNH: Mùa thu (tr. 61) • TCSL (giới thiệu): Người đàn bà góa (tr. 62) - Nắm mộ người ăn mầy (tr. 62) • LÊ QUỐC HÂN: Một đến ba (tr. 63) • ĐÌNH HẠ: Khúc nghiệt ngã (tr. 63) • NGUYỄN DUY HÀ: Nợ! (tr. 63) • HẢI LÝ: Bên kia sông (tr. 64) • NGUYỄN XUÂN DŨNG: Rừng bản quê tôi (tr. 64) • LÂM QUANG MỸ: Mẹ và quê (tr. 65) • NGUYỄN DUY NẮNG: Buồn (tr. 65) • TRẦN NGỌC KHÁNH: Cảm thức (tr. 65) • TRUỜNG LAM: Gửi các bạn cùng xóm (tr. 65) • LÊ THANH NGA: Viết từ xa xứ (tr. 66) • NGÔ ĐỨC TIẾN: Cha (tr. 66) • TRẦN HÀ: Bạn già (tr. 67) • TRẦN NGỌC CẢNH: Tiếng rao (tr. 67) • HỒ MẬU THANH - TRỊNH QUANG THUẬN: Khúc tháng Bảy (tr. 68) • LƯƠNG KHẮC THANH - VŨ QUỐC NAM: Vinh thành phố của tôi (tr. 69)		
■ ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ		
PHẠM XUÂN CẦN	Danh thủ Trần Xuân - Một đường chuyển kết nối hai nền bóng đá	70
■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM		
THẢO THƠM	Hủ vĩa.....	78
TRẦN KHOA VÂN	Sự tích Hươu sao.....	81
■ KÝ SỰ NHÂN VẬT		
ĐẶNG TIỂU	Họa sĩ Hoàng Phượng Vỹ: “Rơi trên chính bóng mình”	83

■ NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH

NGUYỄN AN

Phải chăng *Di huấn* của Nguyễn Xý là tác phẩm mở đầu cho văn chương trung đại ở xứ Nghệ?.....86

CAO XUÂN THƯỜNG

Tản mạn về thơ90

■ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

S. RAJARATNAM (THIÊN VIỆT dịch)

Con hổ93

■ MỸ THUẬT: BÁ SIẾU • ĐÌNH TRUYỀN • TẠ TÂM • DIỆP THANH • HỮU TUẤN • TRỌNG HIỆP • HOÀNG PHƯỢNG VỸ • LÊ THỊ OANH • HOÀNG HẢI THỌ

■ ẢNH: CAO ĐÔNG • TRẦN DUY NGOÂN • QUANG DŨNG • NGUYỄN TRUNG KIẾN

■ BÌA: Bìa 1: HOÀNG PHƯỢNG VỸ: Giấc mơ.

Bìa 2: NGUYỄN MINH PHƯƠNG • BẢO UYÊN • HỒ THÁI SANG • TRƯƠNG NGỌC ÁNH DƯƠNG • PHAN QUANG MINH • THANH HÒA

Bìa 3: HẢI VƯƠNG • DUY SƠN • HỒ CHIẾN • NGUYỄN TRUNG KIÊN • THANH HẢI

Bìa 4: HẢI VƯƠNG • LÊ THẮNG • NGUYỄN ĐẠO • QUỐC ĐÀN • XUÂN THỦY



Sông Lam

Tháng Sáu, ấy là khi cái nắng đã vào độ gay gắt, là khi gió Lào đã quạt lửa trên mọi nẻo quê xứ Nghệ. Những sông suối cạn trơ, những bờ tre rạc dài trong gió. Phấp phồng rừng trong những cơn cháy. Mà đâu chỉ có rừng, là đồng cháy, là vườn cháy, và mắt người cháy những lo toan...

Tháng Sáu, ấy cũng là tháng Hè của lũ trẻ với bao nhiêu hỗn nhiên, náo nức. Chưa biết đến những khắc nghiệt của thiên nhiên đất trời, chưa biết đến những trêu nặng lo toan người lớn, đang tin cậy ở những phép màu đến từ cuộc sống. Và chẳng phải sao, mỗi người lớn chúng ta đã từng là một đứa trẻ. Một đứa trẻ với tất cả hỗn nhiên buồn vui, hỗn nhiên tin cậy, hỗn nhiên mơ tưởng. Vậy tại sao, chúng ta lại lãng quên tạo cho chúng những phép màu?

Tháng Sáu, riêng với những người làm báo, còn mang một ý nghĩa đặc biệt bởi có Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam. Là ngày mà những người “tiên phong trên mặt trận tư tưởng” thêm một lần được nhắc nhở, thấp sáng lên ngọn “lửa nghề”, thấp sáng thêm trách nhiệm và tình yêu với cuộc đời, con người, xã hội. Bạn đọc Tạp chí Sông Lam sẽ gặp trong số tháng Sáu này những trang văn, những trang thơ của những nhà báo, như một món quà tặng đặc biệt. Bên cạnh những con số biết nói, những trang viết nóng bỏng thời cuộc, bạn sẽ gặp những suy tư, những êm dịu, lắng đọng của tâm hồn người làm báo...

Tháng Sáu, còn có Ngày Gia đình Việt Nam, nhắc chúng ta về một “mái ấm”. Chẳng phải sao, gia đình phải là một “mái ấm”, để chúng ta tìm về, để chúng ta nương tựa, để chúng ta có thêm sức mạnh, để chúng ta bước đi, tin ở những an yên đón đợi?

Và chúng tôi tin rằng, khi cầm trên tay ấn phẩm này, bạn đọc sẽ cảm nhận được tất cả những ý nghĩa, những trăn trở tháng Sáu mà chúng tôi và các tác giả muốn gửi gắm!

BBT TẠP CHÍ SÔNG LAM

Chữ và... nghĩa

NGUYỄN KHẮC AN

*“Chờ bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà”*

(Nguyễn Đình Chiểu)

Rất có thể khi những dòng tâm sự chảy ra từ vùng lõi ưu tư của một người cầm bút nghiệp dư như tôi đến với bạn đọc thì “Ngày báo chí cách mạng” đã bình thản trôi qua rồi lặng lẽ và trở về với 365 nhịp khúc thời gian còn lại. Ngày hội của những người làm báo hình như chưa bao giờ đủ “rôm rả” để vượt lên trên sự bình dị. Những ai theo nghiệp viết đều không quen đòi hỏi và cũng ít ham hồ tô vẽ chân dung của chính mình. Mỗi con chữ sau khi đã được người cầm bút chất chiu kỹ càng để đến với bạn đọc đều chứa đựng bốn phận của chủ nhân trong đó. Vâng, không bất kỳ một ký tự nào được phép vô nghĩa. Nhân dịp xã hội đang có những hoạt động tôn vinh và tri ân người làm báo, tôi xin mạn phép bàn luận đôi điều về câu chuyện muôn thừa gian nan này.

Viết không chuyên, chưa từng may mắn được tham gia bất kỳ khóa hướng dẫn hay đào tạo nào, với nghiệp viết, tôi là một kẻ ngoại đạo chính hạng. Hôm nay bàn về con chữ là với tất cả sự chân thành và cầu thị của kẻ nghiệp dư, tôi xin phép chỉ tản mạn đôi điều về nó thông qua góc nhìn cũng như trải nghiệm của một người ngoại đạo, một người viết đơn thuần theo sự hồi thúc của đam mê.

Trong tiếng Anh thì động từ “write” có nghĩa là “viết”, nhưng khi thêm chữ “r” vào sau cùng (writer) thì nghĩa của nó lại là “nhà văn”. Trước khi được nhìn nhận như là một nghề trong xã hội hiện đại, *viết* vốn dĩ là một động từ mô tả việc dùng ký tự (chữ) để ghi lại ngôn ngữ dưới dạng văn bản. Cuộc sống chưa một ngày

THỜI LUẬN

dừng lại, nó quá giàu cung bậc, quá hấp dẫn và cũng vô vàn biến cố. Sự phân công lao động xã hội ngày càng gần hơn với xu hướng chuyên môn hóa. Người trồng lúa, kẻ xe tơ, riêng nhiệm vụ “chép” lại cuộc sống nhân loại gửi gắm niềm tin cho những người theo nghiệp viết. Ngày nay, trong xã hội hiện đại, viết được xem như một nghề thực thụ. Viết có thể là công việc của nhà văn, của nhà thơ, của nhà báo... tất nhiên không gian viết vẫn đủ ưu ái cho những cây bút tay ngang đa mang như chúng tôi thỏa sức trải nghiệm.

Viết là một dạng lao động sáng tạo rất đặc thù, nó không chỉ là công việc dành cho kẻ có sức khỏe, trí tuệ mà phải đủ đầy đạo đức, không chỉ có đạo đức mà là cả bản lĩnh, không chỉ có bản lĩnh mà còn phải có cả đam mê. Viết có thể không khó nhưng chưa bao giờ là dễ. Nhiều áp lực và vô vàn thử thách không tên. Chấp nhận nghiệp viết là chấp nhận sự quần quật dù bất cứ giờ nào, dù bất cứ ở đâu. Một bản tin thời sự có thể ập đến ngay trên đường... đi chợ. Mở đầu của một bài báo có thể ủa về sau sân ga, một tứ thơ có thể tìm đến tác giả trong giấc ngủ, cái kết của một truyện ngắn có thể cắt ngang cả bữa ăn. Nghỉ ngơi là trạng thái không tồn tại trong trí não của người viết.

Lại nhớ hai câu thơ trong truyện Kiều của cụ Nguyễn: *“Lỡ từ lạc bước, bước ra/ Cái thân liệu những từ nhà liệu đi”*. Chữ viết là công cụ, cuộc sống là nguyên liệu, còn người viết mới là kẻ đa mang chịu trách nhiệm. Đã viết là không bỏn, viết mà lơ ngơ là khéo đại họa vào thân như chơi. Thường trực trong người viết là những câu hỏi không hiện hình nhưng rờn rã. Đưa được bài viết ra công chúng đã nhuộm bầm cả tóc, nhưng đôi theo từng bước chân của đứa con tinh thần ấy đến với độc giả mới thực sự bạc đầu.

Việc đón nhận và xử lý phản hồi từ bạn đọc cũng là một dạng làm việc của người viết, nếu không nói là một trạng thái lao động nặng nhọc và đôi khi có độc hại. Sự liên mạch trong trách nhiệm kéo theo sự liên mạch trong lao động, người viết không có điểm phúc tận hưởng cái cảm giác *“Lòng khoan nhẹ anh dân quê sung sướng/ Ngửa mình trên liếp có ngủ ngon lành”* (thơ Tố Hữu). Đây là công việc mà người ta buộc phải khắt khe với chính mình. Bất kỳ một dung túng nào cho cầu thả đều có thể phải trả giá. Có thể viết không hay nhưng hãy cố gắng đừng viết dở. Có thể viết dở nhưng tuyệt đối không được phép viết sai. Câu “bút sa gà chết” là chú niệm của người viết chứ không phải là tiếng hù dọa của con ngáo ộp. Một tác phẩm khi đã vượt ra ngoài máy tính để đến với bạn đọc thì nó không còn là của riêng mình nữa. Nó là tiếng nói, thậm chí quan điểm của một tờ báo, một tạp chí, một cơ quan ngôn luận. Đành rằng như thế không có nghĩa là tác giả phải nặn, vắt, tô vẽ tác phẩm của mình cho đúng một hình hài định sẵn. Thật tệ nếu một bài viết không có cái tôi, nhưng sẽ là thất bại nếu chỉ mỗi cái tôi trong đó. Một tác phẩm không có cá tính là một tác phẩm tồi, nhưng một tác phẩm chỉ là đất diễn cho cá tính là một tác phẩm tệ. Hòa hòa giữa cái chung và cái riêng giữa cái tôi và cái ta có lẽ là một trong những yêu cầu bắt buộc mang tính thử thách đối với người viết. Mỗi tờ báo hay tạp chí có một phong cách để nhận diện chân dung. Tôn chỉ của một tạp chí hay tờ báo là thứ người viết có bốn phận trên

trọng và tuân thủ. Ai mà chả từng tiếc đứt ruột vì câu văn tâm đắc của bài bị cắt bỏ. Nhưng rồi chúng ta buộc phải nhận ra, viết có cảm xúc không có nghĩa là thả rông, là tung bút tùy hứng. Câu ấy, vấn đề ấy có thể là tâm đắc của tác giả nhưng nó không nhất thiết phải là tâm đắc của tờ báo. Người viết phải chấp nhận “nhập gia tùy tục”. Nghề viết không dành cho kẻ nhút nhát nhưng cũng không dành cho người cầu thả. Viết là sự chăm chút, chính xác là chăm chút từng tý một. Đôi khi cần nhắc từng cái dấu phẩy. Đã từng có những tờ báo bị đình bản, đã từng có những cây bút thuộc hàng “cây đa cây đề” bị xử lý. Đó là bài học nhân tiền cho tất cả những ai đang muốn “tung bút chạm trời”. Lưu ý, đường rất rộng nhưng lối đi của chúng ta chỉ có một.

Có thể nói, không một tác phẩm nào đến từ cái đầu trống rỗng. 187 người làm báo tiêu biểu được tôn vinh toàn quốc ngày 13 tháng 6 năm 2020 vừa qua là 187 chiến sĩ thực thụ. Những nhà văn nhà báo thời chiến làm lễ truy điệu trước khi khoác máy ảnh đen trắng xông ra chiến trường. Ngày nay họ mong manh sau chiếc khẩu trang lao vào tuyến đầu Covid. Họ kiên gan để lặn sâu trong những ổ nhóm chặt phá rừng, dấu chân họ in hằn ở biên giới, hải đảo, nơi ranh giới giữa cái sống và sự chết mềm như chiếc lá.

Đã là nghiệp viết đừng quên cũng đừng lẫn lộn khả năng của trí não với bốn phận của trái tim. Hành trình một bài viết đến với bạn đọc là tổng hợp của nhiều yếu tố, độ nóng của vấn đề, dung lượng và mức độ tin cậy của thông tin, quan điểm của tác giả, thông điệp gửi tới bạn đọc rồi mới đến cách thức trình bày cũng như chất liệu ngôn ngữ.

Ngày nay, khi cuộc cách mạng 4.0 len vào mọi ngõ ngách của cuộc sống thì cơ hội mở ra đồng thời với thách thức cũng ập đến. Bộ “đồ nghề” của người viết bây giờ không nhất thiết chỉ là bút giấy nữa. Hành trang của những tay viết trẻ ngày càng công kênh hơn bởi những máy tính kết nối mạng, máy ảnh, máy ghi âm, máy quay... Người viết thời công nghệ số không chỉ giỏi ghi chép ký tự mà còn là tổ hợp các kỹ năng hiện đại. Những chiến sỹ trên mặt trận văn hóa văn nghệ phải sẵn sàng đối diện với nguy hiểm, đối diện với cám dỗ, và có khi còn đối diện với sự thất bại, thậm chí có khi đối diện với cảm giác bất lực, ý định bỏ cuộc, tinh thần chán nản trong chính bản thân mình. Vượt qua, đó là mệnh lệnh của một người viết chân chính. Viết thật khó nhưng viết cũng thật thú vị. Tin tôi đi, nếu viết bạn sẽ nghiện đấy!

Nhân dịp tháng 6 có Ngày Báo chí cách mạng, tác giả xin mạo muội tản mạn đôi điều như là tâm sự thay lời tri ân của gã “bất thành linh” gắn bó với nghiệp viết. Hình như một nhà báo nổi tiếng từng tổng kết về phẩm chất của nghề viết là “mắt sáng, lòng trong, bút sắc”. Tuy nhiên, ngày nay ngằn ấy thôi chưa đủ, ngoài “mắt sáng, lòng trong, bút sắc” thì phải... “to gan” nữa cơ! Bản lĩnh của người viết tạo nên bản lĩnh của mỗi bài viết, bản lĩnh của mỗi bài viết tạo nên bản lĩnh của cả ấn phẩm, chỉ có điều, viết có thể lách, nhưng đã là báo thì nhất thiết phải có chí. Độc giả có thể không đọc thật nhưng chữ thì phải có nghĩa, thể thời.

Văn phong của Bác học mấy cho vừa

VĂN HIỂN

Trước khi trở thành lãnh tụ và người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Việt Nam, sáng lập Nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng là người viết báo xuất sắc bằng tiếng Pháp (1919 - 1923), (bài báo đầu tiên của Bác viết bằng tiếng Pháp “Quyền của các dân tộc thuộc địa” đăng báo *Nhân đạo* của Đảng cộng sản Pháp năm 1919), tiếng Nga, tiếng Anh (1924 - 1925); tiếng Trung Quốc (1927 - 1935); tiếng Thái Lan (1928 - 1929). Thời kỳ hoạt động ở nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cộng tác viết bài cho các tờ báo có ảnh hưởng chính trị lớn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế như: *Nhân đạo* của Đảng Cộng sản Pháp, *Người thợ* của Tổng liên đoàn Lao động Pháp; *Tạp chí Đỏ*, *Thư tín quốc tế* của Quốc tế Cộng sản; *Ngon lửa nhỏ*, *Sự thật* của Đảng Cộng sản Nga; *Nữ lao động Nga*, *Tạp chí Nông dân* của Quốc tế Nông dân; *Cứu vong Nhật báo* của Đảng Cộng sản Trung Quốc; *Bất lộ quân chi lộ* của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc; *Đồng thanh* sau đó được Bác đổi tên là *Thân ái* của tổ chức Thanh niên Cách mạng Việt Nam tại miền Đông Bắc Thái Lan.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng đầy sóng gió của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn sáng lập, tổ chức xuất bản các tờ báo *Người cùng khổ* năm 1922, *Việt Nam hồn* năm 1922, *Tạp chí Nông dân* năm 1924, *Thanh niên* năm 1925, *Công nông*, *Lính kách mệnh* năm 1925, *Thân ái* năm 1928, *Tạp chí Đỏ* năm 1929, *Việt Nam độc lập* năm 1941, *Cứu quốc* năm 1942.

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3, tháng 2 năm 1951 tại Việt Bắc thủ đô gió ngàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo báo *Nhân dân* nâng cao chất lượng tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân là “kháng chiến thành công, kiến quốc thắng lợi”. Và cũng chính Người đã viết cho báo *Nhân dân* từ năm 1951 đến trước ngày Người đi vào thế giới người hiền khoảng 1200 bài báo với các đề tài, thể loại phong phú bằng bút pháp độc đáo, sinh động, ngôn ngữ trong sáng, giản dị, giàu tính biểu cảm và hiệu quả thông tin cao.

Nghiên cứu, tìm hiểu hoạt động báo chí trong sự nghiệp cách mạng, lãnh đạo cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách có hệ thống và thường xuyên là góp phần làm giàu có lý luận, bài học thực tiễn nền báo chí cách mạng Việt Nam không chỉ cho trước mắt mà còn có giá trị lâu dài.

“Thực hiện chủ trương của Hội nhà báo Việt Nam học tập, làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, chúng tôi cho rằng sự cần thiết phải quan tâm nâng cao hơn nữa bản lĩnh chính trị đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn để có tác phẩm báo chí xuất sắc, thực sự góp phần tạo nên động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và định hướng dư luận.

Theo chúng tôi, để trở thành nhà báo với đúng nghĩa là “chiến sĩ tư tưởng”, điều đầu tiên phải học tập “Nhà báo Hồ Chí Minh” là đức tính khổ luyện. Từ một người lao động kiếm sống nặng nhọc trên đất nước của chủ nghĩa thực dân, người thanh niên yêu nước ấy đã tự học tiếng Pháp, tiếng Anh, học nghề nhiếp ảnh, tập viết bài cho báo *Nhân đạo*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp. Từ một mẫu tin ngắn 7 dòng tiếng Pháp phải viết đi, sửa lại nhiều lần, nhà báo “Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh” đã có vốn tiếng Pháp phong phú để tự tin viết nên những tác phẩm nổi tiếng bằng tiếng Pháp lúc bấy giờ như bài “Đông Dương và Thái Bình Dương”, “Chủ nghĩa đế quốc Pháp dám làm những gì”, “Công cuộc khai phá giết người”, “Hành hình kiểu Linsơ của Mỹ” đăng trên báo *Nhân đạo*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp.

Năm 1923, rời nước Pháp đến với thành trì Cách mạng Tháng Mười Nga, chỉ trong 1 năm, Người tự học và đã nói, viết thông thạo tiếng Nga. Người tham gia Ban vận động thành lập “Quốc tế nông dân” và viết báo bằng tiếng Nga cho các tờ báo chính trị lớn nhất của Đảng Cộng sản Nga, Tổng liên đoàn lao động, Tổng liên hiệp phụ nữ Nga.

Một số bài báo của Người viết có tầm ảnh hưởng chính trị lớn về đấu tranh giải phóng dân tộc, về thành lập đảng kiểu mới của giai cấp công nhân như “Lê nin với vấn đề thuộc địa”, “Phụ nữ Đông Dương”, “Khủng bố ở Đông Dương và sự phát triển của phong trào cách mạng”, “Ai Cặp dưới gót giày của đế quốc Anh”.

Coi trọng vai trò của báo chí trong hoạt động cách mạng, mặc dù điều kiện tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật cực kỳ thiếu thốn, Người vẫn tổ chức xuất bản báo *Người cùng khổ* năm 1922, báo *Thanh niên* năm 1925, báo *Lính khách mệnh* năm 1925, báo *Công nông*, *Tạp chí Đỏ* năm 1929, báo *Thân ái* năm 1928, báo *Việt Nam độc lập* năm 1941, báo *Cứu quốc* cuối năm 1942. Xuất bản báo trong hoàn cảnh bất hợp pháp, Người tự mình viết bài, biên tập, làm maket, tạo khuôn in báo và trực tiếp phát hành báo.

Chỉ duy nhất tờ *Người cùng khổ* được in kỹ thuật ty pô, những tờ báo còn lại như: *Thanh niên*, *Lính khách mệnh*, *Thân ái*, *Công nông*, *Đỏ*, *Việt Nam độc lập*, *Cứu quốc*, đều in trên khuôn sáp, khuôn đá hoặc in ly tô. Mỗi số báo chỉ in được vài trăm bản đã phải thay khuôn mới. Thế nhưng, những tờ báo do Người sáng lập, tổ chức xuất bản vẫn đến được các tổ chức, đoàn thể cách mạng, góp phần vận động cách mạng trong thời kỳ bí mật.

Nêu một số tư liệu tiêu biểu về thời kỳ làm báo cực kỳ khó khăn, nguy hiểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng tôi mong muốn phần nào chuyển tải được giá trị lao động nghề nghiệp, tấm gương hoạt động cách mạng bằng vũ khí báo chí của nhà báo Hồ Chí Minh tới thế hệ làm báo hôm nay.

Trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu hoạt động báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng tôi nhận thấy nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn có đức tính trân trọng công chúng bạn đọc. Đức tính ấy được biểu hiện qua bố cục bài báo ngắn, gọn, ngôn ngữ bình dân, chủ đề tư tưởng rõ ràng, mạch lạc. Người cho rằng, cần phải tiết kiệm thời gian cho bạn đọc, nhất là trong hoàn cảnh hoạt động bí mật hoặc thời kỳ kháng chiến gian khổ. Nghiên cứu 88 số báo *Thanh niên* và 186 số báo *Việt Nam độc lập*, chúng tôi chưa thấy bài báo nào vượt quá 60 chữ, riêng loại bài “người tốt” chỉ vón vện 40 chữ, có bài chỉ 36 chữ.

Các bài viết “Cả nhà kháng chiến”, “Nhớ người chiến sĩ anh hùng”, “Nam bộ anh hùng”, “Thanh niên gương mẫu” gửi đăng báo *Nhân dân* từ năm 1951 đến 1954 của Chủ tịch Hồ Chí Minh mỗi bài cũng chưa tới 400 chữ.

Một số bài báo “Mỹ là xấu”, “Tu ma đầu bò”, “Nhất trên thế giới”, “Mồ cha không khóc, khóc mồ mả”, “Bán mất nuôi miệng” đăng báo *Cứu quốc* năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh ĐX, CB, mỗi bài cũng dài không quá 100 chữ. Và chính Bác là người khởi xướng thể loại “người tốt việc tốt” từ năm 1942.

Nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ báo chí “Viết thế nào cho phổ thông, dễ hiểu, ngắn gọn, dễ đọc”, “tránh dùng chữ nước ngoài”, “tránh viết dài cà ra dây muống”, “tránh viết dài, không hợp với trình độ và thời gian của quần chúng”. Tôn trọng bạn đọc là nguyên tắc viết báo của Người, chính vì vậy, những bài báo ngắn, gọn, súc tích, phong phú thông tin của Người đã có sức cảm hoá chinh phục mãnh liệt, cổ vũ, khích lệ hàng triệu người hành động cách mạng. Lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam ghi nhận Bác đến dự Đại hội lần thứ 2, những người làm báo chí cách mạng ngày 16/4/1959. Tại Đại hội này, Bác chỉ ra những sai sót, khuyết điểm của các nhà báo, các cơ quan báo chí, đăng ảnh trang nhất đẹp nhưng không có nội dung thiết thực, không dùng chữ “vùng trời”, lại dùng chữ “không phận”; chữ “về vang” rất hay không dùng lại dùng từ “quang vinh”. Đưa tin ngoại giao không bình đẳng, không tinh tế. Đoàn in chữ to, đặt vị trí cao, còn đoàn khác ghi chữ nhỏ, đặt vị trí thấp hơn. In như thế là thiếu ý thức chính trị, bên trọng bên khinh. Có báo đăng ngớ ngẩn thư chúc Bác nhân ngày kỷ niệm sinh nhật “bách niên giai lão”. Bác có vợ đâu mà chúc vợ chồng Bác sống lâu trăm tuổi, Bác nhắc nhở các nhà báo phải có trách nhiệm, đừng để cho tiếng mẹ đẻ của chúng ta mỗi ngày một mai một đi. Bác căn dặn “viết để nêu cái hay, cái tốt của dân ta, của bộ đội ta, của cán bộ ta, của bạn bè ta... không nên chỉ viết cái tốt, mà giấu cái xấu. Bác phê phán 2 khuynh hướng viết báo “tô hồng” và “bôi đen”.

Cũng từ thái độ tôn trọng bạn đọc mà Người chủ động xác định cụ thể nội dung tư tưởng của bài báo, lựa chọn hình thức thể hiện linh hoạt, trong sáng phù hợp với trình độ, tình cảm tiếp nhận của cán bộ, đảng viên, của nông dân, công nhân, chiến sĩ, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, thậm chí kẻ địch cũng phải

chấp nhận. Đề cao vai trò của bạn đọc, trên trang nhất hoặc có khi là trang 4 báo *Việt Nam độc lập* xuất bản tại Việt Bắc những năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho ra chuyên mục “Hoan nghênh bạn đọc phê bình báo”, biểu dương tên tuổi những bạn đọc mua báo *Việt Nam độc lập*, ủng hộ tài chính, ủng hộ giấy, mực in báo. Tư tưởng và cách thức tôn trọng bạn đọc của nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh mãi mãi vẹn nguyên giá trị thời đại, là tiêu chí đạo đức của thể hệ làm báo hôm nay cần noi theo, làm theo.

Nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn là tấm gương về đạo đức khiêm tốn trong hoạt động báo chí. Theo Người, viết báo là sáng tạo độc lập chủ quan nên rất dễ sai sót. Vì vậy, mỗi khi viết xong, đọc lại nhiều lần bài viết rồi, Người thường nhờ người khác đọc và sửa giùm. Chính Người đã từng đọc, sửa chữa bài viết của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Và cũng chính Người đưa bài viết của mình cho thư ký, thậm chí cả người cần vụ đọc, trước khi gửi đăng báo. Nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh có vốn ngoại ngữ phong phú, đọc nhiều tác phẩm kinh điển, văn học, lịch sử phương Tây, viết báo, viết văn cho bạn đọc Pháp, bạn đọc Nga. Thế nhưng khi viết báo cho đối tượng bạn đọc là người Việt Nam đặc biệt đối tượng bạn đọc là nông dân, người lao động, đồng bào dân tộc thiểu số, Người rất khéo vận dụng giữa hình thức khái quát cao với cách diễn tả giản dị, dễ hiểu. Đặc biệt Người sử dụng rất nhuần nhuyễn ca dao, tục ngữ, phương ngữ và thành ngữ vào bài viết. Bác nhắc nhở các nhà báo cần quan tâm ngoài nội dung thiết thực, chân thực, tác phẩm báo chí phải hay, “lạ”, “văn chương”. Phải chăng đây là thước đo giá trị thông tin báo chí cao nhất mà Bác từng nêu ra nhiều lần với nhà báo và cơ quan báo chí. Người căn dặn các nhà báo: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?”. Học tập đạo đức và tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở lĩnh vực báo chí theo chúng tôi chính là làm theo lời Người dạy: “Cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng đạo đức cách mạng, cố gắng trau dồi tư tưởng, nghiệp vụ và văn hoá, chú trọng học tập chính trị, nắm vững chủ trương chính sách của Đảng và chính phủ, đi sâu vào thực tế, đi sâu vào đời sống quần chúng lao động”. Học tập đạo đức nghề nghiệp, phong cách làm báo gần gũi cuộc sống, tiếng nói của Đảng, của dân tộc và quần chúng của nhà báo Hồ Chí Minh chắc chắn chúng ta sẽ có nhiều nhà báo chân chính, nhà báo có tâm, có tài và hần sẽ có ngày càng nhiều tác phẩm báo chí xuất sắc ngang tầm đòi hỏi của thời đại, hay như lời Bác thường dạy là viết báo để phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Sâu sắc biết bao trong tác phẩm báo chí, “Cách viết” đăng báo *Nhân dân số* ra ngày 17/8/1953 vào thời khắc toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Tổng phản công giành thắng lợi cuối cùng Kháng chiến chống Pháp, nhà báo không thể Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vẫn quan tâm, bồi dưỡng đạo đức cách mạng, bồi dưỡng nghề nghiệp cho đội ngũ nhà báo chúng ta vững vàng hơn, sắc sảo hơn, trong sáng hơn trên mặt trận văn hóa tư tưởng của Đảng.



Nhà báo, nhà thơ DƯƠNG KỲ ANH
nguyên Tổng biên tập báo Tiền Phong:

“Bây giờ tôi biết lặng im”

■ Báo chí hay viết về ông bằng những dòng tít: nhà thơ Dương Kỳ Anh (Dương Xuân Nam) - “ông trùm hoa hậu”, “cha đẻ” Hoa hậu Việt Nam... Nhưng với tôi đó chỉ là “gia vị” tô điểm thêm cho cuộc đời vốn phong phú của một nhà báo với kỷ lục 21 năm làm Tổng biên tập (TBT) báo Tiền Phong. Báo Tiền Phong dưới sự chèo lái của TBT Dương Kỳ Anh đã đi tiên phong trong đổi mới báo chí và có những đóng góp lớn vào công cuộc Đổi mới đất nước. Trò chuyện với ông - TBT mà tôi từng làm việc dưới quyền gần 10 năm - nhưng lại có rất nhiều câu chuyện mới về nghề báo và những việc làm “khác người” mà lần đầu tôi được biết. Nhà báo, nhà thơ Dương Kỳ Anh chia sẻ:

Tôi mất mẹ từ năm 9 tuổi. Tôi phải đi ăn xin, đi ở, đi làm thuê cho nhà người ta tại vùng quê nghèo Kỳ Anh - Hà Tĩnh rất khổ cực. Tôi làm đủ các nghề: đi cày, bừa, đánh tranh lợp nhà, chằm nón..., tham gia đội làm đường hỏa tuyến, làm đội trưởng đội sản xuất. Sau khi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Văn, tôi đi bộ đội, làm trắc thủ phát lệnh tên lửa, sau năm 1975 khi nước nhà hòa bình, thống nhất mới chuyển sang làm báo. Trước khi trở thành nhà báo, tôi từng có một nguyện vọng là được làm biên tập thơ ở một tòa soạn báo. Và trước khi trở thành phóng viên của báo Tiền phong vào tháng 8/1975, tờ báo đầu tiên tôi đến xin việc là tuần báo Văn nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam. Nhớ lại lần đầu tiên tôi được báo Tiền Phong cử đi viết báo là viết về đề tài công nhân trẻ tại nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định vào cuối năm 1975. Thời đó, Liên hợp Dệt Nam Định đang là trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta. Tôi đi xe đò xuống thành phố Nam Định, đến nơi thì cũng là lúc công nhân vào ca ba. Lần đầu tiên, tôi nghe thấy tiếng thoi rào rào, thấy những công nhân trẻ đi lại như mắc cửi. Cảm xúc trong tôi trào dâng, và ngay đêm hôm đó, tôi làm được một bài thơ với tựa đề *"Tiếng thoi"*. Suốt mấy hôm theo công nhân đi ca, tôi không nghĩ ra đề tài nào để viết cả.

Trở về Hà Nội, tôi đến gặp Trưởng ban biên tập. Ông hỏi *"Bài viết đâu?"*. Tôi ngần ngừ một lúc rồi đưa bài thơ *"Tiếng thoi"* cho ông.

"Tiếng thoi rào rào như trong cơn mưa/ Tiếng thoi rào rào như tầm ăn rồi/ Nghe như rất gần, nghe như rất xa/ Tôi mỏi mắt nhìn, sao thoi không mỏi / Con thoi nhanh thế, bàn tay nhanh hơn/ Trăm sợi tơ mảnh mà tay chẳng rời..."

Trưởng ban biên tập đọc xong, trừng mắt nhìn tôi, bảo: *"Này, lấy cậu về đây để viết báo chứ không phải để cho cậu đi làm thơ..."*

Tôi nhớ một lần được cử đi viết bài về "chiến dịch Z" ở Hà Nội. Hôm ấy, nhà thơ Nguyễn Trọng Oánh (đã mất) đang phụ trách Tạp chí Văn nghệ Quân đội nhân tôi sang sửa mấy câu thơ để đăng chùm thơ của tôi. Tôi mãi sang tạp chí Văn nghệ Quân đội sửa thơ, lúc về thì đoàn kiểm tra của chiến dịch Z đã kết thúc công việc. Lúc đó, tôi phải tới gặp đồng chí Bí thư Quận đoàn Hoàn Kiếm Lê Doãn Cánh để lấy tài liệu. Anh ấy ngồi kể cho tôi nghe mọi việc... Tôi viết bài với tâm thế của người chứng kiến. Thế nhưng, đến khi chiến dịch Z kết thúc, một gia đình mà tôi viết trong bài đâm đơn lên Tòa soạn kiện. Phó tổng biên tập gọi tôi lên bảo *"Thế chứng cứ pháp lý về những sự việc cậu viết trong bài đâu?"*. Tôi ngớ ra: *"Thưa anh, em chỉ nghe đồng chí Bí thư Quận đoàn kể lại chứ em không được chứng kiến"*. Phó tổng biên tập lắc đầu bảo: *"Thế thì nguy rồi! Trong bài cậu viết, cậu kể lại y như cậu đã tận mắt chứng kiến, không có ảnh, cũng không có biên bản làm chứng cứ pháp lý, giờ không có gì để phân bác người ta..."*. Cũng may đồng chí Lê Doãn Cánh đã trực tiếp tới tòa soạn tôi khẳng định: những nội dung của bài báo là do tôi kể lại cho anh Nam và tôi chịu trách nhiệm. Vì vụ đó mà suýt nữa tôi bị đuổi việc. Tôi rút ra một bài học: làm báo viết gì phải có chứng cứ, ghi âm, hình ảnh, văn bản, không thể chỉ nghe theo lời kể.

Báo Tiền Phong và 3 lần bị khởi tố

Trong những năm Đổi mới, báo Tiền Phong đi tiên phong trong chống tiêu cực, chống tham nhũng và có đến 3 lần bị khởi tố với nhiều tình huống căng thẳng gay gắt nhưng đều vượt qua không chỉ vì cái trí, cái dũng mà trên hết là chữ tâm của người làm báo. Xin ông tiết lộ về 3 lần khởi tố này?

Tôi nhớ, năm 1994 báo Tiền Phong có đăng bài đề cập đến việc một phó giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) đã lấy chiếc xe mô tô phân khối lớn vừa mua gần 30 triệu đồng trang bị cho lực lượng cảnh sát để đăng ký tên mình. Nhưng thực tế, khi bài báo đăng thì vị phó giám đốc đã kiểm điểm và trả lại xe máy, nhưng phóng viên viết bài lại không cập nhật được thông tin này. Lập tức, Viện kiểm sát Nhân dân TP. HCM khởi tố báo Tiền Phong và khởi tố phóng viên viết bài. Lúc đó, tôi phải xin gặp Chủ tịch nước Lê Đức Anh để trình bày rõ sự việc. Chủ tịch nước Lê Đức Anh nói: Tôi sẽ tổ chức một cuộc họp về việc này. Cuộc họp mời ông Hồ Đức Việt - Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn chứ không mời tôi. Nhưng anh Việt bảo: “Anh là Thường vụ Trung ương Đoàn phụ trách báo chí, Tổng biên tập báo Tiền Phong, anh phải đi cuộc này”. Cuộc họp có Bí thư Thành ủy TP. HCM lúc đó; Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an). Trong cuộc họp, Chủ tịch nước Lê Đức Anh bảo tôi trình bày trước. Tôi trình bày lại sự việc, thừa nhận phóng viên viết sau khi Phó giám đốc Công an TP. HCM đã kiểm điểm và trả lại xe máy. Sau khi các đồng chí dự họp đã phát biểu, Chủ tịch nước Lê Đức Anh kết luận: Việc này phóng viên báo Tiền Phong có sai sót nhưng không có tội. Nếu cấu thành tội phạm thì phải có mục đích xấu, phóng viên Tiền Phong không có mục đích xấu. Cho nên bây giờ, một là TBT Dương Xuân Nam phải về kiểm điểm phóng viên viết bài này, hai là Viện kiểm sát Nhân dân tối cao chỉ đạo Viện kiểm sát Nhân dân TP. HCM rút lệnh khởi tố.

Tuy nhiên, sau đó, sự việc vẫn chưa xong. Một số vị lãnh đạo TP. HCM đã đề nghị Chủ tịch nước Lê Đức Anh cho tiếp tục khởi tố vụ án. Nhưng Chủ tịch nước Lê Đức Anh khẳng định: Tôi đã quyết là không thay đổi và tôi chịu trách nhiệm.

Qua vụ việc đáng tiếc này, tôi rút ra bài học kinh nghiệm: khi làm báo có sai sót gì lớn, báo phải chủ động thông tin sớm nhất, tất nhiên phải trung thực, khách quan tới các đồng chí lãnh đạo có trách nhiệm.

Cả 3 vụ khởi tố, báo Tiền Phong đều hóa giải được vì mục đích của chúng tôi là chống tiêu cực, với cái tâm trong sáng, không vụ lợi.

Diễn đàn “Nếu tôi làm lãnh đạo” và vụ án “2000 ngày oan trái”

Ông làm TBT báo Tiền Phong đúng vào thời điểm đất nước bắt đầu công cuộc Đổi mới. Lúc đó, tờ báo đã tiến hành đổi mới như thế nào khi mà cách làm báo kiểu “tuyên giáo” vẫn đang thịnh hành?

Đổi mới ở báo Tiền Phong bắt đầu bằng làm các phụ san. Tiền Phong lúc ấy

mỗi tuần một kỳ, sau đó chúng tôi ra các ấn phẩm phụ như *Tiền phong Chủ nhật*, *Người đẹp Việt Nam*, *Tri thức trẻ*... Báo chủ trương đa dạng hóa thông tin, thông tin nhiều chiều. Tôi nghĩ giáo dục tốt nhất là tự giáo dục bằng cách kể các câu chuyện. Tiếp thu tinh thần đổi mới của thời bấy giờ là dân chủ hóa xã hội, báo Tiền Phong đã tiến hành mở diễn đàn dân chủ hóa xã hội trước hết cho thanh niên. Diễn đàn "*Nếu tôi là lãnh đạo*" ra đời trên cơ sở đó. Theo sáng kiến này, tất cả những người dân bình thường sống trên đất nước Việt Nam, đủ mọi thành phần, lứa tuổi, thậm chí cả các em thiếu nhi đều được phép tự đặt mình vào vị trí người lãnh đạo, kể cả người lãnh đạo cao nhất để phát biểu ý kiến, đưa ra đường hướng chiến lược cho từng vị trí lãnh đạo.

Chẳng hạn, một anh thanh niên hay một cụ già có thể đặt mình vào vị trí Chủ tịch nước thì sẽ làm gì? Nếu anh làm Bộ trưởng Giáo dục thì công việc cụ thể sẽ ra sao để ngành Giáo dục có thể đổi mới, phát triển. Hay nếu anh là Bộ trưởng Quốc phòng thì anh sẽ làm gì để nền an ninh, quốc phòng của đất nước được giữ vững? Nếu anh làm bí thư tỉnh ủy, chủ tịch tỉnh, thành phố thì sẽ làm gì...?

Và từ diễn đàn đặc biệt ấy, báo Tiền Phong đã thực hiện một loạt bài báo gây chấn động. Nhiều người xem đây là một diễn đàn mới mẻ, chưa từng có và cũng lạ lùng, khác người. Diễn đàn sôi nổi, thu hút sự quan tâm chú ý của hàng triệu người và cũng không ít lời nhắc nhở, phê bình, chỉ trích...

Tôi còn nhớ, khi đó, báo Tiền Phong đã cho đăng bài viết của một thanh niên, khi anh tự đặt mình vào vị trí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng... Đó cũng là bài báo khiến Ban biên tập chúng tôi bị phê bình nặng nhất, bị xem là "*tiết lộ bí mật quốc phòng*".

Có thể nói, báo chí Việt Nam thời đó chưa bao giờ có diễn đàn kiểu như vậy. Nhưng diễn đàn "*Nếu tôi là lãnh đạo*" đã thực sự góp phần vào cuộc đấu tranh dân chủ hóa xã hội ở nước ta dù báo cũng phải "*lên bờ xuống ruộng*".

Tiếp theo, báo Tiền Phong cũng mở những diễn đàn khác như "*Tuổi trẻ - sống hiện đại - yêu hiện đại*"; Diễn đàn "*Người Việt - Thói hư tật xấu*".

Cuối những năm 80 của thế kỷ trước, báo Tiền Phong dưới sự cheo lái của ông đã dẫn thân vào những mảng nội dung gai góc như phản biện xã hội, phản biện lại bản án của tòa án, đấu tranh đòi công lý cho những người bị kết án oan sai, trong đó có cả án tử hình và đã thành công - điều mà ngay cả bây giờ ít tờ báo làm được. Nhưng hành trình đó hẳn sẽ rất nhiều chông gai nguy hiểm?

Tiền Phong những năm đầu Đổi mới đã đi tiên phong trong đấu tranh chống tiêu cực, bảo vệ công bằng, lẽ phải và quyền lợi chính đáng của công dân. Có một học sinh giỏi khi đi xe khách bị phụ xe làm nhục, không kìm chế được đã đâm chết người làm nhục mình. Tòa tuyên án tử hình anh học sinh đó. Nhận thấy án nặng quá, báo đã cử phóng viên Chu Thúy Hoa đi viết bài. Nhờ những bài phản biện báo đăng trên Tiền Phong, cậu sinh viên thoát án tử hình, án chung thân, sau khi ra tù, báo Tiền Phong lại xin việc cho. Từ đó, cứ Tết đến, năm nào cậu ấy cũng mang hoa đến tặng, cảm ơn báo Tiền Phong. Loạt bài đó từ năm

1989, đó là thời kỳ báo chí hiếm khi dám phản biện xã hội. Thời gian gần đây, báo chí phản ánh những vụ án oan như vụ Nguyễn Thanh Chấn, Huỳnh Văn Nén nhưng cách đây hơn 30 năm, báo Tiền Phong đã có loạt bài gây chấn động dư luận, minh oan thành công cho một người bị kết tội giết người. Đó là loạt bài “2000 ngày oan trái”.

Vụ án oan xảy ra từ một án mạng vào ngày 28 Tết năm 1983, khi đó Nguyễn Sỹ Lý, quê ở Nghệ An, mới 27 tuổi và đang là giảng viên trường Đại học Tây Nguyên. Ngày 20/9/1983, Lý bị TAND tỉnh Nghệ An tuyên phạt 17 năm tù giam về tội giết người. Anh Lý và gia đình làm đơn kêu oan gửi đi khắp nơi nhưng tất cả vẩn... rơi vào im lặng. Cùng bị giam với Lý khi đó có một người bạn tù tên Cao Tiến Mùi, bị vào tù vì tội lấy mấy cân phân đạm của HTX. Khi ở cùng buồng giam với Lý, Cao Tiến Mùi được nghe Lý kể lại chi tiết câu chuyện và biết chắc Nguyễn Sỹ Lý bị oan. Cao Tiến Mùi cố gắng cải tạo tốt để sớm ra tù, và tìm cách minh oan cho Nguyễn Sỹ Lý.

Được ra tù sớm, Cao Tiến Mùi đã tìm đến một người thợ sửa đồng hồ tên Hồ Hồng Tuyến, là một người rất yêu thơ, hay làm thơ. Sau khi nghe Cao Tiến Mùi kể hết sự tình, Hồ Hồng Tuyến đã cùng Cao Tiến Mùi ra Hà Nội, tìm đến trụ sở báo Tiền Phong, và nói rằng: *“Tôi xin gặp nhà thơ Dương Kỳ Anh!”*. Mọi người có gắng hỏi, nhưng Hồ Hồng Tuyến nhất định chỉ gặp tôi bằng được.

Cô nhân viên lễ tân điện lên cho tôi và bảo *“Mời anh Dương Xuân Nam xuống tiếp khách”*, thì Tuyến xua tay lắc đầu bảo: *“Tôi không gặp ông Dương Xuân Nam! Tôi chỉ xin gặp nhà thơ Dương Kỳ Anh”*. (Lúc đó Tuyến chưa biết tên thật của tôi là Dương Xuân Nam).

Khi tôi xuống phòng khách, Hồ Hồng Tuyến kể lại câu chuyện về Nguyễn Sỹ Lý và cho biết có đầy đủ chứng cứ. Chúng tôi đã hứa viết bài minh oan cho cho Nguyễn Sỹ Lý. Thế nhưng, Tuyến lại “ra giá”: *“Anh đăng cho em một bài thơ thì em mới cung cấp tài liệu”*. Tôi nói: *“Được thôi, nếu đó thực sự là thơ”*. Rồi Tuyến gửi cho tôi 5 bài thơ, và ngay ngày hôm sau chúng tôi đã đăng 1 bài lên báo.

Sau đó, tôi cử Mạnh Việt (một phóng viên kỳ cựu của báo Tiền Phong) cùng Hồ Hồng Tuyến và Cao Tiến Mùi tìm về nhà gia đình Nguyễn Sỹ Lý để tìm hiểu câu chuyện, thu thập thêm chứng cứ và viết bài. Hàng chục bài báo do phóng viên Mạnh Việt và Hồ Hồng Tuyến viết được đăng thành phóng sự dài kỳ trên báo Tiền Phong đã gây chấn động dư luận.

Cũng cần nói thêm rằng, sau lần ấy, từ một thợ sửa chữa đồng hồ phố huyện yêu thơ và thích làm thơ, Hồ Hồng Tuyến đã trở thành một nhà báo thực thụ, có nhiều bài viết tốt cho báo Tiền Phong và nhiều tờ báo khác.

Các bài báo về vụ án Nguyễn Sỹ Lý được tập hợp lại trong tập sách *“Vụ án 2.000 ngày oan trái”*. Theo lời Hồ Hồng Tuyến kể, nhà viết kịch Lưu Quang Vũ đã dựa theo đó viết nên một vở kịch nổi tiếng, nhiều bộ phim - lấy đó làm cốt truyện -

cũng đã ra đời. Nguyễn Sỹ Lý được minh oan, được trả lại tự do, trở về làm cán bộ giảng dạy tại Đại học Tây Nguyên.

Có thể nói vụ án Nguyễn Sỹ Lý ví như là một “vụ Nguyễn Thanh Chấn” cách đây gần 30 năm. Chỉ khác là vụ án đó do chính báo chí lật lại để tòa án minh oan, và tiền đền bù cho Nguyễn Sỹ Lý lúc đó không phải 7,2 tỷ đồng mà gần như không có gì.

Báo Tiền Phong cũng từ đó trở thành địa chỉ tin cậy trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi chính đáng của tuổi trẻ, của người dân. Số lượng phát hành cũng tăng lên rất nhanh, uy tín của tờ báo lan rộng trong cả nước, tờ báo được đọc giả khắp mọi miền tìm đọc.

Khi còn làm báo Tiền Phong, tôi đã thực hiện loạt phóng sự dài kỳ mang tên “Bài thơ gây chấn động dư luận và “đêm trước đổi mới”. Loạt bài viết về nữ sinh văn khoa Phạm Thị Xuân Khải có bài thơ “Mùa xuân nhớ Bác” đăng trên báo Tiền Phong trước thềm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Thực sự nhiều người đã không hiểu vì sao Tiền Phong “dám” đăng bài thơ mà ngay cả bây giờ nhiều người còn e ngại đăng lên Facebook?

Báo Tiền Phong nhận được bài thơ của nữ sinh Văn khoa Đại học Tổng hợp Phạm Thị Xuân Khải, lúc đó anh Đinh Văn Nam đang là Tổng Biên tập, tôi là Phó Tổng biên tập. Đó là thời điểm mùa Xuân năm 1986, trước thềm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Bài thơ “Mùa Xuân nhớ Bác” của tác giả Phạm Thị Xuân Khải đăng trên báo Tiền Phong đã gây xôn xao dư luận cả nước. Phải thừa nhận Tổng biên tập Đinh Văn Nam đã cực kỳ bản lĩnh khi cho đăng bài thơ, được ví như “trái bom thơ” đêm trước Đổi mới, trong đó có những câu:

“Lòng vẫn thăm mơ ước/ Bác Hồ được sống đến hôm nay/ Làm nắng mặt trời xua tan hết mây/ Trừ những thói đời làm dân oán trách/ Có mắt giả mù, có tai giả điếc/ Thích nghe nịnh hót, ghét bỏ lời trung/ Trấn áp đầu tranh, dập vùi khôn khổ/ Cùng chí hướng sao bầy mưu chia rẽ?/ Tham quyền cố vị/ Sợ trẻ hơn già...”

Sau khi đăng bài thơ, không khí tòa soạn báo Tiền Phong cực kỳ căng thẳng, thậm chí chúng tôi chuẩn bị tinh thần có thể bị bắt bất cứ lúc nào. Sau này, tác giả Phạm Thị Xuân Khải đã tâm sự: “Xưa nay “trung ngôn nghịch nhĩ” mà, nhưng rồi thời gian và nhân dân sẽ chứng minh tất cả. Tôi dám viết nhưng điều đáng nói là báo Tiền Phong dám đăng. Tôi cho rằng Tiền Phong là tờ báo đi tiên phong trong việc cổ vũ cho cái Mới, cho công cuộc Đổi mới”. Cuộc Đổi mới ấy từ đâu đến? Trong rất nhiều cách lý giải, phải chăng nó đến từ những tiếng lòng của nhân dân được báo chí đăng tải. Bài thơ “Mùa Xuân nhớ Bác” là một trong những tiếng lòng đó.

Vụ khó xử nhất trong cuộc đời làm báo

Tôi từng chứng kiến ông đã quyết định phanh phui vụ việc liên quan tới người bạn thân của mình... Ông suy nghĩ gì khi quyết định như vậy trong khi ông hoàn toàn có thể “bỏ qua” để giữ tình bạn?

Anh ấy cùng quê Hà Tĩnh và là bạn thân với tôi. Phải nói rằng tôi rất quý anh vì anh ấy là người có tài. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều vì đây là vụ việc có liên quan đến tài sản nhà nước, nhiều tài sản lớn hẫng hoi, là vụ mà báo Tiền Phong đã đưa “Biến nhà công thành nhà tư” của không ít người lúc đó và cuối cùng quyết định vì việc chung mà hy sinh tình cảm riêng. Đây là việc lớn không thể bỏ qua. Trước khi đăng bài, tôi không nghe điện thoại. Sau khi Tiền Phong đăng loạt bài, anh ấy đã làm đơn trả lại nhà. Nhiều cán bộ cấp cao khác cũng trả lại nhà công vụ. Đó là việc khó xử nhất trong đời làm báo của tôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa gặp lại người bạn đó, mong là anh bỏ qua cho tôi.

Làm TBT 21 năm, dưới quyền có nhiều nhà báo giỏi, nhưng đầy cá tính, thậm chí “ngang ngược”, làm thế nào ông dung hòa được họ?

Khi tôi lên làm TBT báo Tiền Phong, tôi khẳng định sẽ kế thừa những người đi trước, nhưng làm TBT 1 ngày tôi làm theo cách của tôi. Mọi tính cách trong tòa soạn tôi đều chấp nhận miễn là tính cách đó không hại đến cái chung. Ngày tôi mới làm báo Tiền Phong, đi muộn mấy phút mà công đoàn vật ngựa xe đạp giữa sân để cảnh báo. Nhưng với tôi, ở đời sống phải nghĩ thoáng. Cả đời tôi có thù hằn ai đâu. Tôi không bao giờ đổ kỵ ai. Ai thành công là tôi mừng.

Phải chăng một trong những “định nghĩa” về một TBT giỏi là phải đào tạo được những nhà báo giỏi như huấn luyện viên giỏi phải đào tạo được cầu thủ ngôi sao?

Đúng vậy, đào tạo, hướng dẫn và chấp nhận.

Về hưu hơn 10 năm, ông vẫn vẫn miệt mài viết văn, làm báo ở nhà vườn Sóc Sơn ngoại thành Hà Nội. Đã đủ độ lùi thời gian và không gian cho ông có thể đánh giá vài điều về báo chí bây giờ có những điểm khác gì với báo chí thời ông làm Tổng biên tập?

Mỗi thời, người làm báo đều phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Thời nay, làm báo cũng rất khó khăn... Nhiều tờ báo, nhiều nhà báo cũng đang dừng cảm vượt qua... Có điều, thời nay tôi thấy rất ít những vụ chống tiêu cực do chính phóng viên tự điều tra... mà thường lấy kết luận điều tra từ công an, thời chúng tôi làm nhiều vụ tiêu cực lớn do báo tự điều tra sau đó công an và các cơ quan khác mới vào cuộc...

Bây giờ không phải là thời đại báo giấy nữa rồi. Càng ngày báo chí sẽ càng cạnh tranh, và phải cạnh tranh với mạng xã hội, như Facebook thực chất là tờ báo lớn nhất rồi. Trong xu thế này, nên phát triển báo điện tử theo hướng đa phương tiện. Nên có sự tương tác trực tiếp tức thời với bạn đọc. Người làm báo cũng cần mạnh dạn đổi mới.

Theo ông, thời nay, làm TBT cần những phẩm chất gì để có thể đưa tờ báo phát triển vừa đúng đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước vừa phục vụ bạn đọc?

Làm TBT đòi hỏi nhiều phẩm chất. Phẩm chất đầu tiên của người làm báo là phải phản ánh đúng sự thực và bày tỏ chính kiến của mình trước sự thực đó. Trung thực đã khó, bày tỏ chính kiến lại khó hơn. Ngoài ra, TBT phải lãnh đạo tờ báo

sao cho có doanh thu nhiều, có lãi để đảm bảo đời sống cho anh em. Khi anh em được đảm bảo đời sống tốt, họ sẽ chuyên tâm với nghề, không làm chuyện tiêu cực. Làm TBT phải am hiểu pháp luật, am hiểu về kinh tế, am hiểu về văn hóa, xã hội. Cho nên tôi coi TBT là một nghề đặc biệt. Mà làm nghề gì cũng phải tinh thông. Có thể người viết báo giỏi nhưng không phải là TBT giỏi. Nhưng nếu là TBT giỏi đồng thời là một nhà báo giỏi thì tuyệt vời.

Ông từng nói: Làm Tổng biên tập như đi trên dây. Ông đi “trên dây” những 21 năm mà vẫn vững vàng, làm sao tìm được sự cân bằng như vậy?

“Ta cân bằng mình/ Tìm an nhàn trong bận rộn/ Tìm niềm tin trong thất vọng/ Nhân ái bao dung với phản trắc đối lừa...” (Thơ Dương Kỳ Anh)

Trước đây, làm TBT báo Tiền Phong, giữ chân “3 thường vụ, 4 chấp hành” rất bận nhưng tôi vẫn dành thời gian để viết văn, ra tiểu thuyết. Tôi về hưu 11 năm nay nhưng chưa bao giờ hết việc. Tôi nhận làm cho mấy tờ báo, viết văn, làm thơ, nghe nhạc, đọc sách. Tôi thích ở một mình, thích ngồi một mình suy ngẫm... *“Bây giờ, tôi biết lặng im/ Như con sông chảy, im lìm ngoài kia/ Lặng im khi buổi chiều về/ Phù sa lắng đọng, bốn bề tâm tư/ Tôi nào đâu dám thờ ơ/ Trước bao la những bến bờ con sông/ Lặng im cây lúa làm đồng/ Lặng im đến với mệnh mệnh mùa vàng / Một đời im lặng nuôi con/ Lặng im vật áo nâu sống mẹ tôi / Bao nhiêu năm học nói, cười/ Hôm nay tôi học được lời: Lặng im”.* (Thơ Dương Kỳ Anh)

Là một TBT dày dặn kinh nghiệm, đứng mũi chịu sào bao nhiêu năm, nhưng dường như sâu thẳm trong ông là thi sĩ Dương Kỳ Anh tâm hồn đa cảm, có khi mong manh dễ vỡ trước những “nanh nọc” cuộc đời?

Tôi đã viết những câu thơ này: *“Có một người trần thế / Mời dịu dàng vào nhà/ Cửa đời nanh nọc thế/ Dịu dàng làm sao qua?”*

Ở tuổi này, nếu có một “dịu dàng” yêu ông, ông có mời vào nhà?

Tôi giấu người ấy vào thơ, còn ngoài đời tôi đành bỏ chạy...

Xin trân trọng cảm ơn ông!

PHÙNG NGUYỄN (thực hiện)



Già bản Lô Quốc Tuấn chuẩn bị nẹp nhà cho cô con gái út

Bản vắng thanh niên

LANG QUỐC KHÁNH

Xưa Huồi Thơi có tên gọi là Huồi Xan, con suối chảy vòng quanh chân núi, ôm ấp bản Tùng Hương, xã Tam Quang, huyện Tương Dương, Nghệ An.

Có năm lũ lên, nước Huồi Thơi ngập cả cánh đồng ít ỏi mà dân bản dành để cấy lúa. Mặc dầu vậy, nhưng Huồi Thơi vẫn luôn là cảm hứng của những điệu lăm, nhuôn, xuối, của người Thái và người Tày Pọng nơi đây. Huồi Thơi cũng là nguồn cảm xúc để những người con đi xa bản luôn nhớ và muốn về.

Cô gái trẻ đang xúc cá bên bờ suối. Em có dáng người dong dỏng cao, gương mặt thanh thoát, tóc ngắn chớm vai, màu tóc ánh vàng, da trắng, cứ nghĩ em không phải người bản này. Em cho biết, tên Ngà sinh năm 1997. Ở cái bản này mà gặp được một người trẻ là chuyện hiếm hoi. Em bảo, mới trở về từ thành phố. Ngày đó, cưới chồng xong, Ngà được chị họ chồng đưa về thành phố xin làm việc tại một công ty tư vấn tài chính. Nghề không mấy vất vả, chỉ cần quen mấy thao tác cơ bản trên máy tính, rồi hàng ngày giao dịch cho vay đối với sinh viên thì lương tháng cũng được dăm triệu. Ngà bảo, còn hơn ở nhà, không biết làm gì kiếm ra

đồng tiền, lên rừng hái củi hái măng cũng chẳng biết bán cho ai, vì ra trung tâm xã cũng hết nửa buổi đi xe máy. Mấy năm đầu công việc còn suôn sẻ, nhưng khi chính quyền quản lý chặt nặn cho vay lãi cao của một số công ty tài chính tư nhân thì Ngà gần như thất nghiệp. Đúng lúc ấy, anh rể chồng chuyển Ngà vào đảm nhiệm công việc tại một cơ sở chân rết ở Huế. Hôm ấy anh trai của anh rể chồng, là quản lý cơ sở, nhiệt tình ra đón Ngà tận bến xe, sau đó đưa Ngà đi ăn đêm, rồi còn lái xe lòng vòng quanh bờ sông Hương thơ mộng, ngắm cảnh cổ đô về đêm... Ngà nghĩ chắc mình ở hiền gặp lành, được chăm sóc tận tình nên cảm giác cô đơn xa nhà, xa chồng nhanh chóng dịu vơi. Em được thư giãn, bù đắp cho tuổi thơ lam lũ nơi bản vắng. Đêm ấy, đang thiêu ngủ, bỗng một thân hình đàn ông với mùi mồ hôi lạ áp lên ngực, làm Ngà sực tỉnh, cô đập mạnh hấn ra khỏi giường, rồi vụt chạy vào nắp trong nhà kho, run rẩy. Gã đàn ông lúc chiều dịu ngọt, “anh chỉ trêu em thôi mà, đừng sợ”. Nhưng Ngà khóc, ngồi thụp trong góc nhà. Hấn lại gần dỗ dành, Ngà nghĩ chắc hấn xấu hổ với cử chỉ thô bạo nên cô trở lại phòng ngủ. Lúc này, Ngà cẩn thận hơn, bấm chốt cửa rồi mới ngủ tiếp. Nhưng gần sáng, gã đàn ông ấy có chìa khóa riêng, hấn lại mò vào với Ngà. Hai cánh tay lực lưỡng và thân hình nặng của hấn làm Ngà gần như ngạt thở. Sau cái đêm hôm ấy, đêm nào Ngà cũng khóc một mình. Cảm giác tủi hổ ê chề, nhưng nếu về bản thì lấy đâu thu nhập để nuôi con, nuôi mẹ già.

Đó chỉ là một trong những câu chuyện mà tôi nghe được ở ngôi bản nơi vùng cao biên giới. Đó là chưa kể những chàng trai cô gái đi theo những đường dây cờ mồi, rủ rê vượt biên sang tận Trung Quốc, Lào, Thái Lan, mỗi người một số phận. Người gặp may mắn ít hơn người rủi ro. Vài năm lại nay còn rộ lên tại xã Hữu Kiệm và xã Chiêu Lưu của huyện Kỳ Sơn, có hàng chục phụ nữ kéo nhau sang Trung Quốc bán bào thai, có chị đã bỏ mạng mà không thể đưa xác về. Ông Nguyễn Hữu Lượng, Chủ tịch xã Hữu Kiệm cho biết, trong 3 năm, xã ông có 22 phụ nữ vượt biên sang Trung Quốc bán bào thai. Công an Nghệ An tổng hợp, vài năm nay, tình hình tội phạm mua bán người, mua bán trẻ em trên địa bàn Nghệ An, nhất là tại các huyện miền núi tiếp tục diễn biến phức tạp, phương thức, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi. Toàn tỉnh Nghệ An hiện còn 263 phụ nữ, trẻ em vắng mặt lâu ngày tại địa phương, nghi là nạn nhân của tội phạm mua bán người. Riêng huyện biên giới Kỳ Sơn có 25 trường hợp phụ nữ dân tộc thiểu số mang thai sang Trung Quốc đẻ; trong số đó lực lượng Công an đã xác minh làm rõ 6 trường hợp sau khi sinh con đã bán lại bên Trung Quốc, mỗi trường hợp từ 80 đến 140 triệu đồng; các trường hợp còn lại do thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên chưa thể xác minh, làm rõ được. Tôi còn ghi được những câu chuyện, nhiều cô gái trẻ bị bán cho chủ chứa, rồi chủ giữ luôn hộ chiếu không cho nạn nhân ra ngoài, sau đó chúng báo cảnh sát bắt giam nạn nhân với lí do nhập cảnh trái phép. Rồi chủ chứa với chiêu bài rủ lòng thương, đi chuộc nạn nhân, nhưng cam kết phải tuân thủ, ngoan ngoãn nghe lời thì mới chuộc ra khỏi nhà tù xứ người...

Tôi nhìn qua cánh đồng, bên kia là Đồn biên phòng Tam Quang, khuôn viên đồn rực sáng, điểm tô thêm bức tranh của núi rừng biên giới. Bên này là ngôi nhà



Bản làng nhà sàn mái ngói Khang trang nhưng vắng bóng người trẻ

ông Lô Quốc Tuấn, già bản Tùng Hương, ông đã ở cái tuổi xưa nay hiếm. Từng là Bí thư Chi bộ của bản, nên ông nắm rất rõ lai lịch của bản. Ông Tuấn có dáng người rắn chắc. Khuôn mặt ông sạm nắng, khắc khổ, trông ông giống như một cựu chiến binh về bản. Ở cái tuổi ông, đáng ra phải được nghỉ ngơi, thụ hưởng, nhưng từ ngày cả 4 người con đi làm ăn xa thì mọi việc nhà, việc bản đều đến tay ông. Bản Tùng Hương, nhà nào cũng dựng cột gỗ kê, mái ngói, hoặc mái tôn vững chãi. Ông Tuấn cho biết, bản đã được công nhận là “làng văn hóa” đầu tiên ở huyện Tương Dương. Thế nhưng, những ngã đường trong bản sáng trắng ấy có cảm giác lạnh vắng, vì rất không một bóng thanh niên.

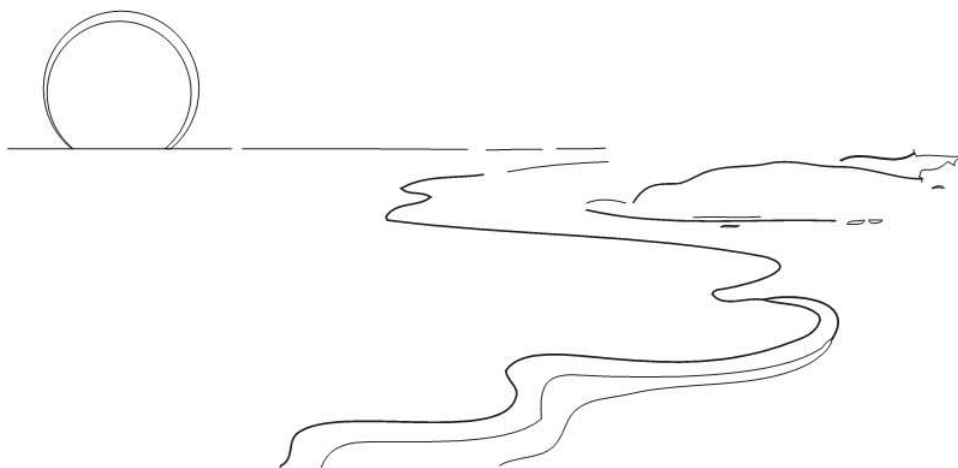
Ông Lô Quốc Tuấn dẫn tôi vòng quanh bản. Ông chỉ xuống suối, nói: Những năm trước, người Tùng Hương không phải đi đâu xa, chỉ cần vác chài xuống suối đã đem về mẻ man nào cá mát, cá tịt mũi, cá còm. Cũng những năm ấy, người bản chỉ cần vào bìa rừng là đã đầy ắp gùi: măng nứa, nấm đùi gà, rau dớn. Nhưng từ khi người Tùng Hương đông thêm, bản chia ra thành hai bản Tùng Hương và Liên Hương, thì cây trên rừng cũng thưa dần bởi rẫy lúa, nương ngô, nhưng cũng không đủ ăn. Ông Tuấn giải thích, Tùng Hương có 171 hộ với hơn 700 khẩu, mỗi khẩu chỉ được chia bình quân 59 m² đất sản xuất, nên thường xuyên thiếu lương thực. Chính vì thế, thanh niên trai, gái bản đã phải đi xa tìm công ăn việc làm, rồi mỗi năm họ gửi tiền về cho người thân làm nhà, sửa bản, nên anh nhìn đó, bản Khang trang như thế này nhưng vắng người. Ông Lô Quốc Tuấn lý giải tiếp, cả 4 người con của ông cũng không ai ở nhà. Hiện cô con gái út, chưa chồng, “đang làm việc cho một công ty may tận trong thành phố Hồ Chí Minh, mỗi năm nó gửi về cho một ít, nên tôi tích cóp mua gỗ để đó, khi nó lấy chồng thì dựng cho nó cái nhà sàn”. Còn 2 cô con gái lớn thì vào làm thuê trong Đắk Lắk, rồi lấy chồng và ở hẳn trong ấy, chúng ít về lắm, vì bận việc nhà. Người con trai duy nhất của ông cũng đi tìm việc làm rồi lấy vợ ở xa, nên vợ chồng già vò vò trong ngôi nhà trống, rộng thênh. Cũng may, trời cho sức khỏe, chứ đau ốm là không ai chăm sóc.

“Người già như chúng ta là không đi làm ăn xa được nên phải ở nhà thôi. Ai còn trẻ, còn sức thì họ đi. Anh coi, bản không còn thanh niên khỏe ở nhà nữa. Nếu mà trong bản có việc khiêng ma thì người già như chúng ta vẫn phải đi khiêng. Việc chi trong bản nì, người già như chúng ta phải làm hết, kể cả làm đường trong bản hay dựng cột nhà, may còn có bộ đội biên phòng, chúng nó như con cháu, họ hàng, có việc chi nặng thì kêu chúng nó giúp”. Ông Tuấn giải bày, mắt ông nhìn lên núi như tránh ánh nhìn của tôi.

Phó Bí thư Đảng ủy xã Tam Quang, Thiếu tá Hồ Xuân Tuyến cho biết, bản Tùng Hương được huyện rất quan tâm như giúp bà con vay vốn phát triển sản xuất, chăn nuôi trâu bò, lợn gà, nhưng về lợn thì nay đã bán hết và chưa nuôi lại được bởi dịch tả lợn Châu Phi. Đặc biệt bộ đội biên phòng Đồn Tam Quang còn kêu gọi các nhà hảo tâm giúp đỡ các hộ nghèo. Hay như chuyện làm đường bê tông trong bản chẳng hạn, Nhà nước hỗ trợ vật tư, dân và bộ đội biên phòng góp công sức. Vấn đề này, Thượng tá Phan Thanh Hồng, Đồn trưởng Đồn Biên phòng Tam Quang, trong một đoạn băng mà tôi phỏng vấn ghi âm, cũng xác nhận, đầu năm 2020, Đồn đã đứng ra vận động quyên góp xây dựng được 3 ngôi nhà tình nghĩa, kết nối các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm chung tay chăm lo các hộ nghèo, gia đình chính sách; Triển khai chương trình “Nâng bước em tới trường”, xây dựng công trình nước sạch, hỗ trợ “Tết vì người nghèo”, đồng hành cùng địa phương bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, đảm bảo an ninh trật tự và an ninh nông thôn, hạn chế tối đa các vụ án... Để bảo tồn nét văn hóa người Thái, người Tày Pọng, bà con vừa lập một tổ dệt gồm 6 khung cửi, tập hợp được 28 chị em tham gia để vừa giữ gìn nét văn hóa bản sắc vừa kiếm thêm thu nhập.

Trong chuyến đi thực tế của Ban Văn xuôi, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Nghệ An, cuối tháng 11 năm ngoái, làm việc với ông Lữ Văn May, Phó Bí thư Huyện ủy Tương Dương, ông cho biết, địa phương này vẫn đang thuộc diện 30a, tức là huyện nghèo, Nhà nước còn phải hỗ trợ mọi phương diện đời sống người dân. Do mưu cầu cuộc sống, nên thanh niên các bản vùng cao tự đi tìm công ăn việc làm, nhưng nếu họ không chủ động ra đi thì cũng khó giải quyết nhu cầu cuộc sống cho họ. Huyện đã có hơn 8.000 lao động đi làm ăn xa, kể cả tại thị trường Trung Quốc. Bên cạnh những bất cập, thậm chí cả những rủi ro, thì phải ghi nhận rằng, thu nhập từ lao động gửi về địa phương là trên 500 tỷ đồng mỗi năm; gương mặt nông thôn miền núi khởi sắc hơn trước cũng nhờ một phần từ nguồn này. Trong khi đó tổng thu ngân sách của toàn huyện giai đoạn 2016-2020 chỉ ước đạt 120 tỷ đồng. Tuy nhiên, huyện đang cố gắng thống kê danh sách số lao động đi làm ăn xa, nắm tình hình di biến động của họ để kịp thời có biện pháp bảo hộ, hỗ trợ họ những khi cần thiết. Bên cạnh đó có chính sách đào tạo nghề để khi họ ra đi thì dễ tiếp cận, hòa nhập với môi trường lao động mới.

Tôi lần thân từ đầu bản đến cuối bản Tùng Hương, những ngôi nhà sàn rực mái ngói khang trang, vững chãi, bên sườn núi. Bản đẹp như tranh, nhưng rất không bóng dáng những chàng trai, cô gái.



Tản mạn một dòng trôi

TRẦN HỮU VINH

Người dân quê tôi gọi sông Lạch Vạn là sông Vạn, nhưng sông Lạch Vạn chỉ là phần hạ lưu của sông Bùng - con sông chảy qua những làng quê vùng Nam Diễn Châu rồi đổ ra biển. Sông Bùng chứa đựng bao lớp trầm tích văn hoá của đất Phú Diễn - Hoan Châu. Nhìn từ trên cao, khúc sông êm đềm như một câu ca chảy qua Diễn Vạn ấy có hình chữ S.

Người đời sau kể lại, từ xa xưa, khoảng thế kỷ XVII - XVIII, làng Vạn Phần đã có nghề đi biển đánh cá và làm nước mắm. Con sông Vạn là cửa ngõ của người dân Vạn Phần trong làm ăn buôn bán. Các tuyến đường bộ thông thương với bên ngoài rất hạn chế nên Vạn Phần được ví như cái lòng chảo. Đất Vạn Phần xưa nổi tiếng giàu có hàng nhất phủ với mấy chục địa chủ, tiểu thương và cả những thương gia có hàng chục con thuyền vươn khơi đánh bắt và chở nước mắm đi bán nhiều nơi trong cả nước. Cho đến những năm đầu thế kỷ XX thì khúc sông nổi ra Lạch Vạn này vẫn sầm uất, trên bến dưới thuyền. Rồi sau này, HTX Vạn Thủy được thành lập, những cánh buồm nâu thưa dần và được thay thế bởi những con tàu lớn, dòng sông là nơi neo đậu của hàng chục con tàu Vi-et hiện đại - những

con tàu chở hàng chục tấn hàng không chỉ cập những bến cảng trong nước như Nghệ Tĩnh, Hải Phòng, Sài Gòn, Vũng Tàu... mà có thể giao thương với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Hồng Kông, Xingapo... Thế rồi, thời cuộc thay đổi, từ một đoàn tàu lớn của HTX ngày nào chỉ còn dăm ba chiếc của những hộ tư nhân, những người có kinh nghiệm và tay nghề trong HTX, khi HTX giải thể thì họ chung nhau mua tàu để làm ăn buôn bán. Cái nghề sông biển, nhất là sông biển hiện đại trong những năm 80; 90 của thế kỷ trước cũng không hề dễ dàng. Sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường đã làm cho những hộ tư nhân không giữ nổi nghề. Khúc sông giờ đây lại trở về cái thuở xa xưa, khiêm tốn với mấy con thuyền đánh cá đơn sơ, bé nhỏ...

Từ Diễn Kỷ, dòng xuôi theo con đê, phía Tây vẫn là xóm Đông Kỷ rồi đến cánh đồng tôm sú xóm Đồng Hà, phía Đông là đồng muối xóm Vạn Tài. Đó là điểm du ngoạn đầu tiên của dòng sông trên đất Diễn Vạn. Sông Bùng im lìm như chìm vào giấc ngủ sau khi lượn qua miền phố thị (từ thị trấn Diễn Châu đến thị tứ Cầu Bùng); thế nên, người dân nơi đây đã đổi tên thành sông Vạn từ lúc nào mà sông chẳng hay biết. Phải chăng, chảy qua những ồn ào náo nhiệt những miền sầm uất, sông muốn tìm một giấc bình yên? Vậy nên khi đến nơi này, đôi bờ chỉ còn phơ phất những bãi đay, những cây sú và lau lách đìu hiu làm chỗ trú chân của những đàn cò trắng khi mỗi cánh, lúc vãn chiều...

Cách đó không xa, bên bờ Tây, là ngôi đền thờ Sát hải Đại vương Hoàng Tá Thốn càng tôn thêm vẻ trầm mặc, thâm u cho vùng đất này. Những năm chống quân xâm lược Nguyên - Mông, sông Vạn đã hoài thai để sinh ra một người con góp phần cứu nguy cho giang sơn xã tắc. Giai thoại dân làng kể lại rằng: Một hôm, mẹ Hoàng Tá Thốn ra sông gánh nước thì bắt gặp hai con trâu vàng từ dưới sông ngoi lên húc nhau, bà đưa đòn gánh can ra thì hai con trâu biến mất. Về nhà, trông thấy chiếc lông trâu vẫn vương trên đòn gánh, bà đem cất đi thì chẳng bao lâu sau bà thụ thai và sinh ra một cậu bé khôi ngô tuấn tú, lớn lên có sức khoẻ phi thường, đặt tên là Hoàng Tá Thốn. Cậu bé Hoàng Tá Thốn có tài bơi lội như con rái cá, đi lại dưới nước dễ dàng như trên cạn. Một hôm, khi đi cùng chúng bạn qua sông Vạn, nhìn thấy những thân cây ở đầu nguồn trôi về, Hoàng Tá Thốn giơ tay chỉ, bắt chúng dừng lại, quả nhiên, bao nhiêu cây gỗ, cây tre, cành củi... không vướng gì mà tất cả dừng trôi rồi xếp theo hàng, theo lối. Tối đến, mẹ Tá Thốn bảo: "Con có làm gì ai không mà đêm đêm mẹ nghe tiếng người kêu xin tha?". Hôm sau, Hoàng Tá Thốn lại ra sông chỉ tay và nói: "Cho chúng mày đi", thế là bao nhiêu cây cối dưới sông trôi đi. Còn theo cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* thì vào thế kỷ XIII, dưới thời Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, khi giặc Nguyên - Mông sang xâm lược nước ta, nhờ có tài bơi lội và võ nghệ hơn người, Hoàng Tá Thốn được tiến cử với Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn. Thấy được năng lực đặc biệt của Hoàng Tá Thốn, Hưng Đạo Vương đã giao cho ông thống lĩnh hàng vạn thủy binh chặn đánh đạo quân do Ô Mã Nhi chỉ huy trên sông Bạch Đằng và lập được nhiều chiến công lớn. Khi ngài mất, nhân dân ở nhiều nơi như Hoàng Hoá (Thanh Hoá) Yên Thành, Diễn Châu... lập đền thờ ngài. Ngôi đền thờ Sát

Hải Đại Vương với những bức tượng voi đá, ngựa đá kính cẩn cúi chào, hai vị tướng vác đao nghiêm trang đứng gác, mắt vẫn hướng ra bờ sông như ngóng trông chủ tướng cùng đoàn chiến thuyền ca khúc khai hoàn trở về.

Buổi sáng, tiếng chuông ngân nga đánh thức dòng sông tỉnh giấc, tiếng chuông ấy của nhà thờ giáo xứ Vạn Phần, tháp chuông vươn lên trên mây trời xanh biếc. Đường như trôi qua đây, sông cố tình chậm lại để thưởng thức mùi hương ngọt ngào của mật mía nấu chín quện vào mùi thơm của lạc rang. Đồng Hà là xóm nổi tiếng với nghề làm kẹo lạc. Rồi sông mơ màng đi qua các xóm Yên Đồng, Trung Phú, Trung Hậu. Song song với dòng sông là con đường cái quan, làng mạc nối liền bên bờ Đông, bên kia bờ là cánh đồng muối Vạn Nam. Cứ thế, sông miên man, lững lờ trôi qua lịch sử Vạn Phần suốt bao nhiêu thế kỷ, chứng kiến bao biến cố của vùng đất này. Chính trên quãng này, sông Vạn đã từng nô đùa với bao thế hệ trẻ thơ, cùng chúng vùng vẫy, cười đùa mê mải. Hồn nhiên đấy, để rồi có khi sông lại hờn ghen giận dữ, mỗi cử tháng Tám về. Những mùa tháng Tám, nước dâng cao. Nhiều năm trước, nước tràn vào tận giữa làng, ấy là những năm mà đê điều, kênh mương còn thô sơ. Những ngôi nhà tranh vách nứa đơn sơ run rẩy, liêu xiêu chống chọi trong biển nước. Cái dỗi, cái rét theo nước sông mà thêm buốt nhói. Sự giận dữ của dòng sông đã gây ra không ít tổn thất. Nhưng bên cạnh đó, sông Vạn vẫn là nguồn cung cấp thủy, hải sản cho nhiều hộ dân làm nghề đánh bắt trên sông. Có lẽ, chỉ những người dân chài mới hiểu và dung hoà được tính cách của dòng sông đã đời nổi đời gần bó cùng họ.

Nếu ai chèo thuyền đi dọc dòng sông ở quãng này, không thể không thèm thỗng cái mùi thơm xao xuyến từ những lò nướng cá ven bờ. Cái mùi hương toả đi thật xa và hấp dẫn vị giác đến thế. Bất giác, dòng sông uốn nhẹ một chút để ghé vào chùa Cần Linh trên nền đền Ca Vũ rồi mới tiếp tục lượn sang đất Vạn Nam. Đền Ca Vũ giờ chỉ còn lại một cổng tam quan trên nền đất cao, cổng đền rong rêu phủ kín, cây cỏ mọc loang lổ, những thân cây mềm rũ cành lá trên mái tam quan làm hằn lên những vết nhăn thời gian. Cây xộp già năm, bảy đứa trẻ ôm không xuể đã chết, chỉ còn lại hàng dừa cổ thụ cần cỗi, già nua đang gắng gượng sinh tồn như muốn níu giữ lại chút cổ kính xa xưa.

Vậy là đã lượn một vòng quanh xóm Vạn Nam, Vạn Tài, sông Vạn được ném trái cái vị mặn mòi của đồng muối. Muối là sản phẩm gắn liền với đời sống của nhân dân Diễn Vạn không biết tự bao giờ. Bao nhiêu thời gian, bao nhiêu thế hệ đã làm muối ở nơi này? Chỉ một mình sông Vạn biết, vì sông vẫn nhẫn nại chảy qua đây từ xa xưa. Những buổi chiều nắng Nam, người diêm dân ngoảnh mặt về hướng Đông tránh ánh mặt trời và bắt gặp nụ cười chói lóa của dòng sông, cơn gió nồm mát rượi qua sông làm diêm dân cảm thấy bao nhiêu mệt nhọc tan biến. Rồi sông Vạn chuyển mình theo hình một cánh cung đi qua các xã: Diễn Kim, Diễn Bích, Diễn Ngọc, Diễn Thành. Bắt đầu từ xóm Trung Hậu của Diễn Vạn, dòng sông được khoác lên mình màu xanh biêng biếc của rừng sú. Rừng sú giữ cho bờ sông không bị xói mòn, tạo môi trường cho những loài thủy sinh, giáp xác sinh sống và phát triển nhưng lại vô tình thu hẹp lòng sông. Xưa, đứng bên này

nhìn sang bên kia bờ sông, ai cũng cảm thấy rợn ngợp bởi cái mệnh mỏng của nước - lòng sông sâu, hai bờ sông rộng, đám trẻ con không mấy đứa đủ dũng khí và sức khoẻ để bơi qua. Nay hai bên bờ đã bị bồi đắp quá nửa. Không còn nữa cái mệnh mỏng, bát ngát như 30 năm về trước.

Xuôi về cửa biển, sông bắt gặp những đoàn thuyền đánh cá của ngư dân các xã Diên Bích, Diên Ngọc ra khơi. Tại Diên Ngọc, Công ty Cổ phần Thủy sản Vạn Phần Diên Châu được tái thiết từ Trạm Hải sản Diên Châu, thành lập năm 1947 để làm nhiệm vụ kinh tài cho đất nước sau cách mạng tháng Tám và thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - chính trị trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Cái tên “nước mắm Vạn phần” giờ đã được đăng kí thương hiệu tại Bộ Công thương (năm 2003), được đưa đi khắp các miền đất nước và xuất khẩu ra nước ngoài nhưng nó không còn ở trên mảnh đất khởi thủy hàng trăm năm trước đã khai sinh ra nó nữa. Trước mặt Công ty Cổ phần Thủy sản Vạn Phần Diên Châu là một cảng cá lớn, nơi những đoàn thuyền tấp nập cập bến sau những chuyến đi khơi, đi lộng. Đón những con thuyền là bà con tiểu thương trong những tiếng lao xao rộn rã, trong cái vị mặn mòi và mùi nồng nàn của hải sản. Tôm, cua, cá, ghẹ, mực... từ đây mà đi tới muôn nơi.

Xuôi về cửa biển, bắt gặp những đoàn thuyền đánh cá của ngư dân các xã Diên Bích, Diên Ngọc ra khơi, sông nghe đâu đó ai cất lên khúc ca yêu đời: *“Thuyền anh ra khơi khi chân mây ửng hồng/ Thuyền anh ra khơi có ngại chi mưa nắng”*. Và câu hát cứ ngân nga, ngân nga trong nắng gió miên man.

Bắt đầu từ đây, sông như được thăng hoa khi bắt gặp biển cả. Nghe tiếng gọi rì rào của biển mẹ, sông bỗng thấy hân hoan. Rồi sông mất hút dần theo tiếng sóng, chỉ có rừng phi lao bên bờ cất khúc hoan ca chúc tụng cuộc hội ngộ nhiệm mầu. Vâng, dòng sông đã trở về nơi mà nó bắt đầu, nó sẽ tiếp tục một hành trình sinh tồn mới, hành trình của người thiếu nữ ngàn năm còn trẻ.

Sư thầy Đàm Quyên

CAO KHOA

Trên chuyến xe khách từ Hà Nội về Vinh, tôi nằm ở dãy giường giữa, tầng trên. Ti vi nhà xe đang chiếu một bộ phim võ thuật. Khi tôi nhòm dậy lấy chai nước, chậm rãi mở nắp điềm nhiên tu từng ngụm, một giọng nói từ phía sau cất lên:

- Bác ơi, cho cháu xem với.

Nghĩ mình vô duyên, tôi quay lại nói lời xin lỗi. Chợt sững sốt khi thấy một gương mặt rất đối thân quen. Tôi đã gặp chàng trai này ở đâu nhỉ? Cậu ta mới khoảng mười tám, hai mươi tuổi, gương mặt đầy nam tính nhưng ánh mắt, sống mũi và thần thái giống một người phụ nữ tôi quen. Thế rồi suốt chặng đường tôi cứ phấp phồng trong lòng nhưng không tiện nói chuyện với chàng trai đó.

Xe về đến Thanh Hóa thì dừng ăn cơm trưa, tôi cố ý ngồi vào cùng bàn với cậu. Tôi hỏi:

- Cháu xuống đâu?

- Dạ, cháu về Vinh.

- Quê cháu ở đây à?

- Dạ không, cháu vào nhà bạn chơi. Chúng cháu là sinh viên năm hai của trường Thương mại bác ạ.

Tôi nhanh chóng gợi chuyện để hy vọng được lý giải những thắc mắc của mình. Khi thấy câu chuyện đã mở ra nhiều ý trùng khớp, tôi hỏi thẳng luôn:

- Bố cháu là tiến sĩ khoa học?



Minh họa: BÀ SIẾU

- Ôi! Sao bác biết?
- Mẹ cháu là Quyên phải không?
- Đúng ạ.
- Bố mẹ cháu bây giờ ở đâu?
- Bố cháu bị bệnh ung thư mất khi cháu mười lăm tuổi, còn mẹ đang làm hộ lý cho bệnh viện huyện ở gần nhà ạ.

Câu chuyện được làm sáng tỏ nhiều điều tôi muốn biết. Xong bữa trưa, hành khách về lại chỗ của mình. Tôi nằm xuống kéo chăn đắp lên ngực, im lặng nhớ về ngôi chùa nhỏ ở ngoại thành Hà Nội.

Đó là một chiều mùa thu nắng nhẹ, gió mơn man xào xạc trên vòm cây. Tôi dẫn theo một cậu bé năm tuổi của vợ chồng người quen đi vãn cảnh chùa. Trong khuôn

TRUYỆN NGẮN

viên nhà chùa, những quả bưởi no tròn đang đung đưa, đung đưa, chiếc lá vôi khô rơi lác đác trên nền sân gạch màu nâu, cây ngọc lan vừa nở những chùm nụ nõn nà tỏa ra mùi hương dịu dịu. Sư thầy từ trong nhà tổ bước ra, tôi nhanh nhẩu:

- Chào thầy ạ.

- A di đà phật. Hôm nay chủ nhật, bố con bác đi vãn cảnh chùa?

Tôi chưa biết mở miệng nói câu gì, trước mắt tôi là một sư nữ. Tuổi sư thầy chừng hai bốn, hai lăm, nước da trắng ngần, đôi mắt đen láy chứa đựng một nỗi niềm u uất, trầm mặc. Thầy mặc bộ đồ nâu, đội khăn nâu và đi đôi dép *săng - đan* màu gan gà mỏng lét. Những bước chân của người tu hành chậm rãi, nhẹ nhàng như đi trên mây.

- Thưa thầy, cậu bé này là con của người quen, tôi đi đâu nó cũng đòi theo thế đấy.

- Vâng, nhà chùa mời bác vào xơi nước, có các vãi trong phòng khách đấy ạ.

Sau buổi ấy, vài tuần tôi lại ra chơi nhà chùa một lần, nhưng thi thoảng mới gặp sư thầy. Những lần gặp ngắn ngủi cũng làm cho mối thiện cảm giữa thầy và tôi ngày càng tăng lên. Có lần tôi đưa tay định bắt tay thầy theo lối xã giao, và thực tình cũng muốn được nắm vào bàn tay trắng xanh của người con gái ấy. Nhưng thầy đã rút lại và chắp hai tay lên ngực vô cùng cung kính rồi chào "A di đà phật".

Tôi chuyển công tác vào Thành nên ít có dịp về lại ngôi chùa đó. Có hôm về làm việc với đơn vị cũ, tôi tranh thủ ghé thăm chùa và thăm thầy. Bà vãi quen đơn đã đón tôi rồi chậm rãi kể: "Thầy đi hạ ở chùa Bà Đá ở Hà Nội được bảy, tám tháng gì đó. Khi đi thầy dặn khi nào bác bộ đội ra nhớ cho tôi gửi lời chào, thầy gửi lại cho bác quyển sách đây bác ạ". Nói xong, bà đến tủ lấy quyển sách "Tu là chuyển nghiệp" đưa cho tôi. Theo thói quen tôi lật mấy trang, ở giữa một bông hoa ngọc lan đã khô được ép cẩn thận vẫn phảng phất một mùi thơm xa ngái. Khi tôi gấp quyển sách lại, bà vãi nói tiếp: "Thầy lấy chồng rồi bác ạ, có anh tiến sĩ chủ nhật tuần nào cũng đến chùa Bà Đá thăm thầy, nghe nói họ là người yêu cũ, chắc còn nặng nợ trần nên thầy phải phá giới thôi". Chào vãi tôi về. Ngày hôm sau tôi đến chùa Bà Đá nằm trên phố Nhà Thờ, Hà Nội. Ngôi chùa tĩnh mịch, gió từ hồ Hoàn Kiếm thổi vào nghe nức nở, đơn côi...

Chuyến xe khách đã đến phố huyện, tôi xuống trước, còn cậu thanh niên đi tiếp vào Vĩnh.

- Bác xuống đây nhé. Cho bác số điện thoại để bác cháu mình còn trao đổi.

- Dạ, số của cháu là... Còn nick facebook của cháu là Quang Minh, có hình đại diện cháu đang ngắm súng, ảnh cháu chụp hôm đi bắn đạn thật ở trường đấy bác ạ.

- Được, cảm ơn cháu. Hẹn gặp lại.

Vài tháng sau ngày gặp cậu thanh niên, đã đến kỳ thi đại học của con gái tôi. Hai bố con lục tục chuẩn bị mọi thứ cần thiết rồi lên đường ra Hà Nội. Tôi cũng nói trước với con gái là lần này thi xong, hai bố con sẽ đi thăm người bạn của bố

ở một huyện ngoại thành. Nhờ có sự hỗ trợ của nhóm sinh viên tình nguyện, bố con tôi thuê được chỗ ở gần trường thi. Cả mấy môn thi con gái đều làm tốt, chiều nay bố con hoan hỉ bắt xe buýt ngược cầu Thăng Long chạy qua phía Bắc sông Hồng. Vì chưa biết rõ nhà cô ấy ở đâu, tôi nghĩ cứ đến thẳng bệnh viện tìm là dễ nhất, nhà ở gần bệnh viện đi lại chắc cũng chẳng khó khăn gì.

Hơn bốn giờ chiều mới tới nơi, bố con tôi hỏi thăm bác bảo vệ rồi đi thẳng đến khoa Quyên đang làm việc. Đã đến giờ thăm bệnh nhân, người ra vào khá đông, các thầy thuốc, nhân viên của bệnh viện cũng chuẩn bị ra về. Đứng chờ một lúc trên sảnh chính, tôi thấy một phụ nữ trong bộ blu trắng có nét đáng quen quen đang đẩy xe chở quần áo bệnh nhân đi trên hành lang. Bước lên vài bước, tôi hỏi:

- Chào cô, cô có biết cô Quyên làm hộ lý ở khoa này không ạ?

- Em đây, anh mượn đồ cho bệnh nhân hả? Nhanh lên kéo hết giờ rồi anh ạ.

- Không ạ, tôi muốn tìm sư thầy Đàm Quyên.

Câu nói bất ngờ của tôi làm Quyên chột đứng lặng, mấy giây sau cô mới trấn tĩnh được, đẩy gọn chiếc xe sang một bên rồi quay lại nói với tôi.

- Em có nghe cháu nói chuyện, mấy lần định gọi điện cho anh nhưng... ngại quá, lại thôi.

- Tôi tính đi tính lại mãi, hôm nay đưa con gái đi thi xong rồi mới lên thăm cô được.

Nghiêng đầu sang phía cháu gái, Quyên nói:

- Ô, con gái anh đây à, xinh quá. Khả năng làm bài thể nào cháu?

- Dạ, con tên là Thảo. Theo con tự chấm thì cũng khá quan cô ạ.

- Hay lắm, để cô đẩy xe đồ vào kho rồi ta về nhà, gần đây thôi, đi bộ cũng được mà.

Quyên dắt xe đạp đi trước, bố con tôi theo sau. Đến trước nhà Quyên, tôi ngược mắt nhìn lên, một căn nhà hai tầng xinh xắn, kiến trúc hoàn mỹ đứng trong khu vườn khá rộng rãi giữa thị trấn có dáng dấp nửa tỉnh nửa quê này. Bước qua cổng, tôi bất ngờ quá. Khu vườn phủ đầy cây xanh, những chậu cây được chăm sóc kỹ lưỡng, quanh sân là cây bưởi, cây vối và cây ngọc lan như nơi sân chùa Quyên ở ngày xưa. Sau đôi ba câu hỏi han xã giao, Quyên bảo bố con ở nhà nghỉ ngơi cho mát rồi cô thay đồ, tắt tời đạp xe ra chợ, dặn dò: "Anh và cháu cứ nghỉ ngơi đi, cháu Minh cũng sắp về đây. Hôm nay là cuối tuần mà, cháu được nghỉ cả thứ bảy và chủ nhật anh ạ"

Một lúc sau, khi Quyên về đến cổng cũng là lúc Minh tắt máy xe và đứng bên cạnh mẹ. Cả nhà chào hỏi rồi rít, giới thiệu về nhau vắn tắt, vội vàng, không khí căn nhà như đang chuẩn bị cho đám cưới vậy.

Bữa cơm thật đầm ấm và ngon miệng. Hai đứa nhỏ rất hợp nhau, cứ tranh nhau kể hết chuyện này sang chuyện khác. Ăn xong chúng rủ nhau lên tầng trên đọc sách và nói chuyện, tôi và Quyên ngồi ở phòng khách, cả hai cứ lúng ta lúng

túng không biết bắt đầu câu chuyện từ đâu. Quyên cứ sửa đi sửa lại mấy bông cẩm chướng trong lọ hoa để trên bàn, tôi ngắm Quyên như ngắm một con thỏ nâu xinh xắn đang khom mình. Quyên mặc bộ đồ tơ tằm màu cẩm thạch, mớ tóc búi cao, hai cánh tay trần thon thả. Dáng vẻ của Quyên toát lên nét sang trọng, kiêu sa, nhưng cử chỉ ân cần, phong cách lịch lãm và giọng nói dịu dàng của Quyên làm tôi cảm thấy gần gũi, dễ thương. Rồi tôi lên tiếng trước:

- Cô làm việc bên bệnh viện có vất vả lắm không?

- Cũng bình thường thôi anh, khi cháu Minh đến tuổi đi nhà trẻ anh ấy xin cho em vào làm hộ lý trong bệnh viện, vừa làm vừa học, một thời gian ngắn là em thành thạo công việc của mình. Bệnh viện bảo tạo điều kiện cho em đi học trung cấp được nhưng con còn nhỏ, vả lại em thấy yêu công việc mình làm. Ở đây mình giúp được nhiều người, hình như cái thiện tâm của nhà Phật dạy mình đã ứng vào nơi này anh ạ.

- Có việc làm ổn định vậy cũng được rồi, lại được ở gần nhà, cô đi về cũng tiện.

- Anh buồn cười thế, quen biết nhau suốt hai chục năm giờ, giờ mới được gặp nhau mà cứ cô cô, tôi tôi nghe như người dưng vậy. Bây giờ anh kể chuyện gia đình cho em nghe đi?

- Ôi, chuyện cuộc đời và chuyện gia đình của tôi chỉ tóm tắt trong vài gạch đầu dòng là đủ.

Thấy Quyên khẩn khoản muốn nghe, tâm trạng sẵn sàng chia sẻ. Tôi chùng giọng xuống, đổi cách xưng hô và chậm rãi nói:

- Ngày đó sau khi biết em lấy chồng, anh chống chèo như người bước hụt. Anh không nghĩ mình sẽ lấy vợ là một nhà sư, nhưng tất cả tình cảm anh đã hướng về em hết, mặc dầu anh biết đó là điều vô vọng. Anh về quê lấy vợ, cô ấy cũng là người làng, kém anh gần chục tuổi. Khi con gái được ba tuổi thì cô ấy gửi con cho ông bà rồi đi xuất khẩu lao động ở Đức. Những năm đầu vẫn liên lạc và gửi tiền đều đặn về nhà, sau đó thì thưa dần. Năm con được mười một tuổi thì cô ấy gửi đơn li dị về nói anh ký để được tự do sống với người đàn ông khác bên đó. Đủ 20 năm công tác trong quân đội, anh xin nghỉ hưu về nuôi con...

- Anh và cháu cũng vất vả trong cuộc sống nhỉ? - Quyên nói ngậm ngùi chia sẻ.

- Còn em, bao nhiêu năm qua anh cứ canh cánh trong lòng một câu hỏi là tại sao một cô gái xinh đẹp, trẻ trung như em lại tìm đến cửa chùa?

- Em biết chứ, phụ nữ chúng em nhạy cảm và yếu mềm anh ạ. Anh biết không, cứ mỗi lần thấy anh ra chùa, em phải tránh anh như chưa hề thấy mặt. Rồi đêm đến em nằm rơi nước mắt, nghĩ mình đã mắc vào oan nghiệt và cuộc đời này không biết sẽ oan nghiệt đến đâu. Cố gắng để chịu kiếp tu hành.

- Nhưng em kể cho anh về đoạn trước thế nào đi.

- Tóm tắt thế này anh ạ. Chồng em là người xã bên, năm em vừa học xong lớp

mười hai thì anh ấy đã tốt nghiệp Đại học Tổng hợp và được chọn sang Úc làm nghiên cứu sinh chuyên ngành Hóa học. Chúng em rất yêu nhau và có bầu, anh ấy xin gia đình để cưới em nhưng ông bà một mực không đồng ý. Họ thấy con đường của anh ấy thênh thang, tuổi còn trẻ, và đau khổ hơn là họ cho rằng cái thai trong bụng em chắc gì là của anh ấy. Cả hai chúng em rất buồn, gần đến ngày lên đường, anh ấy phải đèo em đi xử lý cái thai đã chín tuần tuổi. Khi anh ấy đi rồi, em như người đã chết trước mắt người thân, bố mẹ em rầu rĩ suốt ngày, may mà có người dẫn dắt để em đến nương nhờ cửa Phật. Khi gặp anh, em đã tu được năm năm. Em biết anh rất hiểu em, muốn tâm sự với em, nhưng phép tắc nhà chùa không thể nào khác được.

- Rồi sau đó vì sao em lại bỏ nhà chùa?

- Theo quy định trong giới tu hành, mỗi nhà sư muốn lên bậc phải đi học để có bằng cấp nhất định, gọi là đi hạ. Khi em xuống chùa Bà Đá học được tám tháng thì anh ấy về nước, anh tìm đến chùa van xin, nài nỉ em, rồi anh ấy gặp sư trụ trì trình bày căn nguyên và xin được trở về cuộc sống đời thường để làm hôn lễ. Sau khi cưới nhau, chúng em có cháu Minh luôn, nhưng chẳng hiểu sao em không sinh nở được nữa. Ngày trước, anh làm trưởng khoa xét nghiệm ở bệnh viện này, khi đề bạt lên phó giám đốc được hơn một năm thì phát hiện bị ung thư thực quản. Anh ấy mất đã năm năm rồi anh ạ.

Chuyện trò chưa được bao nhiêu đã gần mười một giờ khuya. Quyên muốn bố con tôi ở lại chơi ít hôm nữa nhưng tôi hẹn dịp khác, còn mai phải về vì nhà cửa chẳng nhờ ai trông, để đi lâu ngày cũng không yên tâm được. Tôi lên tầng ngủ với Minh, Thảo xuống ngủ với Quyên trong căn buồng ở tầng một.

Sáng ra, Quyên dậy sớm dọn dẹp nhà cửa và làm cơm chờ cả nhà ngủ dậy, hơn sáu giờ tôi xuống nhà giúp Quyên làm bếp cho vui. Mọi thứ trong nhà nhìn tinh tươm quá, mấy bông cắm chướng tối qua đã được Quyên thay bằng những bông hồng tươi rói, trên bàn còn có đĩa hoa ngọc lan vừa hái xuống tại vườn nhà. Không khí gia đình thối lên niềm hạnh phúc trong tôi, có lẽ vì đã mười lăm năm tôi không có cảnh này. Hai cháu cũng đã dậy, Minh lễ phép thưa:

- Sáng nay bác và mẹ vui lòng ăn cơm với nhau ở nhà, cho phép con đưa Thảo xem phố xá quê mình một chút rồi ăn sáng luôn được không ạ?

Ngần ngừng một lát rồi Quyên mới lên tiếng:

- Thôi vậy cũng được, ngắm cho quen phố đi rồi hôm sau đi học, cứ cuối tuần thì Minh có nhiệm vụ đưa Thảo về đây ở với mẹ con cô cho vui.

- Đúng đấy bác ạ, bác đồng ý đi bác nhá - Minh nói.

- Ôi, thế thì mọi người lấy hết phần vui rồi, để bác ở quê một mình rồi làm sao đây.

Minh nhanh nhẩu:

- Cháu nghĩ bác cũng nên ra đây ở luôn đi, cả nhà mình có đủ bốn người sẽ cực kỳ vui vẻ. Con nghĩ vậy đúng không mẹ nhỉ?

TRUYỆN NGẮN

Nét mặt Quyên rạng ngời mà miệng như muốn khóc. Em nói:

- Thôi hai đứa đi đi!

Tôi và Quyên ngồi vào bàn ăn, Quyên ân cần gấp bỏ bát cho tôi những miếng ngon và cứ ngồi nhìn tôi đầy trìu mến. Tôi yêu em vô cùng. Hình như tất cả tình yêu của tôi trong cuộc đời đã được tích tụ, dồn nén đang dâng đầy trong lòng ngực người đàn ông ở tuổi ngoại năm mươi. Tôi nghĩ, ước gì phút giây hạnh phúc này cứ kéo dài ra mãi.

Ăn xong, Quyên úp cái lồng bàn lên mâm, tắt cả để nguyên đầy rồi cả hai ra phòng khách uống nước. Sắp đến giờ phải chia tay rồi đây, những câu chuyện tủn mủn không đầu không cuối được nói ra vội vã, nhưng cũng có lúc chẳng biết nói gì, cả hai cứ ngồi nhìn nhau im lặng. Quyên hơi cúi đầu, bóp bóp hai bàn tay vào nhau, chờ đợi. Tôi đứng dậy đi về phía em nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn kia rồi đỡ em đứng dậy, em nắm chặt tay tôi, toàn thân run lên như bị cảm lạnh. Tôi mở cái cặp trên bàn lấy ra quyển sách có bìa màu vàng năm xưa em đã tặng tôi rồi đưa cho em. Nước mắt Quyên trào ra giàn giụa. Em mở quyển sách ra, bông hoa ngày nào vẫn nằm nguyên đó. Hương ngọc lan từ đĩa hoa trên bàn và từ vòm cây ngoài vườn đang dâng lên ngào ngạt quyện lấy chúng tôi, cả không gian đang réo rắt ngân lên bản tình ca vô tận. Quyên như ngã hẳn vào tôi. Vừa lúc đó tiếng xe máy của Minh đã dừng lại ngoài cổng, em đưa lại quyển sách cho tôi rồi bước ra mở cửa cho con.

Chúng tôi bịn rịn chia tay nhau ở bến xe buýt gần nhà, Quyên và tôi đứng nép vào nhau. Tôi lên xe, nhìn thấy Quyên rơi nước mắt khi vẫy tay chào tạm biệt tôi.

Chú bé về từ thành phố

ĐÀM QUỲNH NGỌC

Mùa hè lại đến. Tiếng ve râm ran trên cành phượng vĩ đỏ rực màu hoa. Nguyên cùng Tảo đi học sớm. Buổi cuối cùng năm học. Hình ảnh những ngày hè vui chơi, bạn bè tạm thời phải chia tay khiến hai đứa không sao ngồi yên. Nguyên bảo:

- Mùa hè ở nông thôn sống ra sao nhỉ?

Hè năm nay Nguyên sẽ về nông thôn sống với ông bà. Đã nhiều lần bố hứa, năm nay phải thực hiện bằng được. Nơi ấy có tên trong bản khai sinh của Nguyên ở vị trí “nguyên quán”. Mảnh đất “nguyên quán” chưa một lần Nguyên biết đến khi đã lớn khôn. Còn mẹ, có lần chìa môi: “Nhà quê” bấu gì? “Nhà quê” là... nhà như thế nào? Nguyên mù mờ chưa hiểu rõ ràng “Nhà quê” nên có điều gì đó còn bí ẩn lắm!

Trời mùa hạ cao vút, nắng chói chang, chói đến từng chùm hoa phượng nơi cổng trường. Nguyên ngoắc cặp sách vào cổ Tảo rồi tung tăng đá quả bóng mang theo. Trường còn vắng, mỗi bác bảo vệ đang hí húi mở cửa các phòng học buổi chiều. Bác bảo vệ tên Lê, hơn năm mươi tuổi, người to, cao, nom khỏe mạnh, nhưng chỉ còn một cánh tay. Bác Lê là thương binh bảo vệ của trường gần năm năm. Năm nào cũng vậy, vào dịp hè học sinh nghỉ là bác lại thu xếp về quê thu hoạch lúa, lạc. Gia đình bác Lê ở nông thôn. Bố Nguyên nhiều lần đến trường nói chuyện

TRUYỆN NGẮN

với bác Lê, bác ấy là người cùng làng với ông bà Nguyễn. Hôm qua bác Lê hỏi Nguyễn có về thăm ông bà không? Việc này Nguyễn tâm sự với Tào. Tào cứ chép miệng và mong có ngày sẽ được về quê như bạn, cho mắt thấy, tai nghe những điều ở nông thôn chỉ biết qua sách báo, ti vi. Sáng nay Tào còn nhắc Nguyễn nếu về quê nên nhắn tin từ nông thôn, chắc là vui lắm đây.

Học sinh lục đục đến trường, từng tốp, từng tốp đứng chuyện trò kế hoạch vui chơi trong hè. Nguyễn và Tào vờn đi lại quả bóng qua những gốc cây bàng. Nguyễn bảo:

- Năm nay tớ về quê thăm ông bà, sang năm cậu cùng về với tớ, việc gì phải buồn.

Bác Lê bước tới:

- Đường đường một đấng nam nhi, phải đi đây, đi đó mới học nên người được. “Đi một ngày đàng, học sàng khôn”. Biết đâu đi xa rồi chẳng muốn quay về thành phố ấy chứ.

Tào chơm chớp đôi mắt nhìn chòm hoa phượng vĩ:

- Nông thôn có đẹp bằng thành phố không bác?

Bác Lê cười cười:

- Có những cảnh còn đẹp hơn ấy chứ!

Nguyễn im lặng, bác Lê nói hồ hởi về quê. Còn mẹ? Mẹ không vui, lúc nào cũng gay gắt với bố mỗi việc bố về quê thăm họ hàng bà con. Duy nhất một lần mẹ về với bố chuẩn bị cho đám cưới ngày xưa. Tình cờ Nguyễn nghe bố nhắc chuyện ấy. Bác Lê lại nói:

- Chiều nay Nguyễn đi với bác một vài việc thì tốt quá.

Việc gì thế nhỉ? Việc gì bác Lê phải nhờ “Nguyễn đi cùng thì tốt quá”.

Đến chiều, việc bác Lê nhờ rất đơn giản. Đi chợ cùng bác mua sắm một ít quà cáp, sách vở để mang về quê. Nguyễn thấy bác mua rất nhiều mì chính, bột canh, đường, dầu gội đầu, xà phòng,...

- Ở quê không bán loại hàng này hở bác? Nguyễn thắc mắc.

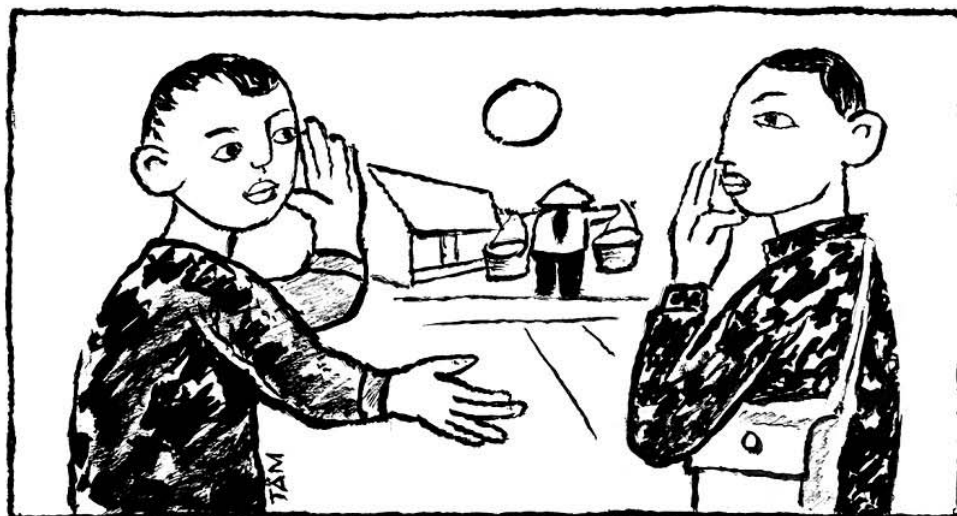
- Có chứ, ở chợ nhỏ có quầy hàng đầy đủ cả, một số người mang từ thành phố về bán lấy lãi mà.

- Thế... bác cũng mang về để bán lại à?

Bác Lê cười lớn:

- Không, bác mua về để làm quà chứ buôn bán gì? Nào, Nguyễn xách giúp bác một tay, sáng mai hai bác cháu ta lên đường.

Bác Lê dậy rất sớm. Bố chở Nguyễn tới trường cùng bác Lê ra bến xe. Bố gửi quà về cho ông bà, thuốc bổ, đường, sữa. Bố dặn Nguyễn nói với ông bà mấy hôm



Minh họa: TẠ TÂM

nửa bố về, sẽ sửa lại nhà kèo mùa mưa sắp đến. Nguyên về trước cho “cứng cáp” hẳn lên, bố nói vậy. Ai cũng vui, chỉ có mẹ là không nói gì.

Tối trưa, hai bác cháu xuống xe, đi bộ khoảng dặm cây số nữa thì tới đầu làng. Con đường liên hương về làng được rải nhựa, sạch sẽ, làm gì “lầy lội, bẩn thỉu đầy phân trâu bò” như mẹ nói. Bãi phi lao của xã dài ngút ngàn ven biển, ven sông. Gió thổi vi vu. Nguyên nhìn theo chú chim chích nháy thoăn thoắt từ cành nọ qua cành kia kêu lách chích... lách chích. Đang ngắm nghía đồng quê, Nguyên chợt nghe tiếng nói của trẻ vang lên:

- A, mẹ ơi, bố đã về với một...

Cậu bé thấp, nhỏ, nước da đen ngời vắt vèo trên chạc ba cây phi lao nói vọng xuống. Cậu nói nửa chừng, chắc là sự có mặt của Nguyên làm cậu ta ngạc nhiên. Từ dưới bên sông, một người đàn bà với gánh cỏ vừa rửa xong còn rỏ nước đi lên. Bác Lê nói:

- Mự Lê đẩy cháu ạ, còn đây là cậu La, con út của nhà bác, vừa học xong tiểu học như cháu.

Cậu La nhìn Nguyên chằm chằm rất lâu rồi hỏi:

- Ai đấy?

Bác Lê nói:

- Nguyên con chú Ngử nhà ông Tâm.

- A... a, thằng La kêu lên vẻ hiểu lắm, rồi nó thắc mắc:

- Cháu nhà ông Tâm? Sao bây giờ mới thấy về. Có nhà đưa con còn bế trên tay về thăm ông bà cơ mà.

TRUYỆN NGẮN

Bác Lê gạt đi:

- Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh, tùy hoàn cảnh mỗi gia đình khác nhau con ạ. Thằng La không nói gì thêm, mang túi quà cho bố rồi lùi lại bước, thì thoảng nó liếc nhìn Nguyên.

Buổi tối, hầu như người có mặt trong xóm đều đông đủ tại nhà bác Lê. Người nhiều tuổi nhất là ông nội của Nguyên cứ cảm ơn bác Lê “đã đưa thằng Nguyên về quê sống cho có gốc”. Thằng La ngồi không yên, cứ chạy ra, chạy vào, rồi xuống bếp nhặt mớ chè xanh, bóc gói kẹo, gói thuốc lá. La nhoẻn cười với Nguyên, mồ hôi chảy ròng ròng, hai má đỏ ửng:

- Nguyên giúp anh một tay nào.

“Anh”? Nguyên ngạc nhiên - Bác Lê vừa nói “thằng La học xong tiểu học như Nguyên”, hà cớ gì lại xưng “anh”? Mãi tới sau này, những ngày đã thân thiết với La, Nguyên mới hiểu vì sao La lại xưng anh. La giải thích đơn giản, bố Nguyên gọi bác Lê bằng anh, Nguyên phải gọi La là... anh. Thực ra, cách giải thích của La chỉ là cái cớ. La muốn Nguyên gọi như thế, bởi Nguyên mới về từ thành phố, còn lạ nước lạ cái ở nông thôn, La xưng “anh” nghe cảm thấy oai... oai thế nào!

Những ngày sau đó, Nguyên theo ông dậy sớm, quét sân, nấu cám lợn, xem bà cho lợn ăn. Con lợn trắng học lên, cuống quýt ăn khi bà đổ cám vào máng. Nguyên sợ hãi khi thấy bà dùng tay trộn cám cho lợn ăn:

- Bà cẩn thận kéo lợn cẩn tay đấy.

Bà cười:

- Lợn nom dữ thế, nhưng hiền lắm, ăn no, chúng ngủ như khoai ấy mà.

Lợn đồ ềnh ra ngủ khi đã ăn no, nom thật hiền lành, từ trước nay đã bao giờ Nguyên nhìn thấy lợn ở ngoài đời đâu.

La đánh trâu đến ngõ, ngồi ngất nghe trên lưng trâu gọi:

- Nguyên ơi, Nguyên ơi.

Nguyên chạy tới ra, La bảo:

- Nguyên đạp chân vào đầu trâu, giữa hai sừng ấy, trèo lên lưng ngồi với anh.

Nguyên thè lưỡi:

- Không dám đâu, cặp sừng nhọn hoắt thế kia, xóc vào bụng thì hết đời.

La cổ động:

- Không phải đâu, cứ thử xem.

Nguyên không dám, lót tót chạy theo, con trâu liếc mắt nhìn Nguyên rồi núng nính khệnh khạng bước đi!

La và Nguyên tới bãi bồi nổi lên giữa dòng kênh nhà Lê thì dừng lại. Con kênh

này được đào từ thời tiền Lê thế kỷ X. Qua những đoạn cong ngoắt ngoéo, dòng nước chảy chậm, lờ đờ, luẩn quẩn bám khoét vào bờ sông gây sứt lở cả đường đi và đồng ruộng. Phù sa cứ thế dần dà trôi ra, đọng mãi giữa dòng kênh, nổi thành bãi bồi với bề ngang không rộng, nhưng rất dài. Các ông già trong xóm nói bãi bồi sẽ còn dài mãi, nếu không có cách ngăn chặn sự khoét của dòng nước. Cây cỏ tự nhiên cứ thế mọc lên, xanh tốt. Bọn trẻ chăn trâu ban đầu còn e dè, chần chừ nhưng chưa dám lùa trâu qua bãi. Nhưng rồi dần dần hoa màu của ngô, khoai, đỗ mọc trên bãi đem lại thu hoạch đáng kể, thu hút nhiều người qua tham gia khai hoang. Bọn trẻ mùa nước cạn ngồi trên lưng trâu lội qua kênh khi đã xong mùa thu hoạch. Các loại cỏ: chân vịt, cỏ mật, cỏ chỉ... được thừa hưởng màu mỡ trên đất phù sa nên lan tràn, xanh tốt. Trâu bò tha hồ có những bữa no nê, béo mẫm. Bãi bồi trở thành sân chơi lý tưởng cho lũ trẻ nhất là vào mùa hè. Nào là chơi kiện, chơi ù, đuổi bắt...

La đuổi con trâu ra xa nói với Nguyên:

- Nguyên vẫn dám lội qua kênh đấy chứ?

- Hôm trước Nguyên còn đi đăng cá với ông vào lúc nửa đêm cơ đấy?

La ngạc nhiên:

- Thật sao?

Kênh nhà Lê là nguồn nước ngọt đổ ra biển vào mùa lũ lụt. Mùa hè, con kênh đem nước mặn từ biển dâng lên trở thành nguồn nước mặn quý giá cho người dân làm muối. Những ngày nước cường, một số người thạo nghề sông nước, dùng lưới chặn ngang các cửa lạch nhỏ, chờ nước cạn bắt các loại cá sống ở nước lợ: cá đối, cá bống, cá cắng, cá ngạnh, cá buôi,... Nguyên theo ông đi đăng vào một đêm trời đầy sao và được rất nhiều cá.

La hỏi lại:

- Có thật không?

La ngạc nhiên bởi không tin Nguyên dám đi đăng cá vào ban đêm, một việc đến người lớn thạo ở nông thôn chưa chắc đã dám làm.

- Sao không? - Nguyên hãnh diện - La không thấy ngón tay của Nguyên buộc vải à?

Thực ra, tối hôm kia Nguyên theo ông đi đăng cá thật, nhưng Nguyên không dám lội xuống bùn lúc nước đã cạn, chỉ đứng trên bờ cầm đèn và trông giỏ cá. Nghịch ngợm xem cá thế nào, Nguyên bị con cá ngạnh chích gai vào tay, đau buốt, về nhà phát sốt, sưng vù. Ông móc nắm củ chuối đã rửa đắp lên tay Nguyên, buộc vải lại, thấy mát hẳn. Ông còn bày cho Nguyên tên các loài cá ở nước lợ, cách bơi, lội qua dòng kênh vào mùa hè... Vì thế, lúc trâu qua kênh, Nguyên mạnh dạn bám theo, và lúc ấy nước cũng mới chỉ ngang bụng thôi.

La nhảy xuống từ lưng trâu, bên hông mang giỏ tre cùng chiếc dầm bắt còng, cáy.

TRUYỆN NGẮN

Mùa hè, nước dòng kênh rút xuống rất nhiều. Loài còng, cáy vốn đào hang nơi vùng sinh lầy, mùa hè đến, nước khô cạn kiệt, nứt nẻ, còng, cáy đều di cư xuống đào hang hai bên bờ dòng kênh. Nguyên xem cách La bắt còng, cáy. Dùng chiếc dầm nhọn chặn ngang cửa vào ra của còng, cáy, bẫy lên, nhanh tay chụp lấy bỏ vào giỏ. Cũng có một số còng do ham chơi nơi mép nước, lúc trở về lạc lối, đành nấp mình vào hòn đất, gốc cỏ khi có bóng người. La cứ vậy nhặt. Chẳng mấy chốc, giỏ đã đầy ắp. Nguyên đuổi theo con còng lạc, đưa tay chụp bị gọng con còng kẹp chặt ngón tay, kêu toáng lên.

La cười.

- Bắt còng, cáy phải nhanh tay, nhanh mắt, chậm chạp nó kẹp ngón tay rất đau, khó tháo gỡ, thậm chí nó sẵn sàng gửi lại tay mình chiếc gọng để tháo thân.

La và Nguyên đi lên bãi bồi, hai đứa chân tay đầy bùn đất ngồi vốc cát chơi. Nguyên bảo:

- La dùng số còng, cáy này làm gì?

La hỏi lại:

- Nguyên đã bao giờ ăn nước cáy chưa?

Ăn nước cáy Nguyên chưa biết đến. Duy một lần bà nội vào thăm Nguyên, có đem theo để chấm rau khoai thì ngon tuyệt. Mẹ không nói gì, sợ đau bụng nên chưa ăn. Khi bà về, mẹ bảo hỏi, bản đem quăng vào thùng rác. Bố đi công tác về, nghe Nguyên nói, bố mẹ giận nhau đến mấy ngày. Nguyên ngồi bần thần, nghĩ ngợi, nước cáy là thứ... nước gì? Tại sao mẹ cứ cho là bẩn? Tại sao bẩn "dân nhà quê" lại ăn được?

Buổi trưa, La làm nước cáy, đổ giỏ còng, cáy vào thau nước, xóc xóc rửa thật sạch, bóc hết yếm, đổ vào cối giã nhỏ với muối, rồi xúc cho vào vại, hoặc lon bằng sành sứ, lấy vải màn mỏng bịt kín, phơi ngoài nắng độ một tháng thì ăn được. La lấy làm tiếc, lúc ấy chắc Nguyên đã trở về thành phố, không kịp thưởng thức hương vị nước cáy chấm rau khoai ngon đến độ nào.

- Không, Nguyên ở với ông bà cho hết hè.

Nguyên nói vậy, bởi Nguyên muốn được thưởng thức hương vị nước cáy cho bổ công về quê. Còn La, lấy làm lạ, người thành phố đến hay. Bọn bè không xưng tao, mày, anh, em gì sất, chỉ xưng tên mình, ỏn ẻn như con gái. Hay chỉ mình Nguyên nói như thế. La thấy... vui, và chỉ muốn chọc Nguyên:

- Này, Nguyên đã ăn thịt chuột chưa?

- Thịt chuột? Eo ôi... - Nguyên rùng mình.

- Không phải thứ chuột cống to đến hàng cân ở thành phố đâu. Anh đang muốn nói đến chuột đồng - La nói.

- Chuột đồng như thế nào? - Nguyên ngơ ngác.

La mỉm cười:

- Là một loài chuột ngoài đồng chỉ ăn lúa, ngô, khoai và sấu bọ. Đến mùa thu hoạch xong, bọn anh lần theo dấu vết thức ăn chuột đánh rơi, đào hang, tóm được chuột béo mẫm, làm thịt tại trận, hội chần trâu bò khao quân luôn.

- Làm thịt chuột như thế nào?

- Đốt rạ rơm lên, thui vàng ươm, bóc bỏ lớp da đen đã cháy, vớt ruột, lấy thịt trắng nõn như thịt gà, ướp muối, lá chanh, bọc lá chuối lại, nướng tiếp, thơm lừng! Trên đời này chưa có món ăn nào ngon hơn thế - La nuốt nước bọt.

Nguyên chép miệng:

- Mai cho Nguyên đi đào chuột với.

La cười:

- Ăn thịt chuột là chuyện... ngày xưa, vui lắm, còn bây giờ bọn anh vẫn ra đồng đào chuột, nhưng chỉ lấy... đuôi thôi.

- Sao thế?

- Chuột đồng giờ nhiều lắm, phong trào Trần Quốc Toàn mùa hè do trường học phát động là diệt chuột. Minh anh diệt được hàng chục con. Không ăn thịt nữa, chôn sống luôn. Đồng ruộng giờ lấy nhiều thuốc trừ sâu, chuột sống ngoài đồng thế nào chả bị ảnh hưởng thuốc hóa học. Hội chần trâu bò bọn anh giờ khao quân chỉ còn bắt lệch.

- Lệnh là con... gì? - Nguyên hăm hờ muốn nghe.

La nói con lệch nom tựa tựa như con lươn, nhưng màu da xám xám, sống ở vùng nước lợ. Những ngày nước cường, lệch theo nước mặn tràn vào vùng cỏ ga, ở đó loài cụng sinh sống nhiều đều bị ngập nước, lệch đưa chiếc đuôi của mình vào lỗ cụng... ngoáy. Lệch rút đuôi ra, nước đục tràn lên, con cụng sợ hãi vọt ra khỏi lỗ, thế là mắc mưu, chui tọt vào miệng lệch. Mà này, Nguyên chưa biết cách bắt lệch đấy nhỉ?

- Chưa - Nguyên chăm chú.

- Đơn giản thôi, trên tay cầm sẵn chiếc xia ba răng. Bước chân nhẹ nhàng trong vùng cỏ ga, tiếng nước ùng ục, ùng ục, chắc chắn có lệch đang ngoáy. Phập... chiếc xia đã nhằm trúng đề chặt, con lệch rất khỏe, không giữ chặt, nó còn mang cả cái xia chạy xuống dòng kênh nhà Lê ấy chứ.

La và Nguyên cùng cười. Những ngày ở nhà ông bà, nhà bác Lê, Nguyên học thêm được nhiều điều, như cho lợn, gà ăn, làm cá đồng kho khế, nấu canh chua, hoặc ra đồng nhổ lạc, bới khoai. Bọn thằng Beo, thằng Quyết, thằng Đỉnh... đứa nào cũng đen đui, nhỏ người, nhưng nhanh nhẹn, tháo vát, việc gì chúng cũng biết, cũng làm tốt. Thằng Quyết còn nói nom Nguyên giống gà công nghiệp, làm gì cũng lơ ngơ. Nguyên đỏ mặt, Nguyên hiểu "gà công nghiệp" là gà gì rồi? Là

TRUYỆN NGẮN

những con gà được nhốt trong chuồng trại, thức ăn đưa tới tận nơi, không phải đi tìm mồi, bươn chải, nghĩa là giống chừ ăn sẵn.

Thời gian trôi đi như chớp mắt. Một tháng hè trôi đi, Nguyên nhận được điện thoại mẹ báo về đi nghỉ mát ở biển. Nguyên hồ hởi cầm lá thư, nghĩ đến những ngày đi biển được ăn đặc sản hay học hè ở lớp trở thành nhàn chán. Hấp dẫn với Nguyên bây giờ đi đăng cá, xia lếch, bắt còng cáy, diệt chuột, thả trâu bò trên cánh đồng mới gặt hái, và những người bạn mới đen chùi chùi nhưng nhanh nhẹn, thông minh, tháo vát.

Nguyên nhìn lên bầu trời xanh, nông thôn còn bao điều mới lạ, những kiến thức chưa biết đến rộng mênh mông hấp dẫn như cánh đồng quê của ông bà vậy.

Nguyên thả mình trên lớp rạ khô, thấy mình đi trên cánh đồng lúa đã thu hoạch, nắng vàng rực rỡ. Đàn trâu, bò no căng đang đùa giỡn. La dẫn đầu đám trẻ mang theo cuốc, xẻng, gậy đào dẫy lên các ổ chuột. Phải đến hàng trăm con chuột dồn thành đồng. Mà sao Tảo cũng có mặt trong đám trẻ. Mẹ nữa, mẹ về lúc nào không cho Nguyên biết. Mẹ cười rất to, giọng cao chai nước cáy La vừa đưa biểu, và nói:

- Thế này mới là đặc sản!

Nguyên cười sung sướng theo Tảo xuống bãi bồi giữa kênh nhà Lê. Bố đến từ lúc nào? Ông đang giơ tay vẽ cảnh ngăn chặn sự bào mòn của dòng nước đang lấn mãi vào ruộng đồng. Một con còng có đôi mắt lồi xanh biếc giương lên, cụp xuống với chiếc gọng màu đỏ rất to lao đến kẹp nhanh ngón tay của Nguyên đau điếng.

- Ngủ cả buổi chiều à?

Nguyên dụi mắt. Chiêm bao thật à? Giấc ngủ trên cánh đồng mát rười rượi, tuyệt vời biết bao nhiêu.

- Bố Nguyên về rồi - La nói.

Đó là sự thật. Bố đã về, nghĩa là sắp chia tay với La, với ông bà, với những người bạn mới để vào thành phố, bước vào cuộc sống thường ngày từ trước tới nay. Tự nhiên, không ai bảo ai, Nguyên và La đều trầm lặng nghĩ đến việc chặng đường mới phía trước. Mùa hè sang năm, sang năm nữa sẽ có gì thay đổi? Nguyên lại về thăm ông bà. Còn bố, mẹ, còn Tảo, còn bạn bè trong lớp nữa. Lúc nào thì giấc mơ của Nguyên sẽ trở thành sự thật?



Minh họa: TẠ TÂM

Mộng hoang

LÊ VĂN THÂN

Ngày bố bỏ mẹ con tôi sang bên kia đóc Thượng, miệng ông vẫn lẩm bẩm về tên một loài chim.

Bố đi, không cầm một thứ gì cả ngoài khuôn mặt giận dữ phủ lớp tuyết vọng tràn ra hai hốc mắt. Bữa cơm tối cuối cùng trước ngày bố đi, mẹ nấu rất nhiều món ngon. Nhưng hôm đó thật khác, bố không đả động tới bất kể một món gì. Tôi thấy mẹ khóc rất nhiều. Bố bật dậy, nhìn tôi với một vẻ mặt rất lạ rồi miệng lầu càu càu gì đó và quay gót ra đi.

Nửa đêm tôi thức giấc bởi tiếng sụt sùi của mẹ. Mở mắt, tôi thấy mẹ ngồi bó gối, tựa đầu vào bức tường sơn trắng cạnh ban công. Gió mùa hạ đưa cái ngọt ngào từ lòng đường bê tông quất rần rạt vào những khóm lan. Những bông lan rã cánh rồi rơi lá tả xuống khu vườn. Tôi không thể hiểu nổi thái độ khác thường hôm đó của bố, càng không thể biết điều gì đã làm mẹ khóc nhiều đến thế. Tôi có hỏi

nhưng mẹ chỉ nói rồi sau này con sẽ hiểu. Bữa tối đó, tôi an tâm ăn hết hai bát canh sau khi đã chừa phần cho bố. Mẹ gạt nước mắt rồi nói tôi không phải để phần. Tôi chỉ đơn giản nghĩ chắc đêm nay bố sẽ không về.

Và rồi những ngày sau vẫn thế.

Bố tôi có sở thích nuôi chim. Bộ sưu tập của bố có đầy đủ các loài chim như chích chòe, chào mào, yểng, sáo... Trong đó cặp bồ câu đất được bố chăm bẵm kỹ lưỡng nhất. Sáng sáng, tiếng chim trong khu vườn nhỏ ríu rít nghe thật vui tai. Bố sẽ dậy thật sớm đi dọn phân và rửa sạch cống đựng thức ăn trong mỗi lồng chim. Bố cẩn thận phân loại thức ăn cho vào cống. Chích chòe thích nhất món sâu nhộng, chào mào sẽ lột dạ bằng những quả ráy đỏ tươi, còn những hạt thóc vàng ươm sẽ dành cho cặp cu đất. Bố có thói quen dắt xe ra cổng, rồi đi dạo một vòng và ngắm nghía chúng trước khi leo lên xe và đi làm. Mẹ lại luôn phàn nàn về những chú chim. Chúng thật ồn ào và gớm ghiếc.

Bố tôi có biệt tài bắt chước tiếng của các loài chim. Bố có thể bắt chước những tràng dài lanh lảnh của loài chòe than, lại nhái được tiếng khàn gù của bồ câu đất... Bố bảo với tôi khả năng bắt chước là ưu thế của giống loài. Ưu thế đó giúp chúng dễ dàng tồn tại giữa một thế giới tự nhiên đầy khắc nghiệt. Quá trình chọn lọc tự nhiên sẽ đào thải những kẻ kém cỏi. Kẻ nào mạnh kẻ đó chiến thắng. Nhưng chính sự bắt chước ở loài người đôi khi lại trở thành thảm họa.

“Có những chuyện hiện tại con không thể hiểu”.

Một nỗi mơ hồ lướt qua đầu óc ngây thơ của tôi lúc đó. Bố đang nói về những mối nghi hoặc? Ít nhất là nghi ngờ về sự trưởng thành của tôi. Bố nghĩ một đứa trẻ mười hai tuổi chưa thể hiểu chuyện. Tôi lại luôn bảo thủ cho những ý nghĩ của mình. Rõ ràng với một đứa trẻ mười hai đã nhận diện được sự nhục nhã của thất bại và vinh quang của chiến thắng. Mới tháng trước đây thôi, cô giáo đã tỏ thái độ không vui khi tôi trượt kì thi học sinh giỏi Toán toàn thành phố. Một nỗi thất vọng hiện lên khuôn mặt cô giáo khiến tôi cảm nhận rõ hơn về sự nhục nhã của thất bại. Mỗi sáng chủ nhật, tôi thường theo bố ra khu vườn. Bố hứng thú kể cho tôi nghe về những chú chim. Bố sẽ dừng lại thật lâu trước cặp bồ câu đất. Bố bảo đó là loài chim chung thủy, chúng giành cho nhau những cử chỉ rất tình tứ. Bố luôn cảm thấy ghen tỵ về điều đó. Bên cạnh những giỏ phong lan, bố đặt một chiếc lồng avi bằng thép lớn cỡ chiếc tủ đựng quần áo. Bên trong là cặp chòe than một trống một mái đang trong thời kỳ sinh sản. Một ngày mưa rả rích, tôi thấy bố đứng tần ngần phía góc vườn. Sự tò mò dẫn dụ bước chân tôi ra phía góc vườn dù đang trong cơn thèm ngủ.

“A, bố ơi những chú chim non đã chào đời” - Tôi thốt lên một tiếng khi thấy những quả trứng lấm tấm cựa mình trong tổ.

Bố nhìn tôi, hình như một ý nghĩ xa xôi nào đó thoáng qua làm thay đổi biểu cảm trên gương mặt ông. Bố thực hiện động tác đặt ngón tay lên miệng, suýt một

tiếng khe khẽ như thể sợ tôi sẽ làm đảo động tới chú chim mẹ, điều đó có thể gây nên rắc rối cho những chú chim non.

Tôi và bố nín thở dõi mắt theo quả trứng cuối cùng. Nó đang cố gắng phá lớp vỏ cứng ngắc để vươn ra thế giới màu nhiệm bên ngoài. Xem chừng điều đó không thật sự đơn giản. Quả trứng lúc lắc bên này rồi ngo ngoáy bên kia mà tình hình không mấy khả quan.

“Có lẽ chúng cần một sự can thiệp kịp thời của bố con ta?” - Tôi thủ thỉ bên tai bố. Bố xoa tay. “Sự can thiệp không đúng lúc có thể sẽ gây ra rắc rối lớn, chúng ta nên biết cách chờ đợi và hi vọng”.

Mãi sau này, tôi mới thực sự thấm thía câu nói của bố. Buổi tối ngày bố đi, tôi đã chờ đợi và hi vọng bố về. Bố cũng đã hi vọng một điều gì đó qua ánh mắt khi nhìn tôi, và rồi cái sự hi vọng đó nhanh chóng thay đổi bằng nỗi tuyệt vọng. Tôi muốn bố nói câu gì đó với mình, trong khoảnh khắc ấy, hay ít nhất là một sự can thiệp. Tôi không thể sống bằng nỗi nghi ngờ. Và tôi biết, bản thân không thể đem sự khó chịu của mình áp đặt vào người khác.

Chú chim non đã tự thoát ra khỏi vỏ trứng bằng chính nỗ lực của mình. Nó không cần một sự can thiệp nào cả của bố con tôi. Nhưng tôi không nghĩ nó thực sự may mắn. Chú chim non lại phải tiếp tục chịu ánh mắt dò xét của bố. Tôi thấy một sự nghi hoặc làm xô lệch những nếp nhăn trên trán ông.

“Bố, đáng lẽ chúng ta nên cảm thấy vui vì điều đó. Một chú chim non thật khác biệt, nó không đen bóng như số đông”.

Bố lại nhìn tôi bằng một ánh mắt thật khó hiểu. “Rốt cuộc một xác suất rất nhỏ vẫn có thể xảy ra”. Bố thở dài rồi khẽ lắc đầu.

Có vẻ bố đang nói về bài toán tỉ lệ, và lúc đó tôi khá mơ hồ về khái niệm xác suất mặc dù cô giáo đã nói vài lần trong những buổi ôn thi học sinh giỏi. Tôi đem cái thắc mắc đó hỏi bố. Và rồi bố đưa ra một lời giải thích vô cùng dễ hiểu về mặt toán học nhưng lại làm tôi băn khoăn mãi về thái độ tiếp nhận. Đáng lẽ bố tôi phải hét lên sung sướng vì vẻ đẹp khác biệt của chú chim non. Tiếng thở dài của bố thả vào chiều mưa hoang hoải. Một cảm giác sền rện làm tôi khẽ rung mình. “Xác suất để những quả trứng sinh ra một chú chim non bạch tạng là một trên một vạn, bố không nghĩ nó lại đến với chúng ta ngay ở lứa trứng đầu tiên”.

Bố đang hoài nghi hay bố vui mừng đến nỗi chưa thể chấp nhận sự thật? Tôi không có tài năng phán đoán ý nghĩ của người khác nhưng lại giỏi suy diễn vấn đề một cách có logic đúng chất học sinh chuyên Toán. Bố nhìn vào công thức ăn rồi lại vân vê kiểm tra chiếc lồng avi. Bố nghĩ thức ăn công nghiệp đã làm quả trứng biến đổi gen để rồi sinh ra một chú chim non bạch tạng. Hay bố nghĩ chiếc lồng bị thủng một chỗ nào đó đủ để chú chim mẹ giao thiệp với thế giới bên ngoài. Hình như lúc đó tôi đang đi quá xa trong lối suy diễn, nó không theo logic thông thường nữa. Và rất nhanh chóng tôi gạt phăng ý nghĩ vớ vẩn ra khỏi đầu.

TRUYỆN NGẮN

Chích chòe than không thể giao phối được với một chú bồ câu trắng. Một bác chìa vôi không lẽ lại bị cuốn hút bởi một em chích chòe.

Tôi thấy những giọt mồ hôi rỉ ra trên khuôn mặt đen nháy của bố. Tôi nhìn vào lồng chim nhưng nhận ra loáng thoáng ánh mắt nào đó khẽ liếc qua mình. Xung quanh toàn là sự đối lập. Một cơn mưa bất chợt giữa những ngày hạ oi nồng, một chú chim non bạch tạng lọt thỏm giữa màu đen của anh chị nó. Ngay cả bố và tôi cũng đã có sự khác biệt. Da bố ngăm đen, tóc thẳng còn tôi da trắng tóc xoăn.

Mẹ tôi là một bác sỹ, bà luôn dùng kiến thức y học của mình để giải thích về yếu tố di truyền và những ưu thế trội. Còn bố lại tỏ ra khó chịu khi sự khác biệt lại trở thành chủ đề bàn tán trong những cuộc nhậu.

Tôi không đủ kiên nhẫn trước thời gian khi mà mỗi ngày trôi qua luôn sống trong nỗi nghi hoặc. Và đã quá mệt mỏi để hình thành khái niệm trưởng thành ở mẹ về tôi. Một sáng chủ nhật, mẹ phải đến cơ quan họp hội đồng kỷ luật về sai phạm trong vấn đề chuyên môn, tôi lơ mơ đoán thế khi vô tình nghe được cuộc điện thoại lúc nửa đêm. Khoảnh khắc đó, tôi quyết định đi tìm lời giải cho bài toán mà đã ngốn của mình rất nhiều thời gian suy nghĩ.

Tôi sẽ thật sung sướng nếu như có thể cầm trên tay một kết quả vô cùng đẹp cho bài toán mà đã khiến bao học sinh ưu tú phải đau đầu. Tôi thêm cảm giác được thỏa mãn khi giải xong một bài toán khó. Nhưng rồi khi cầm kết quả trên tay, trong chính căn phòng của mẹ, tôi đã khóc.

Tôi cẩn trọng đọc từng chữ trong tờ giấy xét nghiệm như đọc lời chứng minh của một chuyên gia về định lý toán học. Nhưng thay vì thở phào nhẹ nhõm thì tôi cảm thấy nghẹn ứ nơi lồng ngực. Một câu kết luận “Không cùng huyết thống” đủ để đập tôi xuống vực sâu tuyệt vọng. Bố mẹ có trách nhiệm phải giải thích cho tôi về chuyện này. Tôi luống cuống bước ra khỏi căn phòng. Mẹ đã về và đứng ngang cửa từ lúc nào. Bầu trời xung quanh tôi sập đổ, mẹ níu ghì tay tôi và ôm sát vào lồng. Tôi giấy nẩy như chú chim non muốn thoát thật nhanh ra khỏi vỏ trứng. Ngột ngạt và bức bối vô cùng, tôi hét lên một tiếng thật to.

Loáng thoáng bên tai tôi lời của bố về tên một loài chim.

Tôi không muốn nghe một lời biện minh nào từ mẹ khi bà cố giải thích về một người thợ sửa ống nước da trắng tóc xoăn. Đó là một sự cố ngoài ý muốn, ông ta đã có gia đình và rời khỏi thành phố này hơn mười năm trước. Tôi không quan tâm ông ta, tôi chỉ muốn đi tìm người bố tóc thẳng da đen.

Khu vườn hôm đó nhạt nắng, chú chim non bạch tạng đã lớn phớn những sợi lông trắng phau.

Bố đã rời đi như một loài chim tuyệt vọng khi bị chú quạ cắp mất con.

Tôi chỉ có một người bố. Bố tôi tóc thẳng da đen.

Những đụn mây trời xô nhau về bên kia dốc Thượng, rây lớp trắng cuốn cuộn dọc sườn núi chênh vênh bạt ngàn lau lách. Hàng bạch đàn trơ tróc vỏ để lộ khoanh thân trắng phơ trong gió chiều. Tôi lấy viên sỏi ném thia lia hướng dọc con sông trước mặt. Lực từ cánh tay tôi chỉ giúp viên sỏi nhích được mười nhịp rồi dừng lại, rơi vào đáy sông. Lặng câm. Viên sỏi dừng lại còn tôi thì sẽ bước tiếp. Tôi nghe người ta bảo bố theo người đàn bà góa bụa về sống ở bên này.

Tiếng chim rừng dẫn tôi đến bên một ngôi nhà mái cọ.

Từ xa tôi thấy một người phụ nữ đầu vấn khăn mỏ quạ đang hì hục phăm thân chuỗi rừng. Nỗi sợ hãi trong tôi nhanh chóng được giấu kĩ trong vẻ hiền lành của bà, tôi tiến lại gần về phía ngôi nhà với những bước chân rệu rã.

- Bà ơi cho cháu xin ít nước - Tôi vừa nói vừa quệt những giọt mồ hôi lấm tấm sang bên vai áo.

Người phụ nữ ngược mặt lên nhìn tôi rồi gom từng mẩu vụn thân chuỗi rừng vạt về phía đàn gà đang quang quác bên cạnh. Tình cờ tôi phát hiện một chú vịt con đang được gà mẹ mớm mồi, trong khi những chú gà con đang giành giật từng mẩu thức ăn. Gà mẹ chẳng mấy may đến sự khác biệt của đứa con bé bỏng này. Tôi chợt nghĩ về bố, về những chú chim. Nỗi nhớ làm tôi quên đi cơn khát, trong phút chốc tôi nghĩ mình phải bước tiếp.

- Thế cháu không muốn uống nước à? - Tôi vừa quay đầu thì nghe tiếng của người phụ nữ gọi lại.

- Cháu phải đi tìm bố! - Tôi trả lời.

Chưa để cho người phụ nữ nói kịp nói gì, tôi vội vã rời đi. Nhưng hình như có ai đó đã quay đầu trước tôi, một dáng hình rất quen.

- Bố, bố bố b...ố - Tôi ú ớ gọi bố rồi tắt nghẹn.

Nghe tiếng gọi, bố dừng lại khi nghĩ mình không thể lẩn trốn. Tôi phải giữ bố thật chặt và không để ông mất dấu thêm một lần nào nữa. Bố quay lại nhìn tôi. Vẫn là một người bố tóc thẳng da đen nhưng sao bộ dạng lúc này làm tôi xa xót quá. Hai mắt bố trũng sâu, hốc hác.

- Lẽ ra có những chuyện con người ta không nên bắt chước, và đừng bao giờ đổ lỗi cho bản năng giống loài - Bố vừa nói vừa cố bóp thật mạnh một thứ gì đó trong tay.

Có lẽ bố đang nói đến mẹ, chính xác hơn là những bí mật của mẹ với người đàn ông da trắng tóc xoăn. Tôi không thể phân biệt nổi giữa khái niệm bắt chước và bản năng, chúng thật mơ hồ. Có thể sự khôn ngoan của loài người luôn giúp họ tìm cách phạm lỗi và cố biện minh dựa trên những thứ không rõ ràng. Tôi bắt đầu kể cho bố nghe về nỗi ám ảnh của mẹ, từ lâu bố đã không nhận ra khi mà sự ngờ vực lấn át mọi thứ. Mẹ luôn tỏ ra sợ hãi trước những thứ đầy lông. Bố lại

luôn nghĩ con cái mình chưa đủ trưởng thành để có thể kể và lắng nghe những câu chuyện. Chính điều đó làm mọi việc trở nên thật tệ hại. Nỗi ám ảnh khiến mẹ bật dậy nửa đêm, luống cuống chạy vào toilet tốc váy ngủ rồi hí hụi cạo đám lông trên cơ thể mình. Đứa con trai mới lớn đã biết đỏ mặt trước cơ thể trắng nõn của mẹ, tôi rón rén trở lại phòng ngủ và bắt đầu nghĩ về những mảng thịt bật máu. Sau tiếng đóng rầm của cánh cửa nhà vệ sinh sẽ là tiếng những bước chân, tôi nghe rất rõ. Bước chân đó không về thẳng phòng ngủ, nơi có bố đang ngáy khò khò sau một ngày mệt mỏi từ nhà máy thép trở về mà quay ngược ra phía góc vườn. Sáng mai thức dậy tôi thấy bố lặng người trước những chú chim non đã chết khi vừa lún phún lông.

Đêm qua có tiếng bước chân ra phía khu vườn, mẹ đã làm gì với những chú chim non?

Có thể sự ám ảnh về những thứ lông lá của mẹ đã giết chết chúng?

Tôi sẽ đem giả thiết này để chấm dứt hành động đảo lên đảo xuống trong công thức ăn của bố nếu như ông xem tôi là một người trưởng thành. Nhưng bố đã xua tay và bảo tôi nên im lặng. Nhìn sự vội vã của bố, tôi chỉ biết đứng trơ ra đó và cầu nguyện. Hy vọng thức ăn có vấn đề đủ để làm ngộ độc những chú chim non. Tôi không muốn ý nghĩ đêm qua lại vằng vắt trong đầu. “Mẹ đã bóp nghẹt những chú chim lún phún lông tơ bằng đôi bàn tay được cọ rửa sạch sẽ sau hành động lạ lùng trong toilet”.

Lần đầu tiên trong đời, bố có thể đứng im nghe câu chuyện của tôi một cách rất nghiêm túc. Xem ra lần này tôi đã làm bố khóc. Bố, mẹ và tôi chưa bao giờ có sự đồng điệu của một gia đình đúng nghĩa. Mẹ sống trong nỗi ám ảnh về người thợ sửa ống nước và những thứ đầy lông, bố sống trong nghi ngờ để rồi chỉ biết lẩn trốn khi sự thật vỡ lẽ. Còn tôi lại là người không có tiếng nói để có thể làm một việc gì đó.

- Bố sẽ không trách mẹ chứ? - Tôi hỏi câu ấy khi ngược lên nhìn bố, nước mắt ông đã chảy tràn trên gò má sạm đen.

- Bố quá tệ khi đã không cùng mẹ vượt qua nỗi ám ảnh đằng đằng hơn mười năm qua. Sự nghi ngờ luôn chiến thắng mọi thứ, nó lấn át lòng bao dung và thấu cảm.

Bố đặt một tay lên vai tôi và hỏi về những chú chim. Tôi hồ hởi kể cho bố nghe về chú chèo than bạch tạng, nó vẫn khỏe mạnh và thể hiện những tố chất vượt trội. Bố đã từng tỏ thái độ nghi ngờ khi chú chèo bạch tạng được sinh ra dù xác suất là rất nhỏ. Một xác suất nhỏ đã xảy ra ngay ở lứa trứng đầu tiên. Nhưng với bố lại khác, sự thật thì một người đàn ông không có tinh trùng xác suất để có những đứa con là bằng không.

Người đàn bà góa bụa vẫn đứng đó, còn mặt trời đã kéo xuống thung xa.

Bố luống cuống khi nhận ra một điều gì đó. Chiếc túi trong lòng bàn tay phát ra những tiếng kêu. Bố run rẩy đưa ra một chú tu hú con đang thoi thóp thở. Tôi

được biết những thói quen lạ lùng của bố khi được người đàn bà góa bụa góp mặt vào câu chuyện. Khi mặt trời ló dạng, bố sẽ đi thẳng vào rừng và tìm loài tu hú con. Bố sẽ bóp chết chúng hoặc tự tay nuôi chúng. Bố luôn nhắc đi nhắc lại với người đàn bà về sự kiểm soát. Bố không thể để một loài chim nhỏ bé như chích bông lại vất vả nuôi con tu hú được. Đó là sự tàn độc. Tu hú con lớn rất nhanh trong sự vui mừng của bố mẹ chích bông. Đến một ngày cái tổ chật chội không thể bao bọc nổi thân mình, tu hú rời đi và để lại tiếng kêu không biết là cảm ơn hay giễu cợt.

“Chẳng ai muốn mình là chú chích bông để nuôi con tu hú cả”.

“Nhưng con sẽ không xử sự như một loài tu hú, công sinh không bằng công dưỡng”.

Ngày cũ trôi trên dốc Thượng, người đàn bà cũ tháo chiếc khăn mỏ quạ có thêu hai chú bồ câu trắng chụm đầu vào nhau đưa cho bố. Tôi sẽ cùng bố về trước khi mặt trời tắt lịm sau lưng dốc, trước khi các loài chim gác lại tiếng hót cho ngày sau.

“Bố cần phải làm một việc ngay lúc này”.

“Việc gì hả bố?”.

“Chúng ta sẽ đặt chú tu hú con này về tổ trước khi bố mẹ chích bông tuyệt vọng và bay đi”.

Đêm hôm đó tôi nằm mơ thấy người đàn bà góa bụa băng rừng về ngôi bên chiếc tổ. Bà run rẩy đặt con tu hú trong lòng bàn tay, miệng lẩm bẩm như lời tự vấn về những lỗi lầm thời son trẻ.



Minh họa: BÀ SIÊU

Nước chảy chia hai

TRẦN THỊ MƠ

1 Trên ngã ba sông, mặt nước còn lơ mờ màu lông chuột thì từ hai bên bờ sông, đã có rất nhiều thuyền chài, thuyền hàng rong, thuyền chở đi, đồ chở khách qua sông lên thị xã hay đến bệnh viện, qua lại đan nhau như mắc cửi. Cái âm thanh của một làng chài nghèo, làng điểm bình dân, những con đò du thủ du thực của dân đánh bạc, dân bán thân bệ rạc và bạc phếch, ồn ã như chợ mà không giống chợ. Khung cảnh ngã ba sông chưa sáng đã tấp nập, nhộn nhịp và bí ẩn.

Người đàn ông chủ con thuyền chài rách nát là ông Miên, đang xếp mấy cái bồ đựng hến, quần cái chài và mấy tay lưới cho vào cái te treo trên mái thuyền, rồi lấy cái xô nhựa tát nước trong khoang ra ngoài, cho đồng quần áo ướt lên mũi, xem chừng đã gòn gợn, ông nói vào trong khoang, hôm nay giỗ ông, bà lên chợ Chiền xem mua mấy thứ...

Người đàn bà cũng không còn trẻ nữa, lặng lẽ lật người sang bên, áp sát mặt vào tấm cốt ép làm phen che với bên cạnh, mặt mũi chưa muốn dậy. Hôm nay tiết Đoan ngọ, cũng là ngày giỗ bố chồng, không biết ông còn đồng nào không. Tôi có giữ đồng nào, hôm qua bán được yển hén đã đưa bà hết. Thôi thì mua được cái gì thì mua, gạo hôm nay cũng hết rồi, bà mua một bó hương, ít lòng lợn, vài lạng thịt lợn và bó rau thối, còn gạo tí nữa tôi bảo con Na thả te kéo xem được ít hén nào đem lên bờ bán đong gạo.

Na là con gái ông đã là một thiếu nữ nhưng ngày ngày nó chỉ thả te kéo hén, gỡ lưới cho bố thả cá, hay nhặt hén ra khỏi sỏi cát, nó không được đi học. Khi nào mang mớ cá tôm lên chợ thị xã bán, thấy trường học là nó lại háo hức. Nhưng ông đành bất lực nhìn con khóc cả tuần, nó đi học thì ai chèo, nhịn.

Khoảng gần đứng bóng, mâm cỗ giỗ cũng được dọn ra. Giỗ nhà nghèo trông thật cảm cảnh. Một đĩa lòng lợn bé tí, một bát thịt lợn kho và nắm cơm tẻ giả xôi, mấy lá trầu, một quả cau, một nậm rượu. Ông Miên rút ba nén hương châm lửa. Ông mặc cái áo nâu bạc màu và cũng là chiếc áo lành nhất, rồi buông cái quần ka ki đã thủng đít vá dọc vá ngang, xoay mặt vào mâm đặt trên sán ván chỗ ông nằm mà khấn. Ông không khấn nôm như các bà, ông cũng cóp nhặt được vài câu cao tăng tổ khảo nửa nôm nửa chữ. Khi khấn đến đoạn mời cụ ăn cơm, những cục nước miếng trong cổ ông cứ tứa ra, vợ ông, con Na và thằng Ngổ ở sát phía sau cũng nuốt nước miếng liên hồi. Thằng Ngổ chỉ chỉ tay vào mâm ú ớ, nước dãi chảy dài từ miệng xuống rốn. Bà Miên lấy khăn mặt đen nhem lau cho nó rồi bảo, đừng như thế con, hư thân, để các cụ ăn xong đã.

Ngổ ngẩn ngơ nhìn mẹ rồi lại nhe cái hàm răng vỡ ra như răng khi, đầu ngúc ngoắc, tay quờ quờ trước mắt như múa. Bà mẹ nhìn con xót xa, nó bại não, trời bắt nó vừa câm lại vừa ngổ. Chăm nó đến khổ, sợ ý là nó ra khỏi thuyền rơi xuống sông đến mấy lần. Một lần đi trên sông Nậm He ông ghé thuyền qua chùa Vạn, khi bà vừa có mang mấy tháng, ông vào chùa khua hết xôi thịt hoa quả tiền vàng đem về thuyền cho vợ con ăn no nê đến mấy ngày. Thằng Ngổ sinh ra nằm một chỗ, không một tiếng khóc làm cho vợ chồng bà sợ quá báo. Ông từng khoắng cả bu gà trên mũi thuyền của bạn chài, từng ăn cắp bún ở chợ Bàu, từng đập thằng bé thuyền Nam Soa chết ngất vì nó mách ông ăn trộm cá nhà nó.

2. Con Na chẹp chẹp cái miệng đi ra be thuyền ngồi vô tình làm chiếc thuyền chòng chành nghiêng sang một bên. Chai rượu trên mâm cũng đổ va vào mạn thuyền bằng xi măng vỡ một nửa trên. Ông Miên chộp lấy rồi chửi, tiên sư con trời đánh, mày vào đây mà nhìn, mẹ cha mày.

Con Na sợ tái mét mặt, lén vào khoang thuyền như con mèo. Ông Miên nhặt mảnh chai vỡ quăng xuống sông, rồi đặt một nửa chai rượu vỡ còn lại lên mâm khấn tiếp. Khấn xong cảm thấy không yên tâm, ông bèn khất âm dương. Hai đồng tiền gieo xuống đĩa keng tiếng lèng xèng nghe mặt nhọc. Bà Miên chăm chú như bị thôi miên. Đến năm lần hai đồng tiền keng một tiếng rồi nằm cười.

Kiểu này chắc ông giận nhà ta rồi, thôi lần này không được thì đành phải thôi vậy, chứ bây giờ lấy tiền đâu mà mua rượu. Xin ông hãy phù hộ và thương cho chúng con nghèo khó. Ông gieo lần cuối cùng. Một sắp, một ngựa, mặt ông sáng lên hơn hờ.

Một lúc sau hương tàn.

Ông Miên ngồi khoanh chân bên mâm, rót rượu từ cái chai vỡ ra cái bát rồi tu một hơi cạn sạch. Có chút chất men nên ông trở nên vui vẻ, không thì bữa cơm hôm nay thế nào con Na cũng phải được một trận chửi ra trò. Đang ăn có tiếng ai trên bờ gọi vọng xuống, ông bà Miên ơi, Na ơi, ra đây dắt bác xuống cái nào!

Cả nhà ngó ra, con Na nhanh nhẩu bảo, bố ơi, bác Hai đến. Cả nhà buông đũa, duy chỉ có thằng Ngổ vẫn nhai mẩu phèo lợn nhồm nhoàm ngồi đó. Con Na ra dắt bà Hai xuống thuyền qua cái cầu ván, con thuyền chòng chành làm cho bà Hai thấy ớn ớn nổi da gà. Bà Hai đưa cái túi ni lông cho bà Miên khi cả hai đã vào trong thuyền rồi bảo, lúc sáng nghe chị bảo hôm nay giỗ cụ, tôi có hai cân gạo và ít hoa quả đem xuống làm quà thấp hương cho cụ. Tội nghiệp nhà cửa không có cứ phải để các cụ lênh đênh sông nước như thế này.

Khoang thuyền vui vẻ như có phép màu trong khi bà Miên nước mắt giàn giụa vì cảm động. Thì ra cũng có người còn thương gia đình ông bà. Bà Hai thường bán gạo chịu cho bà Miên và bao giờ cũng hạ hơn người khác vài giá. Đó là vì bà Hai hàm ơn ông Miên đã cứu đứa cháu của bà bị lũ cuốn trôi trên sông hồi năm ngoái. Giỗ ông nội mà thằng Kiên đi đâu, bà Hai chợt hỏi, hay nó gặp chuyện gì rồi? Câu hỏi vô tình của bà Hai làm cả nhà ông Miên chết lặng.

3. Màn đêm đang loang dần trên ngã ba sông. Nhiều chiếc thuyền của dân sông nước lập lờ giữa sông nay đã ghé vào bờ, lấp lánh ngoài kia còn lóe những ánh đèn pin của loại thuyền gió bán đêm chớp nhoáng cho dân vận tải đường thủy. Những cái mùng thả te kéo hén muộn thì không đèn đóm gì, mò mẫm trong bóng đêm như vạc. Làng chài ven hai bờ sông nhưng khác nhau, bên này là bến đậu cho thuyền sinh sống bằng đánh bắt hén, bên kia là bến của mấy chục con thuyền sinh sống đủ kiểu, đủ dạng, đậu sát bờ được kéo điện từ những nhà ven bờ sông xuống lấp lánh ánh vàng. Dân này chuyên nghề bán máu từ đời ông cha của họ. Thuyền ông Miên cũng có một thời đậu bên ấy và làm nghề như họ làm, nhưng ông một lần bị lừa suýt chết nên bỏ, đành phải rời sang đối ngạn cào hén, thả te. Nơi dòng nước chia hai cũng là nơi giao lưu giữa các vùng Huổi Khăm, Nậm Pênh, Nậm Inh, Huổi Nặm, Huổi Tay, là nơi tạo thành sông Nậm Day, sông Nậm Châu và sông Nhu Yện. Mỗi khi màn đêm buông xuống, trên bồng bênh sông nước là cuộc mưu sinh khốc liệt của lớp người hoặc cùng cực hoặc bất cần đời, họ bán máu, bán thân, trộm cắp, lừa gạt để có cái ăn, hoặc để hát, để hút, để sướng...

Mười mấy năm sống với bến sông ấy, ông Miên cũng đã nếm đủ những gì gọi là giang hồ thảo khấu. Trên nền trời đen thẫm kia hiện lên những vì sao lấp lánh

nhưng nó mịt mù xa tận đâu đâu. Trước mắt ông rất gần lại là những ánh đèn xanh đỏ quay tít mù phả ánh ngũ sắc xuống mặt nước của những tụ điểm hát hò, hút xách thâu đêm. Xa hơn là thị trấn Phù Li nửa quê nửa tỉnh. Đã mấy lần ông Miên nghĩ cách lên bờ sống nhưng không còn mảnh đất hoang nào nữa, thôi thì đành yên phận với kiếp dân chài.

Ngày xưa nhà ông ở Mường Khú, toàn người Mường, mười chín tuổi ông đi bộ đội. Chiến đấu hết chiến trường giáp Cam pốt, chiến trường Tây Nguyên cho mãi đến khi giải phóng Sài Gòn, hòa bình thì ông về với bản Mường. Ngô trên nương, lúa trên rẫy khi nào cũng nhiều. Trâu bò cả đàn, lợn chíp ba bốn chục con. Khách lạ vào nhà ông phát hoảng với hàng dài những răng hổ, lông công, sừng hươu, sừng bò tốt... Ông là một thợ săn cừ khôi, bách phát bách trúng, đến nổi phường săn bảo ông có bùa. Ông chỉ cười vì chẳng ai biết ông từng sáu năm là lính bắn tỉa, và lại ông có cái ná mà không ai có. Cái ná được làm bằng gỗ trai công phu và cái lấy của nó được làm bằng cây chu đồng, lấy ở vó Khộp từ thời để đất để nước của người Mường, chỉ nhà ông còn giữ được. Chỉ mảnh cây đó làm cái lấy ná thì cây ná như có thần. Săn về, phường săn lại tụ tập tại nhà ông để uống rượu cần với thịt chim thú. Vợ ông tính hơi lẳng nhưng làm rượu cần rất giỏi, nấu cháo hươu nai rất ngon. Người bắn trúng hươu sẽ được nhận sừng, còn chân thì chia cho những người có công nhất.

Nhưng đời ông như chợt gặp lũ ố. Một hôm ông Miên lên nương, mang theo gạo, xoong, nồi định ở trên đấy cuộc nương vài ngày mới về, dặn vợ coi nhà cẩn thận nhưng đêm lạnh, chiều hôm sau ông phải về nhà để lấy thêm cái chăn. Về đến nhà khi trời đã nhá nhem tối, không nhìn rõ mặt người, trong nhà không có đèn đóm gì, ông nghĩ chắc vợ mình lại bỏ sang nhà ai tán chuyện, nên lẳng lặng rút cái đòn cái cổng bước vào nhà. Vừa đến chân cầu thang ông chợt nghe có tiếng cọt kẹt, cọt kẹt một lúc một mạnh của sà nứa, tiếng xuýt xoa, tiếng thở hổn hển cả tiếng rên ư ử của đàn bà. Nhà ông gặp sự chẳng lành rồi. Ông gỡ cái máng đựng nước rửa chân ra khẽ bước nhẹ lên cầu thang, ông quát, chúng mày nằm yên không tao đập chết. Trời tối thui không thấy gì, chỉ nghe tiếng sột soạt cuống quýt rồi một bóng đen lao qua phía cửa sổ ra sà n bên ngoài. Ông la lên, có trộm, có trộm dân làng ơi! Không, không, là em!... em đây, vợ ông vội lên tiếng lấp bấp. Ông Miên quờ tìm bao diêm. Vợ ông trên người chỉ còn cái yếm, thu người dưới ánh đèn. Cô làm cái chuyện gì thế này... ông Miên nói như hụt hơi.

Dân bản nghe thấy tiếng kêu trộm, nhà này gọi nhà kia, hò nhau đi đuổi trộm. Chỉ mười bước chân là họ tóm được hần. Hóa ra không phải tên trộm mà là ông chủ nhiệm hợp tác xã làng bên sang trộm tình. Ông Miên xuống sân soi đèn nhìn vào mặt tên trộm tình rồi đề nghị dân bản tha cho hần. Xong ông lên nhà lấy thêm bộ quần áo, cái chăn đắp rồi đi ra cửa, xuống hết cầu thang, khi thấy vợ chạy theo ông mới ngoái lại, nói cô cứ ở đây, nhà này tôi cho cô luôn.

4. Ông đi lang thang khắp vùng rồi gặp một bạn cùng thời đi lính với nhau, cũng nghèo túng và cũng bị vợ bỏ rủ nhau đi bãi vàng. Ông làm thuê ở Nà Rì cho một

chủ lò vàng khét tiếng, suốt ngày từ sáng cho tới tối phải đội những thúng đất nhào như bùn ao lấy từ dưới hầm sâu lên cho những người khác đãi lấy vàng. Hang sâu lên xuống phải rượt theo cái thang làm bằng những cây tre buộc nối với nhau. Đội đất lâu ngày sợ không mọc được tóc, hàng năm bàn chân không kịp xỏ dép. Tối đếm được năm trăm thẻ, tức là ngày hôm ấy đội năm trăm thúng đất. Nhiều lần ông nhặt được những hạt vàng to bằng hạt gạo, nhưng không qua mắt được bọn khóm, quân của chủ lò. Ai giấu vàng mà bị phát hiện không chết thì cũng gãy chân gãy tay, dờ sống dờ chết vất ra ngoài rừng, cũng chết.

Đêm đêm dưới ánh điện máy nổ sáng hung hung, đỏ đỏ, hay xanh tím đủ màu bật lên trong các lán trại là những chị bán dâm váy cũn cỡn, đùi vú về ngồn ngồn, trắng lố. Nhạc như sét đánh, rốc, rập gào thét trong quán karaoke đã chiến, quán rượu, cà phê đủ cả để phục vụ những thân phận đã phải dấn vào bãi vàng là không cần biết ngày mai. Sáng sớm cũng có những cô hàng thịt, hàng đậu, hàng bún gánh cổng kênh đi bán rao, những kẻ đào vàng thuê như vừa từ âm phủ lên trần gian cũng phải ăn. Ông Miên quen cô hàng thịt trông khổ khổ, gạ ngủ với cô được mấy lần, cô bảo trốn, thế là rủ nhau trốn mà thành vợ thành chồng sống cho đến bây giờ.

5. Nếu thuyền ông không chuyển sang bờ bên này liệu thằng Kiên có hư thế không? Mỗi buổi sáng dậy sớm, hay những lúc buồn bã, ông Miên lại tự hỏi như vậy không biết bao nhiêu lần với nhiều nỗi xót xa. Ông hơi loạng choạng bước vào khoang thuyền với cái gia đình mà vất vả lắm ông mới chống chọi được đến lúc này. Ông thấy vợ ông vẫn còn thức, và dịch người sát vào con Na và thằng Ngổ để chỗ cho ông nằm. Bốn con người nằm trong một cái chiếu, chật chội lâu thành quen, lòng thuyền chỉ có vậy. Thường thì thằng Kiên lót mảnh chiếu nhỏ nằm phía cuối thuyền. Cả ba đứa con của ông đã ngáy khò khò. Chính đêm ấy ông đã bàn với vợ mình là phải sang bờ bên kia, không thì đánh bắt ngày một khó như thế này, có ngày nhịn đói mà chết mất. Bà thở dài, đắn đo mãi rồi bảo, tôi và ông đều già yếu rồi, chả nhẽ lại bắt thằng Kiên với con Na làm nghề ấy sao? Và lại chắc gì nó đã chịu làm.

Đầu ông Miên như muốn nổ tung trong cái tiếng nước róc rách bên mạn thuyền. Cái nghề mà bà nói ấy là nghề bán máu mà ông bà đã từng làm khi sống ở bên kia sông trong nhiều năm mà đến lúc ông phải từ bỏ, thế mà nay lại muốn quay lại. Bà Miên trần trọc một lúc rồi cũng ngáy khò khò bên ngoài bầu trời đen không một ánh sao và chỉ có trên bờ vọng xuống tiếng còi tàu kéo dài náo ruột.

Cuộc sang sông của chiếc thuyền chài cùng cực ấy trong một buổi sáng sớm mặt sông phẳng như lụa, những đoàn xà lan chở cát, chở than chưa đến giờ qua đây. Con thuyền sang ngang trong khi cái mặt thằng Ngổ cứ dằn ra, mồm cắn lấy cắn để cái củ khoai nướng. Khi bà Miên lặng lẽ ra gỡ cái dây cột thuyền rồi đẩy thuyền ra khỏi bờ, thằng Kiên đã ngồi vào cái ghế, hai chân đạp lên hai cán chèo, nó chuông chuông mấy cái làm cho con thuyền xoay nhẹ hướng mũi về bờ bên kia. Chiếc thuyền ra tới giữa dòng, trông nhỏ nhoi như chiếc lá, tiếng mái chèo

bỏ xuống nước cũng rất nhẹ. Thuyền vừa ghé vào bờ, người hàng chài quen cũ đã cất tiếng khê nòng chào hỏi, ông bà Miên cũng hồ hởi vui vẻ một lúc lâu với những thuyền bạn quen nhau đã hàng chục năm trước.

Không hỏi ai ông cũng biết, vì trước khi lấy máu ai mà chẳng kiểm tra xem có bệnh không. Ngày đầu tiên có một ông từ Hà Nội đến đòi mua, ông ta muốn máu nhóm A nhưng nhà ông Miên lại là nhóm B. Hôm đó không thu được gì. Hôm sau có hai khách đến và cần nhóm B nhưng phải là người khỏe mạnh. Thằng Kiên chấp nhận giơ cánh tay ra cho họ thử, thử xong một ông nhìn mặt bảo, máu anh không được. Sao thế ạ? Cháu không cùng nhóm máu B ạ, thằng Kiên hốt hoảng hỏi. Không, anh bị nhiễm HIV. Còn trẻ thế sao anh lại dính vào thứ đó làm gì. Cả nhà tái mặt. Ông Miên giật giọng, mày nhớ có gài gú gì trên bờ không, đòi tao không ngờ lại thế này. Có một lần thôi ạ, thằng Kiên lấp bắp thưa. Ông Miên như kẻ mất trí, vợ ông ôm mặt nức nở trong khi con Na mặt trắng bệch như không hồn. Chỉ thằng Ngố nhe nanh cười.

Con thuyền của nhà chài ấy vẫn bập bềnh diu dặt trên mặt sông yên ả, dòng nước trong xanh trôi mãi miết rất bình yên, giờ trông như một cọng rác trong bóng chiều nhuộm đỏ mặt sông. Không có khách nào hỏi mua máu nhà ông nữa, kể cả máu con Na, từ khi người ta biết thằng Kiên con trai ông chết vì bệnh ết. Nhà ông hết đường mưu sinh. Một đêm bầu trời đen kịt, có một con thuyền chài cũ kĩ bạc phếch, trôi ra giữa dòng sông và cứ dập dềnh trôi theo dòng nước vào trong đêm đen. Nhiều năm sau, người ta cũng không thấy con thuyền chài ấy trở về bến sông cũ nữa.

CHÙM THƠ CÁC NHÀ BÁO

NGUYỄN THẾ KỶ

Quê mình

Đưa con về thăm quê
Cha gặp lại tuổi mình ngày thơ dại
Mấy dây ao làng, sen còn thơm mãi
Hoa gạo rơi xao xác sân đình.

Bến bờ nào cũng đội sóng sông Dinh
Xa ngái nào cũng mơ về rú Gấm
Hạt giống đồng chiêm gieo vào tâm khảm
Vẫn xanh tươi nơi góc bể chân trời.

Quê mình là vậ đó con ơi
Bát cơm con ăn, ân tình con gặp
Mùi chua của bùn, vị nồng của đất
Với cha, quý hơn cả bạc vàng.

Bến bờ nào ông bà dất con sang
Dòng đục, dòng trong, câu thương, câu giận
Thương cụ đồ xưa bút nghiên lận đận
Đổ trạng rồi còn lợi ruộng vinh quy.

Đất quê mình nâng bước cha đi
Để có con hôm nay trở lại
Như sông suối về nơi biển ấy
Lại góp mưa xanh mát mạch nguồn.

VŨ TOÀN

Nhà báo

Lỡ một cuộc ghi âm
Bài báo thành bản án
Trong thời buổi nhiễu nhương
Có thể anh trúng đạn.

Cái ác

Cái ác nằm im trong ngọn rau, miếng thịt
Mẹ đi chợ về cái ác lần theo.

Cái ác hóa thân người phụ nữ đói nghèo
Sáng bế trẻ ăn xin, đêm về phê ma túy.

Cái ác bùng lên thành đám cháy
Vợ tắm xăng đốt chồng.
Chồng đổ xăng đốt vợ.

Cái ác chui vào cơ quan, công sở
Hóa biệt phủ nguy nga giữa chốn dân lành.

Cái ác leo cao, cái ác trá hình
Làm giả cả anh hùng, giả chiến trường,
đồng đội.

Cái ác ngược rừng đốn cây ngàn cội
Hương gỗ cay lay lắt nẻo rừng già...

Cái ác ở gần. Cái ác ở xa
Đêm lẫn vào ngày chập chờn cái ác.

Cái ác đến từ đâu
Ở quanh ta
Cái ác.

BÙI SỸ HOA

Ghi chép của một nhà báo

1

Nhà thương Anh Sơn có một con đường
sạch thoáng
Đó là đường vào nhà xác
Ngày ngày cụ già còng lưng quét rác
- Chỗ này buồn quá, thưa cụ?
Tôi quen nơi này đến mức
Không vui cũng không buồn!

2

Anh thương binh hỏng mắt Trần Đức Pha
về làng tròn ba năm
Cần gì chúng tôi chu tất
- Tôi xin một cây đàn
Hồi trẻ trai tôi thường vừa đàn vừa hát!

3

Một người đứng tuổi ngồi chề vợ
Một cô bạn chề chồng
Không ai buồn nghe
Chỉ biết rằng
Họ đang chề bai chính họ!

4

Bà mẹ tàu xe nón áo thăm con ở trại giam
- Nó chịu tù mấy năm, thưa mẹ
- Chung thân
Mất mẹ trứng quàng
Rời năm năm tháng tháng
Mẹ vẫn đi về về đi

Àu ơi, vầng trăng

Tặng Phúc Lâm

Àu ơi

Tình mơ thả bò
Hòn Dài dậy cỏ
Chặt củi Hòn Xạ
Tát cá Chợ Hao
Chiều nháy bùm tằm Gành
Ngụp mình đái hén cào ngao...

Àu ơi

Gió rất
Nắng tấp
Đèn dầu cây đêm
Hôm mất đợi nước
Vết cháy đáy giếng
Cả nhà quanh năm cày cuốc
Nuôi giấc mơ khuya sớm sách đèn...

Àu ơi

Dòng Lam ra biển mặn
Lắm cá nhiều tôm
Bão gió bắt thần
Lá buồm lành rồi rách
Vẫn còn cột buồm
Không thể bẻ vụn...

Àu ơi

Hết mùa cạn đến mùa mưa nguồn
Trên cao sấm rạch ngang trời
Rừng mình Hòn Dài
Giếng sâu mạch ngầm vỡ òa vầng trăng...

BÌNH NGUYỄN TRANG

Cửa sổ

Cửa sổ để em nhìn vào khoảng trống
để mở ra trời nắng
để khép lại trời mưa
và trong những ngày sương mù
em chờ anh gõ cửa.

Dẫu rằng em không còn anh nữa
hề chi mà buồn với lẽ ở - đi
hề chi mà đau
hề chi mà xa xót.

Căn phòng em những ngày mộng mị
là những ngày trống vắng niềm tin
ô cửa sổ vẫn sơn màu xanh
vẫn vì anh mà xanh.

Và trong cơn mưa lá rũ không đành
em ngồi hát lời cây từ cửa sổ
ngay cả lúc nổi đời chờ tan vỡ
em nghiêng đời em qua mỗi chấn song.

Trên trời cao còn có một dòng sông
còn thao thiết yêu một vì sao lạc
em dẫu không còn anh
dẫu là anh đã khác
dẫu tình yêu mặn nồng rồi phai nhạt
rồi hư ảo như trời.

Rồi cứ thế căn phòng vừa khép cửa
người mở lòng ra mà bước tới không cùng...

BÙI VIỆT PHƯƠNG

Ở nhà

Mỗi người ngồi với một tách trà
Rồi thấy mặt hồ, thấy đại dương sóng cả,
Ngày bỗng tuềnh toàng quá
Đồ đạc ngồi cạnh mình bỏ trốn
Bụi bặm thì rong chơi.

Cánh cửa đã mở xong về phía mặt trời
Đã được thấy hoa nở mọi khi ta vắng mặt
Nếu ngày mai, ngày kia...
lại vẫn là chủ nhật?

Ngày đã hết hoa hồng ta lại tưới vì gai
Căn nhà bước vào mùa ta có mặt.

Nhà ta mặt đất
Cánh cửa không bao giờ đóng
phía mọi người

Những quyển sách kê vai
kéo ngày qua chật vật
Đàn kiến bò nhanh qua bát cơm bỏ dở
Qua giấc mơ nửa vời
Để sớm nay leo lên đầu ngòi bút
Đợi ta bắc cầu vào giấy trắng ban mai.

ĐÌNH NAM NGHỊ

Ta về

Ta về ngồi tựa bờ tre
 Mà thương cho những nẻo về xa xôi
 Phồn hoa trú ngụ nửa đời
 Vẫn không rũ được chất người nhà quê
 Rạ rơm vẫn vít lối về
 Lời chào, tiếng gọi giọng quê tròn đầy
 Mâm cơm trái chiếu sum vầy
 Thật thà dân dã như ngày xa xưa
 Bờ tre vẫn tiếng văng đưa
 Vườn sau vẫn tiếng gà trưa gọi đàn
 Công này việc nọ cổ bàn
 Tối đèn tắt lửa tình làng chứa chan
 Đơn sai lầm lối hèn sang...
 Khi về với đất cả làng tiễn đưa
 Ta về, về với làng xưa...

ĐÌNH SÂM

Đoản mơ quê...

Là mơ thôi: một mái hiên rơm rạ
 Có ban mai xao động tiếng chim gù
 Và khi nắng chưa kịp hừng ngổ trúc
 Lộc vùng thơm tiếng chổi em đưa.

Rồi thêm rợi gió nồm từ Rú Cốc
 Mất no xanh khoai lúa Bàu Dung
 “Đàng quan” chặt người xe xuôi ngược
 Chợ Cồn đương náo nức ngày phiên...

Là rất thật một miền tâm cảm thế
 Song chỉ là mơ xa ngái buổi về
 Nắng chi lạ trắng bờ đê ngọn cỏ
 Nước Rào Gang cần mương tưới Đồng Dầu.

Buồn ngược núi những năm mờ xám, đỏ
 Giếng lấp rồi nay Rú Giếng mang tên
 Cha mẹ, ông bà... nghĩ gì dưới cỏ
 Khi đứa con lạc lối về tìm?

Bán ký ức thuở bần rơm Bàu Bến
 Mua ăn năn nơi Đền Hữu, Chùa Giai
 Bàu ấm ắp nay đã thành ruộng hạn
 Chốn tâm linh sao lắm tiếng thờ dài?

Mà ta ạ, mơ chi chân quê ấy
 Hồn rạ rơm nhưng xác - phố mất rồi
 Từ ngày đi... ba mươi năm có lẽ
 Mỗi cuộc trở về, lại thêm một cách xa...

HOÀNG NGUYỄN VŨ

Tạ lỗi sông quê

Nắng cứ gõ dài bản giao hưởng lắm chương hồi, gió Lào làm nhạc cụ song tấu
Khát khao mưa như đứa trẻ từng đợi mẹ chợ về
Bóng con tàu tuổi 18 sau hoàng hôn xuôi về những miền khuất dấu
Em đi, nắng gió không theo.

Cỏ độc khúc tự mọc tự héo tự xanh qua muôn lớp thiên di
Sông xanh veo mắt em xưa hồn nhiên chảy
Mắt em kẻ xanh màu nơi nao em tìm nước sông quê rửa tẩy
Cứ thể quay về cứ thể quay đi.

Còn gì cho nhau giữa những mưa những gió gieo neo
Hạ rất Đông buốt ký ức ta hiếm khi là xanh mướt
Nhiều vô cùng nhura nhura nửa vời à ơi người đi xa đưa nhau hát:
Nào "thương ví giặm", nào "nhớ sông quê", nào than khổ kẻ nghèo.

Khác đi được không để sông không vác mang những giả dối con người?
Để sông vẫn là sông hào hoa như bao kiếp
Than vãn ngậy ngô cứ như ra đi là mang đi hết
Ta chỉ là khách trọ cuộc đời thôi.

Núi vẫn hiên ngang sông vẫn mênh mang có màu mè mắt mát gì đâu
Ta chìm trôi giữa hạn hữu đời người quê lặng mình ghi dấu
Gió mưa luân hồi bao đời nổi sóng
Trả giọt mưa về trong mát tận muôn sau...

Chân dung biển

Anh nổi sóng hai thập kỷ cho em, những xanh xanh xanh trùng miên viễn
Hôm nay mùa trăng trắng đội biển nhô lên tròn trịa như chưa từng
Biển rã rời anh biển vồ vập em như không còn ngày mai để hẹn
Phóng sinh cả đất lẫn trời để ta còn duy nhất giữa hư không.

Bức tranh thanh xuân những mảng màu em thành cổ kính đóng khung đời anh
Rồi lơ lửng treo giữa muôn trùng vô anh bằng hết đời của sóng
Có còn những nơi nào lãng quên những chặng đường xa nhau thổi bão lên dâng hiến
Thôi đừng tin những khái niệm độc hành.

Không quên. Không buồn. Không đau. Những pha lê trả về giọt mưa nào từ đáy mắt
rất trong
Soi chân dung ta soi chân dung trăng tròn như không bao giờ vỡ phai lần nữa
Anh hoá đá những nhớ quên giữa ngàn đời sóng vỗ
Hoá đá cả đất trời, cả những có và không.

KHA THỊ THƯỜNG

Không đề

Trong đáy sâu của trái tim
 Mọi điều có thể được lưu bằng file ảo.
 Ảo mộng yêu thương
 Lập lờ mật ngọt
 Giả dối nghĩa tình
 Giả vờ sẵn sóc
 Mà hốc hang sâu
 Mang hình xoắn ốc
 Đầy che mong manh bởi chiếc nắp của mình!

Trái tim kia...
 Đôi khi che giấu những vô hình
 Cũng có thể hữu tình
 Mà cất dịu dàng trong một hồn trống rỗng
 Lòng người sâu hơn đáy biển
 Thác ghềnh nào không hoang hoải cô đơn.

Trái tim kia...
 Có bao giờ là nhiệt huyết, thiết tha
 Mỗi lời nói có thể đều lời thật
 Lời ghét, lời yêu
 Lời thương, lời nhớ
 Đều là của đỏ máu trong tim?

Em có trách đâu
 Chỉ hỏi vậy thôi
 Vì em thấy thành tro bụi giếng
 Hay tại em kẻ cả
 Như cơi trầu chỉ đủ thắm bờ môi!

LÊ HUY MẬU

Hạnh phúc là bình yên

Xưa tôi tưởng hạnh phúc ở nhà bên
 Giờ mới biết nhà bên cũng chẳng có
 Tôi hỏi vào trống không
 Hạnh phúc ở đâu?

Người nghèo nghĩ: Hạnh phúc ở nhà giàu
 Người hiếm con nghĩ:

Con cháu là hạnh phúc

Người bệnh tật nghĩ: Hạnh phúc là sức khỏe
 Người can án tù nghĩ: Hạnh phúc là tự do!

Hạnh phúc nhỏ nhoi. Hạnh phúc đơn sơ
 Hạnh phúc như món đồ dễ vỡ
 Hạnh phúc là thứ gì hiếm quý
 Hạnh phúc là... khi mọi sự bình yên!

Xưa tôi thấy hạnh phúc ở nhà bên
 Giờ tôi hiểu bình yên là Hạnh phúc!

THƠ

LÊ THÀNH NGHỊ

Buồm và gió

Vượt qua tuổi mình
Buồm lên cùng gió.

Về miền tiếng gọi
Những hạt sương ướt đầm cánh buồm
Về miền thác dội
Thở căng lồng ngực trần
Về miền lãng quên
Trôi đến vô cùng!

Ngoài kia bờ cây ử sắc tím vàng
Ong bay nặng cánh
Gió lay trong hoa
Nghe sâu thẳm một nhụy hồng vừa rụng
Sự sống sinh sôi từng giờ.

Gió biết cánh buồm mệt mỏi
Nên đưa khuôn mặt về gần
Buồm biết mình không nhớ tuổi
Giữa ngày nắng gió thanh tân.

NGUYỄN VĂN HÙNG

Thông điệp từ nước Hàn

Phụ nữ Hàn Quốc
Những ngày này
Đang thực hiện “bốn không”
Không hẹn hò
Không lấy chồng
Không quan hệ tình dục
Và, cuối cùng không sinh nở.

Như cây xanh tự vật hết lá
Thích nghi nền văn minh khốn khó này
Vật hết lá cành để cuối cùng
Họ tự kết liễu!

Tôi, người đàn ông cầm bút
Già nua và yếu hèn
Chẳng giúp được gì đâu
Cho họ, vâng chẳng giúp được gì...

Nhưng tôi
có thể hét to lên
xấu hổ
Trước hoang mang loài người:
Rằng, những đàn ông chúng tôi
Đã - làm - gì - liên - quan - đến - họ?

*Theo bản tin về phụ nữ nước Hàn
của VTV1, phát trưa ngày 9/12/2019.*

TÙNG BÁCH

Bạn bè một thuở

(Ký ức vụn với nhà báo NXD)

Gã người Thiết Đan, tên Diệu
Vốn là nhà báo Quân khu
Có thời đặc công lính trận
Nhắc trông như thể lính dù!

Quen gã hồi mới Nghệ Tĩnh
Trung úy Diệu khá bảnh trai
Thước tắc có phần khiêm tốn
Bẻ khóa, trèo leo rành tài!

Có lần tôi tỏ ý khuyên
Bỏ quách cái nghề viết lách
Tháng một vài đêm khoét gạch
Tha hồ áo ấm cơm no!

Gã nhìn tôi vẻ thăm dò
Rồi lắc đầu, bảo không ổn
Đường đường là một đảng viên
Ai đời lại đi ăn trộm!

Sau ngày Đông Âu sụp đổ
Người người đổi mới tư duy
Tôi hành phương Nam biệt xứ
Báo Quân khu, gã kiên trì!

25 năm sau gặp lại
Tôi hưu, gã cũng về hưu
Hai lão già Khốt ta bít
Không ra la cũng chẳng cừ!

Gã bảo, khi tê nghe cậu
Khung chùng tỷ phú, đại gia
Nhưng thôi, biết đâu phúc - họa
Tróc tử, chỉ mong cầu hòa!

Tuần rồi, gã a lo bảo
Bữa mô rảnh ghé nhà chơi
Cổ rượu ngon, trống gà ác
Lai rai một bữa quên đời!

VÂN KHÁNH

Mùa Thu

Dào lên nỗi nhớ về anh
em gọi mùa Thu đi hoang cùng gió
gió thổi về anh sợi tơ biếc xanh
đôi mắt biết buồn
nụ hôn không tuổi.
em vẽ vào trái tim biết nói
tình yêu cội cành lá non
mùa Thu giấu nụ cười ở đâu
mà cánh hoa sáng nay
trong vườn em thức gọi
anh ủ em vào đầu
mà mùa Thu đứng bên hiên dịu hiền quá đổi
hình như anh vẽ em bằng
đôi mắt tình nhân....

Tháng 6
Em bảo này
buồn chi như sen
rụng êm cánh mỏng xuống vườn trần
còn vương thơm nụ.
như sóng mặt hồ
nỗi buồn chao liệng
ào ào vỗ
im im ru.
em bảo này
nhấn với mùa Thu rằng qua đây vội vội
gói nỗi buồn trong chiếc lá vàng
thả xuống mặt hồ xanh.
Ô kìa lá sen
vừa mọc nhánh buồn cho Hạ.

TẠP CHÍ SÔNG LAM GIỚI THIỆU

Tác giả Tiến Thanh, quê ở Võ Liệt, huyện Thanh Chương, là giáo viên trường Đại học Vinh đã về hưu, hiện sống ở Hà Nội. Lần đầu tiên, tác giả Tiến Thanh gửi một chùm thơ về và Sông Lam đã in bài thơ “Khoảng trống” của ông trên Tạp chí số 5.

Thơ Tiến Thanh nhẹ nhàng, tình cảm, khá tinh tế. Các bài thơ của ông thấm đẫm tình người, cảm thông với các hoàn cảnh sống, các thân phận người và luôn hướng về các cảm xúc nhân văn.

Thơ Tiến Thanh có tứ. Những “tứ thơ” trong thơ Tiến Thanh thường xoáy vào cái quan hệ biện chứng hai chiều, thuận và nghịch, mâu thuẫn và thống nhất giữa lý trí và tình cảm, giữa sự hiểu biết và những thăng hoa cảm xúc ở trong đời sống tinh thần của mỗi con người. Lý trí không đè bẹp cảm xúc, không ngăn cản sự thăng hoa của tình cảm. Thơ Tiến Thanh đi tìm sự hài hòa trong thống nhất và cả trong mâu thuẫn giữa hai phạm trù đó. Thơ ông có thiên hướng ưu tiên, khuyến khích cho sự thăng hoa của tình cảm, khuyến khích tiếng nói thầm kín trong mỗi trái tim, mỗi tâm hồn. Có đôi lúc, vượt lên trên cả những sự toan tính, đắn đo và e dè của lý trí, thơ Tiến Thanh mạnh dạn ca ngợi những vẻ đẹp can trường và dũng mãnh của cuộc sống: Con thiêu thân, biết sẽ thành tro, vẫn lao vào lửa. Ngọn nến, biết sẽ lụi tàn vẫn rừng rực cháy...

Tạp chí Sông Lam kỳ này xin giới thiệu với bạn đọc 2 bài thơ “Người đàn bà góa” và “Năm mộ người ăn mày” trích trong chùm thơ của tác giả Tiến Thanh vừa gửi đến ban biên tập.

Người đàn bà góa

Bao đêm bờ vai lạnh
Run rẩy bầu ngực đau
Người đàn bà đêm góa
Trở mình giữa chiêm bao
Chiêm bao không hình hài
Nàng không thể nhìn thấy
Chiêm bao bờ gai nhọn
Xé rách thân thể nàng
Chiêm bao dòng nước lũ
Cuốn nàng trôi về đâu?
Người đàn bà đêm góa
Uớt đầm giữa chiêm bao
Bên song vắng trăng khuyết
Lả lơi gió ngoài hiên
Trần nhà đêm lặng lẽ
“Tiếc tiếc” thạch sùng kêu
Người đàn bà đêm góa
Trở mình giữa chiêm bao!

Năm mộ người ăn mày

Người ăn mày vàng vố
Suốt cuộc đời lang thang
Không hề hay quyền chức
Thân gầy bị rách mang
Rồi ngày kia nhắm mắt
Gục đầu dưới gốc cây
Đói no không còn biết
Tháng năm mộ người đây
Kẻ giàu sang đi qua
Vội vàng thấp hương khói
Kẻ làm ăn đi xa
Cúi đầu chấp tay vái
Phải chăng lòng thành thực
Hay cầu mong cho mình
Người ăn mày lặng thinh
Trong năm mộ hoang vắng!

LÊ QUỐC HÁN

Một đến ba

Tóc xanh từng sợi lẫn khăn bạc

*

Đêm qua mưa gió bời bời
mơ mình hóa chiếc lá rơi cuối vườn

*

Sáng khắp vườn đầm ướt
giật mình thảng thốt:
trời đột!

ĐINH HẠ

Khúc nghiệt ngã

Mới thôi mà nhớ khôn nguôi
Nỗi buồn lấp bể vá trời được không?

Quê người muôn nẻo long đong
Khứ hồi ngao ngán những vòng mưu sinh

Ngày trôi nổi nhớ siêu hình
Bao nhiêu cái mất cứ đỉnh ninh còn

Bể dâu mấy cuộc vương tròn
Nắng mưa nhuộm bạc áo cơm rã rời

Gió đưa nổi nhớ lên trời
Buồn neo chặt túi hóa lời đắng cay

Giá như một chén mà say
Để chiều xưa rủ chiều nay sang đồ...

NGUYỄN DUY HÀ

Nợ!

Nhát riu vung lên.
Khắc sâu vào văn tự
Tiếng cưa điểm chỉ rừng già
Gốc cây trơ dòng nhựa đỏ
Mộc tròn lở lói ngàn năm.

Dòng suối nguồn tắc nghẽn
giữa tiếng máy găm
Hòn cuội non giật mình dờ giấc
Vết nứt rạn đau phía núi gục đầu.

Cánh mỏng chim câu
Một ngày kia rồi hóa thành cổ tích
Cánh đồng làng rách nhăm nhở khói than.

Từng mảng rừng hoang
Bị vay sạch màu xanh tựa hồ xiết nợ
Con hoẵng kêu thương nơi cuối rẻo mòn
Khản đặc dòng sông.

Vành nón mê không che nổi bìa đồi lở nát
Nắng mưa đồng đánh thảng ngày
Bão lũ xối cày xa xót đắng thương.

Đơn lẻ cánh cò chấp chới ánh chiều vương
Nặng nhọc bay về đâu xa lắc
Đồi hoang trầm mặc
Nét buồn nín giọt mây loang.

Ta vay nợ cháu con
Không hẹn ngày hoàn trả
Nỗi kiệt mòn hoang hóa
Vẽ vời trên văn tự dờ dang.

HẢI LÝ

Bên kia sông

Mấy lần định sang bên kia sông tìm lại giấc mơ
Mà sợ người yêu buồn...

Bên kia sông có những tháng ngày biêng biếc xanh
Tóc xanh mềm hương bồ kết
Thật thà mưa nắng
Thật thà mê say

Bên kia sông có những buồn vui long lanh sương mai
Những giận hờn vụng dại
Trách con chuồn ớt chở bình yên đi mãi
Để sông bên lở bên bồi

Sông dòng vẫn trôi
Người đã quên người
Đâu rồi giấc mơ đánh rơi?
Ngày mai qua bên kia sông
Sợ gì một cơn giông!

NGUYỄN XUÂN DŨNG

Rừng bản quê tôi

Quê nghèo nghèo cả tên cây
bản xanh
xanh cả tháng ngày tôi qua
sinh từ bão tố mưa sa
một đời che chắn
phong ba sóng cồn...

Như là đời mẹ nỉ non
bến sông lặn lội
nuôi con trưởng thành
Mẹ giờ khuất nẻo mong manh
hồn thiêng
hóa ngọn gió lành thênh thang...

Ngày xưa
tôi trẻ như nàng
Bao lần hai đứa
bơi sang rừng bản
Cây bản có trái bản chua
trót ăn
hai đứa mắc bùa cả đôi...

Bây giờ nàng đã xa rồi
gốc bản xưa
lá rụng rơi động chiều
Rừng bản đâu có nghèo yêu
quê nghèo
tình vẫn dang triêu bến quê.

LÂM QUANG MỸ

Mẹ và quê

Cái chảo quê rang bằng lửa gió Lào,
Tấm phản gỗ nóng quăn vò đố.
Đòn gánh bóng vai tan buổi chợ,
Mồ hôi lưng mẹ áo khô giòn.
Giếng làng chết, một nửa gầu là cát.
Phản đục mẹ uống rồi
phần trong để cho con!

NGUYỄN DUY NĂNG

Buồn

Từ ngày xa biển và em.
Nỗi buồn sàng sảy
vẫn nguyên mặt sàng.
Mai này khảm khá quá giang.
Chi e buồn khảm không sang tới bờ.

TRẦN NGOC KHÁNH

Cảm thức

Ngửa mặt nhìn nhà tạm
Mình cũng tạm như nhà!
Chỉ trắng là viên mãn
Xanh mãi tận trời xa.

TRƯỜNG LAM

Gửi các bạn cùng xóm

(Thương tặng hương hồn
các liệt sĩ ban cùng làng Lai Nhã của tôi)

Mấy chục năm xa
Các bạn giờ nơi đâu?
Những Luận những Huê... nào Vận, nào Cát
Biết Quyền nằm mãi Bình Dương
Ái ở Vinh Linh
Hội - Hương Khê cạnh đường mang tên Bác
Còn Mão, còn Dần, còn Trắc, còn Xin...
Bạn nào nữa không về?
Hương khói vọng mờ muôn nẻo đường quê.
Mình giờ đã là lão già
Các bạn vẫn còn trẻ mãi
Ngày bé chăn bò
Chúng ta đều chân trần tóc cháy
Dầu dãi nắng mưa
Đâu biết sương là gì!
Học cũng vội vàng, khoác vội súng ra đi
Để mãi xa nhau
Không lần gặp gỡ
Hãy tha thứ cho mình
Một lão già khốn khó
Hồi hưu ốm đau, mãi mãi sống nghèo
Nớ các bạn phương trời
Vùi xác âm thầm lòng đất mẹ thân yêu
Hồn thiêng thành sao trời xứ sở
Cầm bút tay run
Nước mắt nhòe ướt vở...
Biết gửi về đâu
Cõi thực?
Cõi mơ?
Tắm lòng già
Mong gửi trọn cho thơ.

THƠ

LÊ THANH NGÀ

Viết từ xa xứ

Nhiều khi không biết mình còn sống hay đã chết
Khi màn đêm không chịu bỏ đi khỏi khuôn ngực rỗng
Anh cầm mặt vào nỗi buồn mình
Vào sự vô vị của những gương mặt nhợt nhạt bốn bên.

Còn đâu hơi em
Mặt hồ phẳng không tắm cá
Bóng ngọn đèn gươm cầm đáy sâu
Những bí mật đôi mình cầm xuống đáy sâu.

Li cà phê không tan
Những chiếc lá không rơi
Trong vòng tay anh em bộn bề ý nghĩ
Eva Eva Eva.

Tiếng chuông chùa ngân nga Quán Sứ
Eva Eva Eva.

Sau làn kính trong mắt em muốn nói điều gì
Hình như những con chim di trú vừa qua
Tiếng đập cánh sao mà tê tái.

Nhói lên đầu đó trong lồng ngực của ai
Một tiếng thở dài tình khôi ban mai.

Eva Eva Eva...

NGÔ ĐỨC TIẾN

Cha

Nhờ trời cỏ đã lên xanh
Cha nằm xuống đất con thành mồ côi
Nén hương cháy đỏ lưng đồi
Chín bảy năm... trọn một đời thường dân.

TRẦN NGỌC CẢNH

Tiếng rao

Khô giòn cả những tiếng rao
 Bánh bao đây - bánh bao nào
 Ai mua...?
 Gió Lào quạt rạc nắng trưa
 Bếp lò khói cuộn, người lừa thưa dần.
 Mồ hôi mặn áo trắng lưng
 Tiếng rao chìm giữa mộng lung trưa hè
 Chỉ còn xào xạc khóm tre
 Và liu riu rắc tiếng ve bên đường
 Chắt chiu gom nhặt đồng tiền
 Cũng đành lam lũ bon chen với đời
 Vẫn là tiếng của em tôi
 Bánh bao đây...
 Vẳng dưới trời nắng nung.

TRẦN HÀ

Bạn già

Thì đều là dân cá gỗ
 Tôi ông đồ, ông cũng ông đồ.
 Mấy chục năm gõ đầu trẻ,
 Bây giờ về hưu, làm thơ.

 Sáng một mình đếm giọt cà phê,
 Gọi thêm mấy ông cùng đến.
 Chuyện thời sự, chuyện trên trời, dưới biển,
 Đốt thời gian cho khói lên trời.

 Ngoài “thất thập cổ lai hy” rồi,
 Cứ vui cười để quên đi tuổi tác.
 Soi vào gương thấy da mồi, tóc bạc
 Tự cười “So với ông Bành vẫn thiếu niên”.

 Tuổi già nhớ nhớ, quên quên,
 Thì cứ quên đi tất cả,
 Tôi và ông thế là vẫn khá,
 May mắn hơn mấy bạn... không còn.

Khúc tháng Bảy

Thơ: **HỒ MẬU THANH** - Nhạc: **TRỊNH QUANG THUẬN**

Tháng bảy trời mưa ngâu sóng loang tình chúc nữ đất trời mùa mưa lũ

8
ai vời vợi cách xa ơ ơ ơ. Tháng bảy những đàn chim sắp tìm miền trú rét

15
tự do trong chật hẹp thương nỗi đôi cách xa Hạnh phúc và khổ đau ngàn năm ai hỏi

23
mãi sâu thẳm giữa thời gian rất mềm mà đau mà đau mãi ơ ơ ơ Hạnh

31
phúc và khổ đau ngàn năm ai hỏi mãi hỏi mãi Sâu thẳm giữa thời gian

38
Rồi mềm mà đau mãi đau mãi Tháng bảy vẫn còn đây mà ai xa vời vợi
(Hạnh)

46
lòng ai thành bão nổi bay như dòng sông trôi bay như dòng sông trôi

Copyright © Don't Ask !!!

Vinh thành phố của tôi

Thơ: LƯƠNG KHẮC THANH - Nhạc: VŨ QUỐC NAM

Tình ca - Nông nàn

Vẫn rực cháy trong tôi một thời hoa phượng vĩ. Tình yêu Vinh chưa tắt lửa bao giờ. Ai nắm tay ai nồng nàn ngõ phố, cả Vinh xưa đang chậm chậm hiện về. Ta yêu em càng yêu thêm thành phố quê hương. Tiếng chuông Cầu Rằm ngân của một thời thơ trẻ, vọng tiếng ghi ta bập bùng bên cửa sổ, sau buổi tan tầm em về giữa chiều buông. Ai lam lũ đời thường trên mỗi góc phố khuya. Ai trấn trở ngày đêm cho Vinh nhiều thay đổi. Quảng Trường thênh thang, Quang Trung nhà cao mới, tâm sự theo về đây áp quán ca phê. Bến Thủy bây giờ thêm phố mới lung linh. Giữa sơn thủy hữu tình cho Vinh càng thơ mộng. Tôi đã dành cho em một tình yêu sâu nặng, như đã dành cho Vinh Thành phố của tôi.

Danh thủ Trần Xuân Một đường chuyền kết nối hai nền bóng đá

PHẠM XUÂN CẦN

■ Bây giờ thì Nghệ An đã là một trung tâm bóng đá và đào tạo bóng đá, nhưng ít ai biết rằng truyền thống bóng đá của Nghệ An đã có từ 100 năm trước. Và, có một cầu thủ đã có một đường chuyền kết nối hai nền bóng đá, để cho truyền thống bóng đá Nghệ không bị đứt gãy, thất truyền.

Từ cầu thủ đội Hồng Bàng, Nam Định

Trần Xuân sinh năm 1910 tại thành phố Nam Định. Gia đình ông những năm đó mở hàng cơm ở phố Hàng Thiếc, mấy năm sau chuyển lên phố Paul Bert, gần chợ Rồng, để kinh doanh lớn hơn. Bố mẹ ông mở rộng hàng cơm, làm thêm 15 phòng trọ, đồng thời mở cả quầy rượu, phòng khiêu vũ, cả tổ tôm điếm. Thế nhưng, gặp buổi khủng hoảng kinh tế, giấc mơ làm ăn lớn của gia đình bị đổ bể. Lúc này Trần Xuân đang học lớp nhất tiểu học (Supérieur) đành phải bỏ dở, để ở nhà trông coi hàng cơm cho bố mẹ. Cầm cự được mấy năm thì cuối cùng gia đình ông cũng phải tuyên bố phá sản, bán rẻ đồ đạc của cửa hàng để trả nợ. Cả nhà dọn về thuê nhà ở Ngõ Huyện, nhờ vào sự giúp đỡ của người con rể là tây lai, làm đốc công máy chần trong Nhà máy Dệt để sống qua ngày.

Thế nhưng, như một cái duyên tiền định, ngay từ bé, Xuân đã đam mê và sớm bộc lộ tài năng thiên bẩm về bóng đá. Gia cảnh khó khăn chỉ là thử thách, chứ không hề làm nản chí chàng thanh niên mới lớn, có chiều cao gần một mét tám,



Trần Xuân (đứng thứ 4 từ trái sang) trong đội hình Hồng Bàng, Nam Định gặp đội GRH, Hà Nội năm 1932
(ảnh gia đình cung cấp)

có đôi chân biết khiêu vũ cùng trái bóng và cú đánh đầu mạnh như những cú sút. Một hôm, đầu vào quăng năm 1927-1928 gì đó, sau trận quần nhau với đám bạn quanh quả bóng ở bãi hoang cạnh nhà, thì Trần Xuân được một anh thanh niên vỗ vai: “Cậu đá khá lắm. Vào đội anh chơi nhá”. Khi biết đó là Vũ Đình Hiến - “ông bầu” của đội bóng Hồng Bàng của thị xã Nam Định, Xuân gật đầu.

Ông Hiến có một đội bóng chừng 20 cầu thủ, tất cả đều sống, làm ăn trong cái thị xã nhỏ bé ấy. Cơm nhà, quần áo nhà, giày nhà nhưng các cầu thủ Hồng Bàng tập và đá bốc lắm. Ở đất Nam Định này, Hồng Bàng đã đá là ít khi thua. Mà đá có kỹ thuật, đá đẹp hẳn hoi, nhất là trung úng (bây giờ gọi là tiền vệ tấn công) Trần Xuân. Ra sân mà thấy anh là đội bạn nhắc nhau “coi chừng cái đầu của trung úng Trần Xuân”. Họ ngán cũng phải. Cao tới gần mét tám, sức bật lại tốt, anh ta mà tung người thì coi chừng.

Không chỉ quần quanh trong thành phố, Trần Xuân cùng đội Hồng Bàng cũng đã nhiều phen tiếp các đội từ các nơi khác đến, hoặc mang chuông đi đánh xứ người.

Đến đội Olympique Hải Phòng

Thế nhưng, đá bóng chỉ thỏa được đam mê chứ không ra tiền ra bạc để cứu gia đình qua cơn bĩ cực.

Gia cảnh túng thiếu, bản thân lại thất nghiệp, nên tháng 2 năm 1935 anh Xuân phải đăng lính, gia nhập đội quân lính thủy và đóng quân ở Hải Phòng.

Cùng năm đó, bố mẹ anh cũng gồng gánh cả gia đình vào Vinh, mở một cửa

hàng cơm ở phố Ga, với hy vọng lập nghiệp ở đô thị trẻ có tiếng là năng động đương thời. Chính họ và Trần Xuân cũng không biết rằng họ đang “lót ổ” trước cho con đại bàng Trần Xuân ở một trung tâm bóng đá lớn của Trung Kỳ.

Trong cái rủi có cái may, vừa chân ướt chân ráo xuống Hải Phòng, đôi chân và cái đầu của Trần Xuân đã làm mê hoặc viên chỉ huy tàu mê bóng đá. Viên sỹ quan này đã giới thiệu anh cho đội bóng giàu thành tích nhất đất cảng lúc đó là đội Olympique. Với 4 năm đá cho Olympique ở vị trí trung ứng, tên tuổi Trần Xuân đã được biết đến không chỉ ở Hải Phòng. Hồi này ông được cùng đội bóng của mình tham gia giải bóng đá Bắc Kỳ tổ chức ở Hà Nội. Nói là giải Bắc Kỳ cho oai nhưng thực ra chỉ có mấy đội của Hà Nội như đội Stade, đội Lạc Long và một đội của Nhà máy Dệt Nam Định. Giải đó đội ông vô địch. Tiền thưởng nếu chia đều ra cũng mua đầu được vài bộ quần áo cầu thủ. Hết giải, ai nấy trở về nghề của mình. Trần Xuân lại lên tàu làm lính thủy.

Thế nhưng, không chỉ có thế. Chính những năm tháng ở Hải Phòng trong màu áo của Olympique, Trần Xuân đã ghi được bàn thắng quan trọng nhất cuộc đời mình. Bàn thắng mang tên Phạm Thị Nga, 18 tuổi, một hoa khôi đất Cảng. Họ cưới nhau năm 1938.

Tháng 2/1939, Trần Xuân mãn lính, anh cùng người vợ trẻ dắt tay nhau về Vinh, nơi gia đình anh đã “lót ổ” sẵn từ 4 năm trước. Thế nhưng chưa kịp ấm chỗ thì chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Tháng 6 năm 1939, một lần nữa, Trần Xuân lại bị gọi vào lính. Anh được điều vào Đèo Ngang, lên núi gác tàu biển, sau lại được điều vô Sài Gòn xuống tàu làm lính thủy. Tháng 9 năm 1941, anh mãn lính trở lại Vinh, cùng vợ và 2 người em là Kim và Ngọc trông coi hàng cơm của gia đình.

Đến tuyển thủ Trung Kỳ

Đương thời Vinh - Bến Thủy là một trung tâm bóng đá lớn của Trung Kỳ. Ở đây, từ những năm 1920 đã có các đội bóng của lính Tây. Năm 1921 “Lam Thành túc cầu đội” của trường Quốc học Vinh được thành lập. Đó là đội bóng đầu tiên của người Việt ở xứ Nghệ. Khi con đại bàng Trần Xuân hạ cánh xuống đây, Vinh có tới 5,6 đội bóng (hội đó gọi là “hội bóng tròn”) như: Candasport của lính Tây; Garder Indigene của lính khổ xanh; ASAT của Nhà máy xe lửa Trường Thi; Corix Rouge của Hội Chữ Thập đỏ... Trong đó nổi tiếng nhất là đội ASNA (Association Sportive Nghe An), là đội bóng của Hội thể dục Nghệ An. Đây là đội bóng gần như đại diện chính thức của Nghệ An khi tham gia các giải đấu khu vực và Trung Kỳ. Đội có trang phục áo vàng, quần trắng, nên thường gọi là đội Áo Vàng. Sân của đội ASNA (khu vực đường Phạm Ngũ Lão, phường Cửa Nam hiện nay) cũng được gọi là “Bãi Áo Vàng”.

Vốn là một cầu thủ có danh tiếng trước đó, về Vinh lần này, Trần Xuân như được tái sinh và thăng hoa, anh được đội Corix Rouge mời về. Một thời gian ngắn sau, đội Corix Rouge và một vài đội khác được nhập vào ASNA và danh thủ Trần

Xuân trở thành đội trưởng đội Áo Vàng trứ danh. Quán cơm của anh em Trần Xuân cũng trở thành nơi gặp nhau của anh em, bạn bè trong giới thể thao. Do đó quán cũng đổi tên thành Restaurant Sport Jeunesse.

Thấy anh giò căng hay, nói năng lưu loát lại trọ trọ được cả tiếng Pháp, một quan chức trong Tòa Công sứ Nghệ An vốn là một võ sĩ bên Pháp mê tít. Ông ta giới thiệu anh vào đội tuyển bóng đá Trung Kỳ dự giải bóng đá Đông Dương, mang tên Thống chế Pê tanh (Philippe Petain), tổ chức năm 1942. Là lần đầu lên tuyển, nhưng Trần Xuân đã khẳng định được vị trí của mình trong đội. Mặc dù những năm này đang là thời của bóng đá Nam Kỳ, với nhiều hảo thủ lừng danh, nhưng nhìn lại mùa giải 1942, tờ Tràn An báo (số 245 ra ngày 21/12/1943) đã dành cho tuyển Trung Kỳ những lời có cánh: “Suốt mùa ban cũ ra quân 7 trận, phá lưới 17 bàn, thua lại 15 bàn, trong ấy đoàn quân Hương Bình đã hai phen chung sống với vinh quang: Hàng phục được Bắc Kỳ 6-2 và bắt Cao Miên cuốn giáp quy cờ với tỷ số sâu cay 7 bàn gỡ 1. Trong những cơn chiến thắng ấy những danh tướng: Phong, Sin, Tương, Minh A, Tấn, Xuân, Đông, Lan, Tỹ, May, Minh B, Hối, Đạn, Bảo... là những cầu tướng đã gom góp một phần công lớn để đưa dẫn hội nhà lên con đường tốt đẹp. Và năm nay cũng chính họ sẽ bay nhảy trên sân vận động Miên thành hồng bảo vệ thanh giá của làng cầu xứ sở... Ở hàng tiếp ứng với Tấn, Xuân, Đông người ta thấy cả một sức mạnh của toán cầu đại biểu Hoành Sơn. Chính Tấn, Xuân, Đông đã đủ sức chống đỡ bao cơn bão táp của địch quân để dẫn dắt hội nhà lên chốn vinh quang. Bộ ba ấy tiến thoái có quy củ, có thể sánh với Bửu, Paccini, Blois của Nam Kỳ”.

Mùa giải Pê tanh năm 1943, Trần Xuân tiếp tục được lên tuyển Trung Kỳ.

Tuổi cũng đã lớn, nên ban đầu Trần Xuân chỉ được xếp đá dự bị. Thế nhưng, khi vào giải anh được đá chính thức. Trong đội hình tuyển Trung Kỳ năm đó, hàng trung ứng vẫn là 3 hảo thủ: Đông, Xuân và Lan. Theo báo chí đương thời, bộ ba này được phân vai như sau: “Đông và Xuân giữ phận sự bao sân, còn Lan thủ vai hậu vệ thứ 3”. Trong trận gặp đội Bắc Kỳ, một đội có tới 8 cầu thủ người Tây tham chiến, báo Tràn An (số ra ngày 9/12/1943) mô tả: “Xuân theo Luer như bóng với hình”, khiến cho tiền đạo cao to của đội bạn hầu như không có cơ hội. Trận đó Trung Kỳ đã bại Bắc Kỳ.

Vào vòng sau các trận đấu diễn ra trên sân của Cao Miên. Trong trận gặp đội Cao Miên, đến gần phút chót, trung ứng Trần Xuân lách được vào khu vực 16m50 hạ gục thủ môn đội này là một anh Tây bằng một quả lắc đầu cực mạnh. Sướng quá, anh được đồng đội và người hâm mộ, cả Tây lẫn ta công kênh chạy quanh sân.

Bóng đá đưa danh thủ đến với cách mạng

Mọi việc đang khá thuận lợi thì quân Nhật vào Vinh, hắt cẳng Pháp và tuyên truyền cho thuyết Đại Đông Á. Ở Vinh xuất hiện nhiều xu hướng hoạt động chính trị xã hội khác nhau. Trần Xuân cùng với những người bạn tâm giao của mình là Trần Đăng Lân (công chức ngân hàng); Bảo Nguyên (chủ hiệu vàng); Vũ



Ông Trần Xuân (đứng giữa) và tiền đạo Tô Vinh (đứng sau, bên trái)
của đội bóng Phan Đình Phùng - Ảnh Tư liệu Báo Nghệ An

Công Giáp (dược sĩ, chủ hiệu thuốc) lập ra một đội thanh niên thể thao, do Trần Xuân làm đội trưởng. Đội đã tập hợp được cả trăm thanh niên, nhất là trí thức, học sinh, như anh em Trọng Bằng, Trọng Loan (sau này là hai nhạc sỹ nổi tiếng); Trần Đình Đắc (tức nhà thơ Chính Hữu); Nguyễn Văn Khánh (sau này là thiếu tướng QĐNDVN); Tô Vinh (sau này là Bí thư Thành ủy Vinh); Nguyễn Đức Thái (tức nhà thơ Minh Huệ)...

Trong đội, Trần Xuân lớn tuổi hơn, anh cao lớn như Tây và nét mặt cũng giống Tây, nhưng hiền lành, cởi mở, giọng Bắc cứ nhẹ như gió, nên ai cũng coi anh như anh trai mình. Không chỉ là đội trưởng kiêm huấn luyện viên mà anh còn là “nhà tài trợ”, nhờ quán cơm của gia đình.

Lúc này, chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập, luật sư Phan Anh được cử làm Bộ trưởng Thanh niên. Phong trào Thanh niên Phan Anh phát triển. Đội thanh niên thể thao của Trần Xuân cũng đi theo hướng đó. Họ đã diễu hành bằng xe đạp ra tận Quán Hành để đón Bộ trưởng Phan Anh.

Trước ngày cướp chính quyền ít tháng, một thanh niên nói giọng Nghi Lộc bắt quen và vận động đội thanh niên thể thao của Trần Xuân tham gia tổ chức cách mạng. Cách mạng tháng Tám thành công, Trần Xuân mới biết người đó là Trần Văn Quang (sau này là Thượng tướng và là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam). Sau đó, ông Trần Văn Quang phân công ông Mười Uyển trực tiếp sinh hoạt và hướng dẫn đội. Mười Uyển là một nhà cách mạng nổi tiếng ở Vinh - Bến Thủy. Ông đã 3 lần bị bắt, lúc này vừa mãn hạn tù 12 năm từ Buôn Ma Thuột về. Khác với các nhà cách mạng theo chủ nghĩa khổ hạnh, ở tuổi ngoài 30, lại qua 12 năm tù đầy, nhưng Mười Uyển vẫn là một thanh niên hào hoa, được học hành

tử tế lại chơi giỏi bóng đá và quyền Anh, đam mê đua xe đạp. Ông cùng chơi với đội thanh niên thể thao, đồng thời tuyên truyền, giải thích cho họ về Việt Minh, về thuyết Đại Đông Á của phát xít Nhật, huấn luyện cho đội về võ thuật, về leo tường, về cách rải truyền đơn và vận động quần chúng. Nghe nói được tham gia Việt Minh, chuẩn bị cướp chính quyền, toàn đội hăng lắm, họ đặt luôn tên “Đội thanh niên Phan Đình Phùng” cho khí thế. Đội chia nhau bí mật đi treo cờ, rải truyền đơn, tuyên truyền ủng hộ Việt Minh. Một hôm, anh Mười Uyển đến gặp Trần Xuân, thông báo mời đội sang truông Hồng Lĩnh để họp. Toàn đội đến điểm hẹn thì thấy không khí rất trang nghiêm, trên có bàn thờ Tổ quốc, với cờ đỏ sao vàng. Anh Lợi Lù (Nguyễn Văn Lợi, sau là Chủ tịch Thị xã Vinh) đến dự tuyên bố công nhận đội là đội tự vệ chiến đấu. Anh cũng giao nhiệm vụ cho đội chuẩn bị khí giới đợi lệnh tổng khởi nghĩa. Đội được cấp một số súng lục và lựu đạn.

Trong cuộc biểu tình chiều ngày 20/8/1945 (mục đích để thăm dò thái độ của Nhật) đội được mật lệnh bảo vệ cuộc biểu tình, riêng Trần Xuân được giao nhiệm vụ cầm súng bảo vệ ông Nguyễn Tạo, vị lãnh đạo dẫn đầu đoàn biểu tình. Ngày hôm sau, 21/8/1945 cuộc biểu tình cướp chính quyền chính thức nổ ra ở Vinh. Đội của Trần Xuân được giao nhiệm vụ tham gia chiếm Dinh Tổng đốc và Sở Mật thám, bảo vệ Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời tỉnh Nghệ An Lê Viết Lượng nhận ấn tín từ Tổng đốc Đặng Hượng. Trong những ngày sục sôi khí thế cách mạng ấy, Đội thanh niên Phan Đình Phùng được giao tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ các cuộc mít tinh, biểu tình... Bức ảnh đội Thanh niên Phan Đình Phùng diễu hành, dẫn đầu là đội trưởng Trần Xuân đã trở thành một trong những hình ảnh biểu tượng của Cách mạng tháng Tám ở Vinh.

Cuối năm 1946, đầu năm 1947 thực hiện chủ trương “tiêu thổ kháng chiến” của Chính phủ Cụ Hồ, cả thành phố Vinh lục tục tản cư về các vùng thôn quê. Trần Xuân dắt vợ và 4 đứa con nhỏ ra Nông Cổng - Thanh Hóa sống tạm. Tại đây làm ruộng thì bị lụt lội, mất mùa, tháng 5/1948 anh lại đưa gia đình xuống Cầu Bó mở hàng cơm. Vài tháng sau, anh gặp ông Pua (tức Nguyễn Duy Hải) Trưởng ty Công an Nghệ An. Ông Pua khuyên anh nên chuyển về Vinh. Về Vinh, anh Xuân được ông Pua cấp tiền, giao mở lại hàng cơm để chuẩn bị làm nhiệm vụ. Ít ngày sau, anh được một cán bộ công an mời về trụ sở dạy một số nghiệp vụ nắm tình hình, cách thức liên lạc, mật khẩu nếu quân Pháp đổ bộ chiếm Vinh, chiếm Nghệ An.

Tuy nhiên, không lâu sau, quân Pháp không đổ bộ lên Vinh mà lại tập kích vào bờ biển Quỳnh Lưu cách đó không đầy trăm cây số. Hai bên đánh nhau vài ngày thì bọn Pháp rút ra tàu biển đổ sấn ngoài đảo Hòn Ngư. Sau trận ấy, Trần Xuân lại nhận được yêu cầu đưa cả nhà lên thị trấn Đô Lương. Tại đây, vợ chồng anh cũng được giao mở hàng cơm để “chờ” quân Pháp.

Năm 1950, cựu danh thủ Trần Xuân được tuyển chính thức vào ngành Công an và được kết nạp Đảng. Sau một khóa học nghiệp vụ ngắn ngày, anh được cử làm Đoàn trưởng Đoàn Công an Đô Lương. Thời đó mà được cái chức như thế để “hét



Trần Xuân cùng đội TNCQ diễu hành trong ngày 21/8/1945 tại Vinh

ra lửa” lắm. Trần Xuân thì không. Máu cầu thủ nổi lên, anh lại tụ tập thanh niên Đô Lương tổ chức đá bóng. Có mấy tay anh chị vì phục Trần Xuân có những quả đá phạt “sâu đời”, có những quả lắc đầu điệu nghệ mà bất ngờ ngược. Có tay còn xung phong tham gia tuần tra, nắm tình hình giúp công an. Đặc biệt, một vụ giết người cướp của với nhiều tình tiết phức tạp xảy ra trên địa bàn, do nắm chắc tình hình và được một “fan” bóng đá cung cấp thông tin, Trần Xuân đã cùng anh em trong đồn tìm ra hung thủ chỉ sau một tuần lễ. Dân trong vùng cứ nức nở khen công an mãi...

Một đường chuyển nối 2 nền bóng đá của Nghệ An

Vì biết tiếng Pháp, sau ngày hòa bình lập lại, có một thời gian ngắn, Trần Xuân được điều về làm công tác đối ngoại, phục vụ Ban Giám sát Quốc tế thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ về Việt Nam. Từ ngày 22/12/1956, ông chính thức nhận nhiệm vụ tại cơ quan thể dục thể thao tỉnh Nghệ An cho đến khi nghỉ hưu.

Lúc này mặc dù đã ở tuổi gần năm mươi, nhưng niềm đam mê thể thao, đặc biệt là bóng đá của ông thì hầu như còn nguyên vẹn. Ông say sưa gây dựng lại phong trào, đặc biệt quan tâm đến đào tạo các thể hệ vận động viên trẻ. Sau này, với cương vị Bí thư Đảng ủy, Phó Trưởng ty Thể dục Thể thao ông có nhiều cơ hội hơn để chỉ đạo phát triển thể thao, mà nhất là bóng đá. Với trách nhiệm và lòng đam mê, ông chỉ đạo bộ môn này với thái độ hào hứng, tận tụy dồn sức trong việc đào tạo các lứa cầu thủ trẻ. Nhiều người nổi tiếng trong làng bóng đá nước nhà hiện nay như HLV Nguyễn Thành Vinh, Nguyễn Hồng Thanh... đều là học trò cưng của Trần Xuân một thuở.



Trần Xuân và đội tuyển trẻ Nghệ An

Nhiều người coi ông là vị “khai quốc công thần” của bóng đá xứ Nghệ thời hiện đại, nhưng chính xác hơn có lẽ phải coi ông như một đường chuyển kết nối nền bóng đá Nghệ An thời thuộc Pháp với nền bóng đá Nghệ An hiện đại. Những người như ông đã làm cho bóng đá xứ Nghệ không bị đứt quãng, thất truyền. Màu vàng của ASNA thần thánh ngày xưa vẫn còn lưu lại trên trang phục của Sông Lam máu lửa hiện nay.

Với tầm vóc một mét tám mươi và thể hình lý tưởng, sinh thời ít ai biết rằng bản thân Trần Xuân có 2 căn bệnh rất kỵ với... bóng đá. Trước hết ông bị bệnh sâu quảng ở chân, kéo dài nhiều năm. Ông kiên trì tự chữa bệnh bằng một phương thuốc bí truyền rất đơn giản, rồi cũng khỏi. Nhưng bệnh thứ hai thì phức tạp hơn, đó là bệnh tim to. Các đốc tờ Tây thời đó sau khi khám cho ông đều lắc đầu, khuyên ông không nên đá bóng, nhất là đá bóng đỉnh cao. Thế nhưng, đam mê bóng đá đã khiến ông chiến thắng bệnh tật.

Trái tim của danh thủ Trần Xuân chỉ ngừng đập vào năm 2007, khi trọng tài Thiên Đình nổi còi mãn cuộc trận bóng cuộc đời của ông vào “phút” thứ 97!

Đúng, Trần Xuân có một trái tim to, rất to. Đó là trái tim ông giành cho bóng đá và quê hương thứ hai của mình là xứ Nghệ!

Hú vía

THẢO THƠM

Mùa mưa lũ đối với Xíu là một mùa đẹp trong kí ức, với nhiều kỷ niệm... Xíu được tới trường, gặp thầy gặp bạn sau ba tháng nghỉ hè. Trang vở đầu tiên trắng tinh thơm mùi giấy mới bao giờ cũng được Xíu viết cẩn thận và đẹp. Những điểm chín, điểm mười làm Xíu rất vui.

Nhà nông lắm công nhiều việc, mới lớp ba thôi, Xíu đã giúp được cha mẹ rồi, sáng đi học, chiều chăn trâu cùng các bạn.

Chăn trâu thích ơ là thích bởi được chơi đủ trò: Lúc đuổi nhau giữa bãi rộng, lúc hái sim, bẻ ngấy ở đầu rừng cuối khe, cao hứng theo bọn con trai lùng ở lùm cây hay leo tít lên núi đá bắt chim bắt sáo về nuôi.

Thả trâu, bọn Xíu hò hét chạy nhảy nhót, mồ hôi nhễ nhại rồi vẩy vùng tằm. Tắm khe suối rất mê, nước leo lẻo mơn man từng hòn cuội. Nhưng đầm mình dưới làn nước trong xanh của dòng Lam là thích nhất.

Suối róc rách, hiền hoà là thế, nhưng mùa lũ, nước dâng cao, đục ngầu, dữ dội. Kể chi trong đục, cái thú của bọn Xíu là khám phá pha chút ngông cuồng. Dòng suối hung dữ nhìn ớn, nhưng bọn Xíu bày trò, nghĩ cách: bứt dây mang trống, dây nỏ dài đầu buộc cây cọng khăng làm tay cầm, bạn bơi sành sỏi nhất bơi sang bờ bên kia, đứng kéo, thế là mấy đứa bơi chưa thạo cũng vô tư bơi bên này qua bên kia.

Bơi mãi, lượt Xíu bơi bên kia sang là lượt cuối cùng. Đến giữa dòng bỗng dây đứt, Xíu bị nước cuốn trôi. Chới với giữa dòng, cả bọn hoảng loạn. Sợ uống nước, sợ nước vào mũi, Xíu lấy tay bưng mũi mặc dòng nước đẩy.

Giữa dòng sâu lắm, hai bên bờ lại có cây bụi, may sao Xíu cứ trôi nổi như cái phao. Cả bọn hét toáng đuổi theo, đến khúc nước xoáy Xíu dạt vào gần bờ, sẵn cây sào sút được từ bờ rào, mấy bạn đưa sào ra cho Xíu với, bám. Với mãi, gắng



Minh họa: DIỆP THANH

mãi, Xíu nín được sào. Từng lựa vòng nước xoáy, lựa bụi ngáy và bụi vàng lơ từ từ kéo, lôi được Xíu vào, mặc kệ chiếc quần đứt dây chun, trôi theo dòng nước.

Chẳng thẹn thùng gì sất, chỉ tiếc cho các quần láng mới được mẹ sửa từ cái quần loại của chị hôm qua.

Đàn trâu bò no nê, bụng tròn như trái sim chín lủ lướt đường về. Mổ trâu lắc cắc, Xíu lấy áo buộc ngang rốn ung dung cười, ngực ngắc trâu đi theo nhịp mổ.

Mặc đồ ướt cười trâu nên buổi mai ai nấy kéo đuôi lên khoe chuôm (giống như rôm sảy). Chuôm lên vừa ngứa, vừa đau, nhưng kinh nghiệm rằng: kêu toang toác là chuôm không lặn. Không cần bôi thuốc gì, chỉ cần hát bài đồng dao:

*Chuôm chuôm theo mặt trời mà lặn
Ba bốn đời không chộ con chuôm chuôm.*

Trâu cứ ăn, bọn Xíu tụ tập mà hát như đọc thần chú.

Hôm sau, quên hẹn, Xíu một mình cho trâu ăn bên đồng Cạn, lũ bạn vui ở đồng Sâu. Nhớ bấy, trâu không chịu ăn cứ muốn sang bên ấy.

Các bạn í ới gọi:

- Xíu ơi, qua bên này cho vui
- Xíu ơi, qua chơi trò cướp cờ, đánh trận đê!

Thấy vui, Xíu muốn cho trâu sang mà đường qua thì xa, suối thì nước tràn nước bạc. Lũ bạn bên kia đông vui thật. Thèm ới là thèm. Xíu đánh bạo:

- Ủ, để Xíu cỡi để dong trâu qua.

CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM

Phơi nắng trên đồng được đầm mình mát rượi, trâu ta cứ lặn qua lặn lại, hụp lên hụp xuống, chẳng chịu lên. Các bạn trên bờ la hét, lo lắng. Mỗi lần trâu ngụp xuống là cái đầu của Xíu chỉ còn bông bênh nhúm tóc nổi lên.

Phút hoảng loạn, Xíu nghĩ: tuột khỏi lưng trâu thì một là trôi tuột cầu ra sông Lam, hai là mắc lại chỗ bụi tre gai thì thôi rồi, bị gai đâm lại mắc trong thì khổn khổ.

Xíu cố níu cái nong con trâu, tay vừa cố giữ dây thừng điều khiển, la hét:

- Lên! Lên! Lên không! Rì, nạy! Lên!

Trâu lại thích chí ngụp lặn như trêu người.

Ồi ời, Xíu tuột cả dây thừng, tuột luôn cả cái quần phíp xuống tận bẹn. Kệ!

Trâu phấn khích, ngụp lặn dày hơn, Xíu trở tay chẳng kịp, rơi ra khỏi lưng trâu nhưng nhanh tay, Xíu nắm ngay được cái đuôi.

Trâu kéo, Xíu cứ cầm chặt cái đuôi mà ngụp lặn theo.

Sốt ruột, vài bạn nữ khóc nhao:

- Cầm chặt, thả là trôi đó Xíu ơi.

Các bạn nam dọa trâu:

- Huỳ! Lên! Lên đi!

Bụng căng đầy nước, mệt lả nhưng buông tay là nguy hiểm, nghe tiếng các bạn ủng hộ, Xíu cố hết sức.

Bỗng ý nghĩ loé lên, Xíu há mồm cắn nhưng da dày quá cắn không nổi. Lần lữa, đây rồi, chỗ mềm mềm, Xíu lấy hết sức, cắn một miếng thật đau. Trâu vừa đau vừa bất ngờ, tưởng rắn giật nẩy mình, nhảy vọt lên bờ suối dốc, kéo Xíu lên rơi bịch bên mé khe làm cái quần rách bươm. Xíu chợt nghĩ: May cưới con trâu mà ngồng mà không cưới con đực bạc.

Thật hú vía, hết xanh mặt, mấy đứa bỗng chốc cười oà, chảy nước mắt, nước mũi. Cả bọn lao nhao:

- Mệt không, uống nước bạc no cả bụng rồi nhưng không sao. Sống rồi! Sống rồi! Lần sau đừng ngu mà rủ rê bạn bè qua suối trong khi chưa biết bơi. Bữa nay về nhà lo no đòn. Híc.

Đang đông, ráng đỏ loé lên, mây đen ùn ùn kéo đến, xám xịt cả góc trời. Xíu ngồi lấy lại sức.

Như không có chuyện gì xảy ra, cả bọn lại nhảy lò cò hát:

*Lạy ông mưa qua
Lạy bà mưa xây
Đừng mưa tới đây
Làm ướt các cháu...*



Minh họa: DIỆP THANH

Sự tích Hươu sao

TRẦN KHOA VĂN

Ngày xưa khi tất cả các loài vật còn sống chung với nhau trong khu rừng lớn. Ngăn cách chúng với thế giới bên ngoài là một dòng sông hùng vĩ rộng mênh mông và đại dương bao la. Hươu là loài thiết thời nhất: bộ lông chỉ một màu vàng nhạt thêch, xấu xí, chân thì mảnh khảnh, yếu ớt, đã thế sừng trông như hai que củi khô cắm lên đầu, mới tội nghiệp làm sao!

Vừa sợ những loài to khỏe hơn ăn thịt, vừa bị các loài nhỏ bé khác xua đuổi và chế giễu, vì thế nó đành lủi thủi một mình trong những lối mòn, những bụi rậm heo hút nhất trong khu rừng. Ban ngày, khi tất cả loài vật đều ra bờ sông để uống nước, chạy nhảy tận hưởng ánh nắng thì nó thu mình trong những hốc sâu để ngủ. Ban đêm nó mới dám ra khỏi hang, dè dặt đi dọc những lối mòn, dứt những chiếc lá non còn vương những giọt mưa rừng nhảm nháp. Khi nào khát quá nó mới dám len lén ra bờ sông uống vội một ngụm nước to rồi sợ hãi chạy bắn quay về.

Một đêm mùa hè, Hươu vừa đi trên một lối mòn quen thuộc của mình vừa nhìn ngắm bầu trời sao lung linh. Hươu thầm ước giá như nó có một người bạn tốt để chia sẻ và giúp đỡ nhau. Nó ngắm nhìn một ngôi sao sáng nhất phía chân trời và thầm ước có một phép nhiệm màu. Bỗng nhiên có một thứ gì đó lóe lên phía cuối chân trời và lao vút xuống khu rừng lớn. Hươu thấy một vật chói lòa lao ngày

CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM

càng nhanh và như sắp đâm vào nó. Theo bản năng nó chạy thực mạng rồi trốn vào hang sâu nơi nó thường trú ẩn.

Một lát sau Hươu mới bước từng bước ra cửa hang và ngó ra ngoài. Khu rừng trở lại yên tĩnh, nó mới bắt đầu đi ra và nhìn quanh dò xét. Cuối cùng sự tò mò vẫn chiến thắng sợ hãi. Hươu bắt đầu dò dẫm từng bước theo hướng ánh sáng rơi xuống. Không lâu sau, Hươu thấy một đốm sáng lấp lánh nằm phía dưới một tảng đá sần sùi nơi nó thường đi qua. Nó nấp vào sau một gốc cây cổ thụ để quan sát. Thì ra đó là một ngôi sao nhỏ đang phát ra những ánh sáng dịu dịu tuyệt đẹp. Cả một góc rừng lung linh rực rỡ trong ánh sáng cuốn hút say mê. Một lát sau, ánh sáng yếu dần, yếu dần. Sợ ngôi sao nhỏ bị tắt, Hươu lại gần âu yếm dụi dụi đầu vào ngôi sao. Hơi ấm của Hươu làm ngôi sao lại sáng dần lên. Thấy thế, để giữ ánh sáng cho ngôi sao, Hươu nhẹ nhàng cuộn mình nằm bên cạnh giữ ánh sáng ngôi sao thân đêm. Sợ bị loài vật khác tấn công, nó tha về những cành cây lớn và gai chần lồi đi vào tảng đá để bảo vệ cho mình và ngôi sao. Có bạn bên cạnh, Hươu cảm thấy không còn cô đơn và quên đi cả đói khát.

Khi bình minh bắt đầu chiếu những ánh nắng lên khu rừng lớn, ngôi sao nhỏ bắt đầu lớn dần và tỏa ra những ánh sáng rực rỡ.

Ngôi sao từ từ bay lên và nói: Cảm ơn bạn rất nhiều!

- Bạn là ai? Hươu ngạc nhiên.

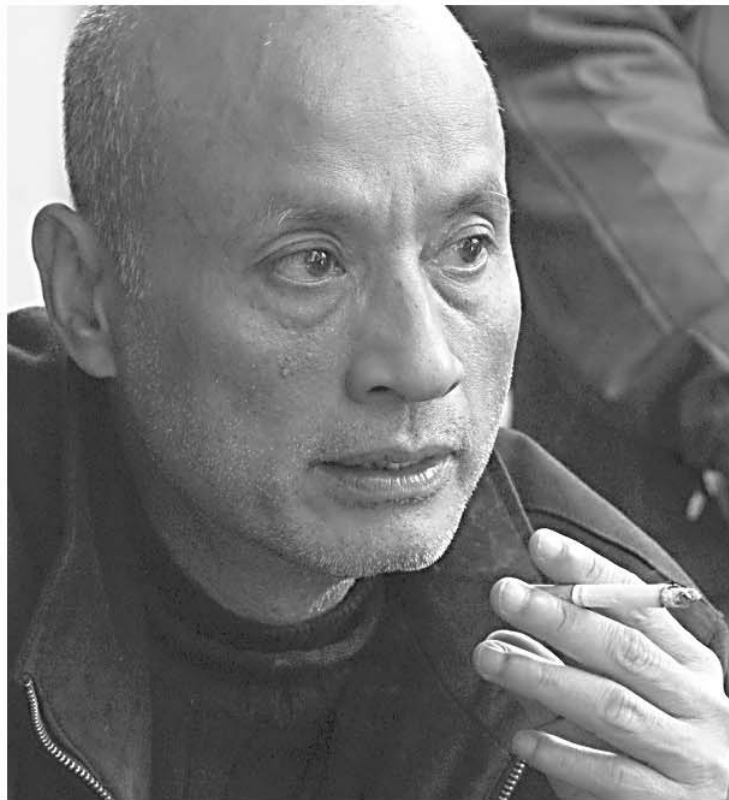
- Tớ là một Ngôi sao Ban ngày - Hoàng tử của bầu trời. Hôm nay tớ đến thăm nhà các chị - Ngôi sao Ban đêm. Tớ mãi chơi quá không kịp về nhà trước hoàng hôn, may mà có bạn nếu không mình đã bị tắt lịm và không bao giờ trở về với Mặt Trời được nữa.

- Mình cũng rất vui. Cảm ơn bạn đã cho mình thấy những ánh sáng thật đẹp và ấm áp.

- Hươu ạ, bạn có tấm lòng nhân hậu và một trái tim dũng cảm. Đã đến lúc mình phải về nhà rồi, khi nào nhớ đến mình thì vào buổi bình minh hãy nhìn về hướng Nam, mình sẽ nhấp nháy chào bạn. Tạm biệt nhé!

- Tạm biệt bạn nhé, Ngôi sao! Hươu thì thầm: - Mình sẽ rất nhớ bạn.

Ngôi sao bay dần lên cao, cao mãi. Hươu nhìn theo ngôi sao cho đến khi khuất hẳn phía bầu trời. Để đền đáp lại tấm lòng nhân hậu, trái tim dũng cảm của Hươu, Vua Mặt Trời đã nhuộm cho áo của Hươu thứ ánh nắng vàng rực rỡ và tặng chiếc sừng từ cây gỗ quý nhất của rừng lớn để Hươu chiến đấu với kẻ thù và bảo vệ bạn bè. Không những thế, để Hươu luôn có bạn bên cạnh, Mặt Trời cài lên áo của Hươu những vì sao nhỏ. Từ đó, bên dòng suối trong, những đồi cây xanh lại thấp thoáng những mảng trời sao của những chú hươu ngơ ngác.



Họa sĩ Hoàng Phượng Vỹ: “Rơi trên chính bóng mình”

ĐĂNG TIÊU

Những lần gặp Hoàng Phượng Vỹ, thường thì tôi nói rất ít. Tôi ngồi đó, lắng nghe anh. Để thêm một lần nữa thấy sự nồng nàn của Vỹ chẳng qua chỉ là một hiện thân khác của sự lạc lõng vô chừng. Vỹ ngồi đó mà như đang ở đâu xa lắm. Vỹ hàn huyên chuyện trên trời dưới bể, nhưng dường như đang im lặng tới tận cùng.

Và tôi, bị cuốn vào sự im lặng ấy, cho tới lúc nhận ra rằng, khi đối diện với chính mình, mỗi con người chúng ta đều trở nên bật tiếng.

Là con trai của nhà thơ tài danh xứ Nghệ Hoàng Trung Thông, Vỹ được thừa hưởng tài ngôn ngữ từ cha. Hiếm có người nào đọc nhiều, nhớ nhiều như anh. Những nhà văn nọ, nhà thơ kia, danh họa, danh nhân, rồi những câu văn, bài thơ, những vấn đề văn nghệ..., có vẻ như Vỹ đọc và nhớ hết. Trò chuyện với Vỹ, sẽ không có những chuyện cơm áo đời thường, bởi dường như tâm trí Vỹ hoàn toàn dành quan tâm cho một "vùng" khác. Ngược lại, Vỹ có thể nói vanh vách về tiểu sử, tác phẩm của một nhà thơ hay nhạc sĩ nổi tiếng nào đó. Bởi như Vỹ nói, hàng ngày anh đều "trò chuyện" với họ. Anh đọc, nghe, thưởng thức và sống cùng trong thế giới nghệ thuật của họ. Họ là những người thầy, người bạn, và những cuộc "giao tiếp" với họ mang đến cho anh niềm thích thú đặc biệt, bởi ngoài nghệ thuật ra, Vỹ thực sự không mấy quan tâm đến những thứ khác.

Tôi tự hỏi, có phải vì vậy chăng, mà Vỹ trở nên ngơ ngác giữa đời thường.

Tranh của Vỹ cũng trong trẻo và ngây thơ như vậy. Màu sắc rực rỡ, thậm chí nhiều khi Vỹ phối màu đục nhau chan chát, nhưng nhịp điệu mà chúng tạo ra lại mạnh mẽ, sắc nét, dặt dừu và giàu chất cảm. Như thể ở đó phát ra một âm thanh, và đó là thứ âm thanh dịu ngọt tinh tế mà vẫn hiện đại khiến người ta phải ngổ ngàng.

Nhân vật trong tranh Hoàng Phượng Vỹ thường là phụ nữ và trẻ em. Đôi khi, không có ranh giới tuổi tác để xác định được họ. Bởi Vỹ vẽ phụ nữ cũng ngây ngô như trẻ thơ. Cách đây 20 năm, khi Vỹ bày triển lãm tại Seoul, nhà phê bình mỹ thuật nổi tiếng Hàn Quốc Sunny Sung đã viết về anh: "Hoàng Phượng Vỹ là họa sĩ hàng đầu của Việt Nam. Trong tác phẩm của mình, anh khắc họa hình ảnh ấm áp của phụ nữ, cá và mèo trong những gam màu nguyên bản nhưng vẫn hòa quyện. Hoàng Phượng Vỹ tài tình trong việc xử lý đề tài khiến những bức tranh của anh tựa như một câu chuyện cổ tích".

Vỹ cũng hay vẽ cha mình, thường là bên ly rượu. Cách vẽ chân dung của Vỹ cũng rất riêng biệt: anh không vẽ những gì mình nhìn thấy, mà vẽ những gì mình cảm thấy. Những bức chân dung vẽ Hoàng Trung Thông không chỉ lột tả được nét thô, khỏe trên gương mặt ông, mà còn làm lộ ra những trầm tư, khắc khoải, sự mạnh mẽ lẫn lãng mạn, nét phóng khoáng trong con người ông.

Tôi thích những bức vẽ chân dung của Vỹ. Nếu trong các tác phẩm khác, dù màu có sặc sỡ, nét vẽ có ngô nghê, trên tất cả vẫn là sự cân nhắc vừa nghiêm khắc vừa tinh tế của ý thức, thì ở mảng vẽ chân dung và minh họa, Vỹ thả lỏng để vô thức chiếm lĩnh. Lúc này, Vỹ hoang sơ hơn bao giờ hết. Và hội họa của Vỹ trở thành một giấc mơ đủ lớn để chứa những quay cuồng, những khát khao ẩn ức, những nuối tiếc hoang hoải và cả những lạc lõng dạt trôi của Vỹ. Hội họa, có vẻ như bao trùm lên cuộc sống, và nó trở nên thênh thang hơn trong khi mỗi lúc cuộc sống lại có vẻ chật hẹp đi.



Tác phẩm Cha tôi - Nhà thơ Hoàng Trung Thông
của họa sĩ Hoàng Phượng Vỹ

Đôi lần tôi được tận mắt chứng kiến Vỹ tự họa. Có khi chỉ là một bức ký họa nguệch ngoạc. Nhưng tôi thích nhìn ngắm Vỹ trong những bức tranh ấy. Giống như Vỹ đang làm thơ về chính mình. Một bài thơ ngắn nhưng gợi, những câu chữ ngổn ngang lộn xộn nhưng lột tả đúng tâm trạng Vỹ. Đôi khi, bức vẽ giống như một bài thơ dở dang. Và tôi chợt nhận ra, Vỹ cũng ngổn ngang, cũng hư hao, cũng dở dang như thế.

Một bài thơ chưa được gieo vần cuối cùng. Một bức tranh chưa đặt nét

cuối. Một bản nhạc không có vạch nhịp kết thúc... Cứ như thể Vỹ đang mơ một giấc mơ quá dài, nhưng chính Vỹ đã chọn con đường riêng đó cho mình, bởi thực tại kia không đủ chỗ. Hay nói cách khác, thực tại quá dư thừa những thứ không thuộc về Vỹ, nhưng lại thiếu hao những điều mà Vỹ mãi miết kiếm tìm.

Và Hoàng Phượng Vỹ đã lấy mộng mị làm thực tại của cuộc đời anh. Những bức tranh chính là những cơn mơ chấp chờn, chúng không tuyên ngôn về điều gì to tát cả, nhưng sự gợi mở, chất thơ và những điều bị bỏ lửng như những dấu lặng đầy quyền uy của chúng, chính là cách hội họa của anh chạm đến trái tim người thưởng lãm. Trên bề mặt tranh của Vỹ, những em bé, người phụ nữ, người đàn ông, những con mèo, con cá, lọ hoa..., tất cả hiện lên như thể chúng chợt đến trong một giấc mơ, nhưng sự rời rạc của nó, sự huyền ảo và phi lý của nó, chính là lát cắt sắc lẹm của hiện thực. Nó, hơn bất cứ một câu chuyện dài và đầy đủ chi tiết nào, bắt giấc lột tả được thực tại một cách sắc sảo và ám ảnh nhất. Với thứ ngôn ngữ kiệm lời, sang trọng, tranh Vỹ lại nói được quá nhiều điều.

Một lần Vỹ đọc cho tôi nghe bài thơ anh sáng tác. Tôi thích câu kết của bài thơ: "Con người rơi trên chính bóng mình". Tôi nghĩ, Hoàng Phượng Vỹ chọn mộng mị không phải để tự lừa phỉnh, mà, giữa xôn xao đời, chỉ những giấc mơ mới đủ tĩnh để anh được an yên, đủ xáo trộn để anh được quấy đạp, đủ phi lý để anh được sáng tạo, đủ tự do để sự lạc lõng của anh được nuôi dưỡng và/hoặc nguôi quên.

Vỹ chọn mộng mị, để "rơi trên chính bóng mình".

Phải chăng *Di huấn* của Nguyễn Xý là tác phẩm mở đầu cho văn chương trung đại ở xứ Nghệ?

NGUYỄN AN

Khi tìm câu trả lời cho câu hỏi văn học viết Việt Nam ở Nghệ An có từ bao giờ, chúng tôi chưa thấy có tài liệu nào, công trình nào tường minh cho thỏa đáng. Tuy vậy, may sao, ở cuốn sách dày, in khổ lớn là *Địa chí Nghi Lộc* (Nxb Nghệ An, 2014) do PGS Ninh Viết Giao chủ biên, ở phần văn chương thành văn do GS Nguyễn Đình Chú biên soạn, chúng tôi cũng đọc được một ý: “Với khả năng tư liệu hiện có thì văn phẩm đầu tiên còn giữ được trên đất Nghi Lộc là của tướng quân Nguyễn Xí. Đó là bản *Di huấn* của Ngài viết năm 1463...” (đúng ra là 1462 - tác giả). Đi theo sự gợi dẫn của GS Nguyễn Đình Chú và PGS Ninh Viết Giao, qua tìm hiểu, chúng tôi cho rằng nhận định của GS Nguyễn Đình Chú là hoàn toàn có cơ sở.

Mỗi thời đại thường có một quan niệm khác nhau về nội dung văn chương và cách thức sáng tác văn chương. Với thời trung đại, như ở Việt Nam (và Trung Quốc), trong một tác phẩm thơ hay truyện, đều chứa đựng các thành tố văn, sử và triết, nói theo cách các nhà nghiên cứu, thì đó là tình trạng văn, sử, triết bất phân. Nhớ lại các tác phẩm như *Nam quốc sơn hà*, *Hịch tướng sĩ*, *Bình Ngô đại cáo*... và cả *Truyện Kiều*, chúng ta đều thấy có tình trạng văn, sử, triết bất phân. Về

phương diện diễn đạt, việc sáng tác thơ văn theo các thể cách thật khác với thời nay. Trong đó, các yếu tố ngẫu tác, biền ngẫu, đăng đối, dùng nhiều tích điển... là cách thức phổ biến. Dấu khác nhau về nội dung và cách thức biểu đạt riêng, nhưng mục đích của hàng trăm truyện kể, hàng vạn bài thơ của hơn ngàn năm phát triển văn chương cổ trung đại Việt Nam đều có chung một mục đích: văn dĩ tải đạo, thi ngôn chí.

Lâu nay, trong ý nghĩ của dân gian, và trong các văn bản nhà nước, trong các sách của những nhà nghiên cứu, người ta vẫn cho rằng Nguyễn Xí là một dũng tướng đảm lược, có “khí độ trăm hùng”, có công to lớn là phò tá các triều Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông và dựng lên triều vua Lê Thánh Tông hiển hách bậc nhất thời phong kiến ở nước ta. Tôi cho rằng viết/ngẫm về vị thủy tổ của dòng họ Nguyễn Đình như vậy là đúng. Sự ngợi ca và khâm phục của chúng ta về người anh hùng khai quốc công thần như vậy chắc sẽ còn được tiếp tục. Tuy nhiên, tôi còn muốn nói thêm: Thái sư Cương Quốc công Nguyễn Xí (sinh năm 1397 - mất năm 1465, vốn người làng Thượng Xá, nay là xã Nghi Hợp) còn là một tác giả văn học. Ngài là tác giả của một tác phẩm là văn bản *Di huấn*, và biết đâu, người ta còn có thể tìm thêm được các trang văn khác nữa của Ngài?

Nếu ta phân tích tác phẩm *Di huấn* theo cái nhìn của văn học trung đại, và có thể là cả cái nhìn của quan niệm, quan điểm hôm nay về văn chương, ta sẽ thấy:

1. Chất văn chương trong bản *Di huấn* được bắt đầu từ chính cốt cách và tâm hồn của Thái sư Cương Quốc công Nguyễn Xí. Lâu nay ta đọc *Di huấn* và bao nhiêu lời viết về tác giả của nó, ta say mê với hình tượng Nguyễn Xí - một vị tướng oai phong mà đã bỏ qua, bỏ quên một ý của Hoàng đế minh quân - nhà tư tưởng, nhà văn hóa kiệt xuất của thời đại phong kiến là Lê Tư Thành - Lê Thánh Tông. Lê Thánh Tông từng viết rằng: “Xét (Nguyễn Xí) đây: Khí độ trăm hùng, tính người cương đại. Giúp Cao Hoàng khi mở nước, trăm trận gian nan. Phò Tiên Khảo lúc thủ thành, hết lòng giúp rập. Ra vào hết chức phận tướng văn võ. Trước sau giữ trọn tiết làm tôi con. Giữ mình có đạo, hồn nhiên như ngọc chẳng khoe tươi. Nghiêm mặt ở triều,凛冽 như thanh gươm mới tuốt. Các quan đều tưởng mộ phong thái. Bốn biển đều ngưỡng vọng uy danh...” (Trích từ bài *Chế* lúc Lê Thánh Tông mới lên ngôi, sách *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, bản dịch của Ngô Thế Long). Viết về bề tôi của mình với những lời ngợi ca như thế, Lê Thánh Tông đã khẳng định: Nguyễn Xí không chỉ là võ tướng lừng danh uy vũ, mà Ngài còn là một người có cốt cách văn nhân đích thực. Giờ đây ta có thể nghĩ thêm: Văn nhân chân chính muôn đời nay đều thế cả - họ là người tài năng, có trách nhiệm cao với dân với nước, họ sống rất khiêm dung.

2. *Di huấn* của Nguyễn Xí là một áng văn nghị luận. Cái văn dĩ tải đạo ở *Hịch tướng sĩ* của thống soái Hưng Đạo vương là đạo của người làm tướng, còn đạo mà *Di huấn* nêu ra, là đạo làm con cháu. Tướng là nhỏ bé hơn, nhưng ngẫm kĩ, sẽ thấy, đó cũng là cái gốc của mỗi gia đình, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Nguyễn

Xí trong áng văn này đã căn dặn con cháu: “Nay các người có nhà đẹp ruộng tốt, thì phải nghĩ đến công lao chặt gai phá bụi của ta xưa. Trông thấy cảnh ca nhi múa hát vui vẻ thì phải nhớ đến ngày trước ta đã phải nằm tuyết gói đồng... Đời Tống (ở Trung Quốc) có bậc lương tướng là Tào Bân có hai con là Xán và Vĩ đều bước lên đàn tướng lĩnh. Các người phải làm sao để sánh được với họ. Con cháu các người phải biết cẩn thận giữ gìn gia pháp, lấy đạo hiếu để lập công. Ấy là con hiền, cháu hiếu của ta. Hoặc giả, nếu có kẻ trái đạo, gây chuyện giành nhau thì các người phải làm biểu tâu lên triều đình để xử tội bất hiếu. Các người hãy cùng nhau ghi nhớ lời ta, không được quên”. Nguyễn Xí ở đoạn văn này một lần nữa, đã cất lên tiếng nói của một văn nhân “hồn nhiên như ngọc chẳng khoe tươi”, tiếng nói ấy trầm hùng, ai ai đọc lại, hẳn cũng đều nhận ra: Ngài không chỉ nói riêng với con cháu, mà còn khuyến dụ khuyến cáo bao nhiêu đẳng bậc khác nữa. Rồi tôi và bạn, còn đọc lại áng văn này, mà thấm thía: cái đạo mà *Di huấn* này nêu cao là ý chí làm người trong gian khó và cả khi đủ ăn đủ mặc, là phải vươn lên vượt lên... là luôn luôn một lòng trung nghĩa, hiếu thuận từ trong nhà, đến họ tộc, và quốc gia.

Tôi chưa được biết trong hàng tướng lĩnh Việt Nam ta còn có ai viết ra những lời văn dĩ tải đạo thống thiết sự đời, nổi đời thật dễ đọc, dễ hiểu mà có ý nghĩa sâu sắc, dài lâu như thế.

Như ta biết, Nguyễn Xí viết bản *Di huấn* này vào ngày 12 tháng 5 năm Quang Thuận thứ 3 (tức 1462), khi Ngài đã công thành danh toại như người ta nói. Lúc này người anh hùng đã là trí sĩ. Bản *Di huấn* được dâng lên hoàng đế, Lê Thánh Tông đã xét duyệt, đóng dấu cho lưu hành. Đây cũng là một sự đặc biệt của lịch sử văn chương - văn hóa và quản trị quốc gia. Hẳn là vị minh quân anh hùng đã nhận ra giá trị lâu dài của *Di huấn* nên mới bút phê như vậy.

3. Ở trên tôi có nói trong văn học trung đại có sử. Vâng, khi đọc *Di huấn* của Nguyễn Xí ở đoạn vừa rồi, mọi người chắc đã thấy có hào khí và tấm lòng, cách lập ý và hành văn của Hưng Đạo đại vương ở tác phẩm *Hịch tướng sĩ* rồi. Nếu chúng ta đọc các đoạn khác của *Di huấn* như ở trích dẫn tiếp đây, rồi sẽ nhận ra lối văn kí sử chiến trận sôi nổi của *Di huấn*, khiến chúng ta nhớ đến chất sử hào hùng của tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* bất hủ do thi hào Nguyễn Trãi viết: “... ngày 9, giặc đã cất quân bức vua ta, nhà vua bèn lui quân về đóng ở Lạc Thủy. Ngày 13, giặc tiến đánh, vua tung quân ta ra, giết hơn 3000 tên và thu hàng nghìn binh khí. Ngày 16, kẻ phản nghịch là Đại Ái dẫn đường cho giặc tập kích, bắt được gia quyến của vua, chỉ có ta cùng Bân Quốc công, Khuông Quốc công, Đoàn Nghị hầu hộ giá vua về Chí Linh tạm lánh, hết lương thực đến 3 tháng...”

Năm Bính Ngọ (1426), tháng 8 ngày 20, tướng giặc là Sơn Thành hầu Vương Thông, tham tướng là Mã Anh nhận lệnh đưa 5 vạn quân và 5 nghìn ngựa chia đường tiến đánh. Ta cùng Bân Quốc công phục binh ở Thanh Đàm, rồi cùng Kỳ Quận công, Khuông Quốc công chia nhau đánh địch ở Tụy Động, Chúc Động,

Ninh Kiều, giết tướng giặc là Lý Lượng... Người Minh lại sai Liễu Thăng mang 10 vạn quân theo đường Khâu Ôn tiến sang, Mộc Thạnh lại dẫn 10 vạn quân theo đường Vân Nam mà đến. Vua ta nghe tin, liền triệu các tướng đến nghị bàn. Rồi sai Trung Quận công đem quân phục kích ở Chi Lăng. Liễu Thăng vừa dẫn quân đến thì bị quân ta chém chết cùng Lý Khánh và hơn vạn tên khác. Ta cũng đưa đại quân đến tiếp, bắt sống được Thôi Tụ, Hoàng Phúc và giết hơn 3 vạn quân, thu được khí giới không kể xiết...". Đoạn kí sự chiến trận người thật việc thật này quả nhiên đã trở thành một trong những tài liệu lịch sử quý hiếm để người đời sau nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược hồi đầu thế kỉ XV ở nước ta.

4. Vào thời trung đại ở nước ta, trong số hàng chục văn thi gia lừng danh với đương thời và hậu thế, thì có lẽ chỉ Nguyễn Trãi (1380-1442), Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) và Nguyễn Du (1766-1820) là đã sáng tạo ra được những tác phẩm thơ văn giàu chất triết lí hơn cả. Bình sinh, Nguyễn Xí là một chàng trai trẻ rồi trải qua chiến trận mà thành một võ tướng lập nhiều chiến công hiển hách, kể đó, lại trở thành một viên quan đầu triều sáng suốt và đảm lược. Hiển nhiên, ông chưa phải là một cây bút nổi tiếng về văn chương, học thuật. Nhưng qua bản *Di huấn*, chúng ta có thể thấy ở đó những tư tưởng lớn về ý chí, bổn phận làm người. Đó là làm con, cháu thì phải nhớ đến sự gian khổ của cha ông mà cố gắng vươn lên, phải luôn hiếu nghĩa hiếu thuận và giữ gìn đạo nhà, gia pháp; Làm tướng lĩnh (nhiều con trai của Nguyễn Xí từng là tướng lĩnh) thì phải trung nghĩa, phải không ngừng rèn luyện binh pháp và tuyệt đối tránh xa lối sống xa hoa, hưởng lạc; Làm dân thì phải theo phép nước, thấy ai lỗi phép thì tâu lên triều đình để xử tội. Răn dạy con cháu như thế, tức là Thái sư Cương quốc Công Nguyễn Xí đã thấy rõ các mối quan hệ rường cột trong xã hội trong một cái nhìn thực tế. Ông là một ví dụ tiêu biểu cho nhận định rằng: Thời trung đại ở nước ta đã sản sinh ra nhiều triết gia thực hành hơn là những triết gia học thuật.

Như chúng ta từng biết, Nguyễn Xí không có ý định làm văn chương. Nhưng từ trải nghiệm cuộc đời, với tư tưởng sâu sắc, tình cảm nồng nàn, bản *Di huấn* nhằm dặn dò khuyến dụ con cháu cũng có thể xem là áng văn xuôi viết bằng chữ Hán đầu tiên của một anh hùng dân tộc người Nghi Lộc, Nghệ An sáng tác.

Tản mạn về thơ

CAO XUÂN THƯỜNG

Tất cả những người làm thơ đều mang trong mình một câu hỏi: làm thế nào để có thơ hay? Và ai cũng muốn có được một lời giải đáp. Nhưng quả tình nếu thực sự có được một lời giải đáp thỏa đáng cho câu hỏi trên như đáp án giải một bài toán thì hẳn thơ hay và thi sĩ tài ba sẽ nhiều như nấm sau mưa.

Nhưng đã là người cầm bút làm thơ thì ai cũng phải băn khoăn về điều đó và nếu ai còn nghĩ rằng bài thơ đỉnh cao của mình đang ở phía trước thì họ còn làm được thơ. Nghĩa là họ còn phải bạc tóc bơi trong cái bể chữ nghĩa để mong tìm được đứa con tinh thần của mình.

Vậy thơ hay là gì? Chuyên xưa như trái đất, thơ hay là... thơ hay chứ còn gì nữa. Quả thực không dễ tí nào. Đến định nghĩa thơ là gì mà cả ngàn năm nay loài người còn chưa khẳng định hướng hồ là thơ hay. Nhưng nếu vậy sao ta lại biết được *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Puskin... là đỉnh cao của thơ ca nhân loại. Hẳn phải có một điều gì đó làm tiêu chuẩn cho ta phân định chứ nhỉ (?).

Một lần tôi ngồi nói chuyện thơ với một bạn thơ cùng trang lứa. Tôi vô ý nêu ra một vài nhận xét về thơ bạn có hay có dở. Bạn tỏ vẻ không bằng lòng và nói: "Thơ mỗi người mỗi kiểu, cảm nhận cũng khác nhau không ai bày cho ai được". Nghe vậy tôi im re, biết lòng chân thành của mình đã đặt không đúng chỗ.

Lại bất chợt nhớ một câu thơ ai đó viết : "*Người trên facebook ai ai cũng đẹp/ Thơ trên Facebook bài nào cũng tuyệt*". Hàng trăm bình luận (comment) khen thơ trên

facebook khiến nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo phải thốt lên: “Thơ xuất hiện nhan nhản trên thế giới ảo được các cư dân mạng kém hiểu biết về nghệ thuật này tung hứng chia sẻ không tiếc lời. Chính vì thế mà sự ngộ nhận về thơ ngày càng gia tăng” (Hội thảo *Thơ Việt Nam*, ngày 8/10/2011) .

Tôi đồng ý với bạn tôi về phương diện cảm nhận thơ tùy vào từng đối tượng, trình độ nhận thức, gu thẩm mỹ, cả tâm trạng và thời đại nữa. Nếu ta hỏi các bà, các mẹ ở quê thì hẳn các truyện Nôm khuyết danh như *Phạm Công Cúc Hoa*, *Phạm Tải Ngọc Hoa*... hay hơn *Truyện Kiều* là cái chắc.

Nhưng, nếu như từ xưa, con người bằng cảm giác đã phân biệt ra vàng có vàng 10, vàng 8, vàng Tây, vàng ta, vàng thật, vàng giả... thì thơ trong đời sống tinh thần cũng vậy. Dẫu biết rằng chưa có định nghĩa thơ hay là gì, nhưng sự cảm nhận linh diệu của người đọc và thời gian, cuối cùng cũng gạn lọc ra chân giá trị của từng tác phẩm.

Thôi thì, xin mạn phép nói đôi điều theo ý chủ quan của người viết để bạn bè tham khảo. Theo tôi, một bài thơ được gọi là hay phải có được một hoặc nhiều những yếu tố sau đây :

Thứ nhất, thơ phải giàu cảm xúc: Đây là yếu tố cơ bản trong sáng tạo thơ ca. Một người được gọi là thi nhân trước hết phải giàu cảm xúc. Nếu anh vô cảm trước cuộc sống thì dù thông minh xảo ngôn đến mấy, tác phẩm của anh cũng không gây cảm xúc cho người đọc. Các bậc làm bố làm mẹ khi gả con gái lấy chồng xa có thể tỉnh bơ đọc câu ca dao: *Cầm bằng con lợn khải tha lên rừng* vì nó vô cảm. Nhưng cũng hoàn cảnh đó nếu họ đọc được câu thơ của Nguyễn Bính: *Thầy đừng nhớ, mẹ đừng thương/ Cầm như đồng kẽm ngang đường đánh rơi*, thì tôi dám chắc không bậc cha mẹ nào không rơi nước mắt. Ấy là sự dồn nén cảm xúc mà bật ra câu chữ, gây nên sự ám ảnh rất cần thiết cho mọi bài thơ.

Tôi cứ nghĩ cái quy trình để có thơ hay gồm 3 bước :1/ Tác giả cảm xúc đề tài (điều kiện cơ bản) ; 2/ Sự chuyển tải cảm xúc thành ngôn ngữ (đây là tài năng của người viết) ; 3/ Ngôn ngữ gây rung động cảm xúc của độc giả (điều này phụ thuộc vào trình độ độc giả và cả tài năng của tác giả).

Thứ 2, là tứ thơ độc đáo: Người ta thường gọi là lập tứ. Đây chính là biểu hiện tài năng của tác giả, là chọn cách để chuyển tải ý thơ mình định viết. Điều này đã được nhà thơ Phạm Quốc Ca miêu tả rất kỹ trong bài viết “Thơ như tôi quan niệm”. Những “phép so sánh”, “chọn hình ảnh”, “chọn ngôn từ”... đều được các nhà thơ vận dụng tối đa để người đọc bừng tỉnh cảm xúc mà nhận ra cái hay của mình. Nó vô cùng quan trọng nhưng cũng hết sức nhạy cảm. Đôi khi thức trắng đêm để tìm một tứ thơ mà không được nhưng nó có thể đến bất chợt khi tản bộ trên đường. Trong bữa tiệc thơ ca, nhà thơ chính là người đầu bếp, việc tuyển chọn nguyên liệu, cách thức chế biến thế nào để được món ngon đó chính là việc chọn tứ thơ trong sáng tác thơ ca vậy.

Thứ 3, là chọn hình ảnh điển hình: Trong muôn ngàn hình ảnh của cuộc sống

liên quan đến tác phẩm, nhà thơ là người lấy ra những hình ảnh điển hình có thể rất cao sang, cũng có thể rất đơn giản gần gũi, điều cơ bản là nó có sức lay động tâm hồn. Thơ Đường là mẫu mực của thủ pháp này. Các nhà thơ thời ấy hầu như không lí luận, giáo huấn rườm rà sáo rỗng, ít tuyên ngôn, mà bằng hình ảnh điển hình nêu bật lên triết lí (cũng là chủ ý của bài thơ). Để lên án chiến tranh, Vương Hàn trong bài *Lương Châu từ* đã viết: *Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu / Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi* (Say rượu giữa chiến trường xin anh đừng cười/ Xưa nay chiến trận mấy ai sống sót trở về). Hình ảnh say rượu đến ngã ra của người lính tưởng như bình thường. Nhưng sự liên tưởng của nó có sức lên án chiến tranh chẳng kém chi tác phẩm trăm, ngàn trang. Hàng ngàn năm nay mỗi lần đọc lên đều thấy thương cảm và căm giận chiến tranh.

Thứ 4, là ngôn ngữ mới mẻ, cô đọng: Nếu nói ngôn ngữ là những viên gạch xây nên ngôi nhà thơ ca thì những viên gạch này rất kỳ lạ là nó không giống nhau nhưng đều lấp lánh. Trong việc lạ hóa thơ (một yêu cầu của thơ mọi thời) thì ngôn ngữ mới mẻ đóng một vai trò rất quan trọng.

Một số tác giả làm thơ quen với lối mòn ngôn ngữ đọc lên cứ thấy như nghe đâu đó rồi. Đến đây có người hỏi: Vậy thơ lục bát thì sao? Vâng, tuy lục bát là thơ truyền thống của người Việt nhưng lục bát của *Truyện Kiều* khác xa lục bát của *Lục Vân Tiên*, cái khác cơ bản vẫn là ngôn ngữ. Ngày nay ngôn ngữ thơ lớp trẻ đang tạo nên những hiệu ứng cảm nhận rất lạ, đó là tín hiệu đáng mừng. *Biết rằng sẽ trở về với những mảnh vỡ/ Vẫn khát ra khơi* (Nguyễn Thị Phước) ; hoặc *Chuyến bay cuối cùng truy cập ban mai / Nụ hôn chợt rơi, nỗi buồn cất cánh* (Tuyết Nga). Rất nhiều tác giả tuy không trẻ nữa nhưng vẫn tiếp cận và đổi mới tư duy thơ bằng những cách lập tứ, lập ngôn hiện đại mới mẻ, nhưng cũng gây ra phản ứng cho không ít tác giả bảo thủ mà ta gặp nhan nhản ở các trang mạng, các hội thơ trung ương, địa phương.

Thứ 5, là sự hàm súc. Đây là một thuật ngữ lâu đời dùng để chỉ những bài thơ, câu thơ có nhiều tầng nhiều nghĩa, đây cũng là một đòi hỏi đối với mọi nhà thơ. Nếu thơ ca mà cứ thấy gì nói nấy, rồi lớn tiếng ca ngợi, rao giảng thì chẳng cần thơ làm gì cứ nói toẹt ra bằng văn cho khỏe. Khi 2 người yêu nhau đến độ mê đắm, nếu người con trai hỏi: *em có yêu anh không?* người con gái trả lời: *nỏ*, thì tiếng *nỏ* ấy không thể hiểu là *không*. Nằm trong không gian ấy, tiếng *nỏ* đắt hơn tiếng *có* nhiều. Đây là sự hàm súc của ngôn ngữ, thơ lại càng cần như vậy. Đằng sau câu thơ: *Nếu khuy áo của con bị đứt / Hãy nói lên để mẹ khâu cho* (Với con - Thạch Quý) là cả một rừng suy nghĩ của người đọc về gia đình, xã hội, đủ cung bậc thân thương, xa xót... Hàm súc là như vậy.

Tôi cũng là một người làm thơ, những điều mình nêu ra là sự gom nhặt nhận thức lổ mổ. Tuy cũng có chút đóng góp cho nền thơ Điển Châu mấy năm nay. Nhưng giờ thì đã về già, cảm xúc trơ mòn, trí tuệ giảm sút. Nói ra như vậy chứ không sao làm được vậy. Có ai đó thu nhận được chút gì thì xin cảm ơn. Ai cảm thấy không đồng tình thì mong lượng thứ.



Rajaratnam

Con hổ

S. RAJARATNAM

LTS: S. Rajaratnam thuộc thế hệ nhà văn gạo cội của Singapore. Ông là nhà hoạt động chính trị, từng là bộ trưởng ngoại giao. Tác phẩm của ông được in ra nhiều thứ tiếng. Truyện “Con hổ” nói về những định luật vĩnh cửu của cuộc sống, về sự gắn gũi của con người với thiên nhiên. Văn của ông giàu chất thơ. Truyện ngắn “Con hổ” được dịch giả Thiên Việt dịch qua bản tiếng Nga

Phachima đắm mình trong dòng sông lạnh buốt, đục ngầu. Những dải nước dường như thoáng rực lên dưới ánh mặt trời đang tắt dần, nhẹ nhàng ôm lấy cơ thể nàng. Phachima tiến lại gần bờ, nơi nước chỉ ngập đến thắt lưng. Tầm xà rồng ẩm ướt dán chặt vào cơ thể nâu bóng đầy đặn làm hằn rõ bộ ngực và cái bụng căng tròn của người phụ nữ thai nghén. Gương mặt có gò má cao, không vẻ u ám thường thấy ở những phụ nữ Thái Lan, cặp mắt đen tuyền phảng phất nỗi buồn dường như đang nhìn xoáy vào chính bản thân mình, nơi mà một cuộc sống mới đang bắt đầu cựa quậy.

Phachima lắc nhẹ đầu, xoa mớ tóc đen nhấp nhánh rồi hong nó trước làn gió nhẹ. Chỗ cô đứng là một khoảng đất nhỏ, được che phủ bằng những bụi cây và các cây đại thụ. Không một âm thanh nào có thể lọt ra khỏi đây. Trước mặt Phachima trải rộng tấm thảm cỏ xanh mướt, rậm rạp.

Buổi chiều thật yên tĩnh. Bầu không khí như ngừng lại, không chuyển động. Thỉnh thoảng vẳng lại tiếng kêu khàn khàn của bầy cò cô độc. Tiếng đập cánh hung dữ của lũ cú bị đánh thức. Tiếng sóng vỗ oàm oạp và những con chuột đồng thi nhau ngụp lặn trong nước. Đầu đây xào xạc trong bụi cây, đám cỏ, tiếng động của một loài thú nhỏ nào đó. Mùi hoa đồng nội, mùi cỏ và mùi đầm lầy xông lên thơm ngát. Phachima đột ngột có cảm giác cô độc, như bị quên lãng, dường như cô đang sống trong thời kỳ hỗn mang tiền sử, khi mà trái đất còn tràn ngập đầm lầy cùng bầy thú dữ.

Vì vậy, tiếng gầm gừ nho nhỏ của con hổ mà Phachima bỗng nghe thấy chỉ làm tăng thêm ảo ảnh. Cho đến lúc con thú dữ rống lên, Phachima mới hiểu đó là thực tại. Cái đầu to tướng của nó nhô ra khỏi cỏ, nằm sát đất. U vai của nó cách cô gái khoảng 20 *ácđơ*. Mặt trời làm rõ ánh hung dữ trong cặp mắt vàng chăm chú. Đôi tai căng ra nghe ngóng. Con hổ quay đầu, khê gầm, lộ cái lưỡi đỏ hồng với những chiếc răng vàng óng.

Phachima cứng người vì sợ hãi trước cái nhìn sáng loáng của con thú đang hướng về cô. Cô không dám nhúc nhích, đôi mắt dán chặt vào con thú. Con hổ, đến lượt mình, cũng lặng yên sừng sốt trước sự xuất hiện của con người.

Phachima nhìn con hổ với sự khựng khiếp. Con thú ngấm nhìn lại cô với dáng vẻ nghi ngờ. Tiếng gầm gừ nhỏ dần và nó không lộ ý đồ tấn công cô gái. lát sau, con thú bớt để ý đến cô. Nhưng cái móng vuốt to lớn của nó cắm ngập sâu trong cỏ. Hình như không có điều gì làm con thú để ý, chỉ khi Phachima khê động đây, lập tức nó căng thẳng trở lại. Cặp mắt con hổ không sáng long lanh lên nữa mà bỗng thoáng buồn bã u uẩn. Cô gái nhìn ra sự thay đổi cảm xúc của con thú.

Hoàng hôn từ từ buông xuống. Mọi vật mờ nhạt dần, bao phủ một màu xám xịt. Trời chuyển một cách rõ nét sang tối sẫm. Từ mặt sông cất lên một làn sương khói kéo dài lê thê đến sát bờ. Lão ve sầu kêu đĩnh tai và vẳng tiếng rít của bầy dơi báo tin màn đêm đang xuống.

Sau này, Phachima nhớ lại, lúc đó một cảm giác mệt lử xâm chiếm toàn bộ cơ thể. Cô run rẩy vì đói và suy sụp tinh thần. Con hổ không hề có ý định bỏ đi. Người thiếu phụ đặt tay lên bụng và cảm giác về một cơ thể sống đang tồn tại giãy đạp bên trong. Điều đó dẫn cô đến một quyết định không thể kiềm chế nổi là phải chạy trốn.

Phachima chăm chú nhìn con hổ đang dần dần lặn vào bóng đêm và cảm thấy nó đang bắt đầu rời mắt khỏi cô. Cô gái chờ đợi, toàn thân căng ra, tràn ngập một sức lực chưa từng có. Bất ngờ, bằng một chuyển động tuyệt vọng, Phachima ngụp xuống và lặn cho tới sát đáy. Cô gái bơi tới bờ đối diện, nơi có các làng nhỏ,



Minh họa: HỮU TUẤN

và chỉ ngoi lên khi cảm thấy phổi sắp nổ tung vì thiếu không khí. Ở khoảng giữa con sông, cô gái đánh mất phương hướng, nhưng khi nghe tiếng gầm gừ cô cảm thấy sợ hãi hơn khi ở bên con hổ. Cô bơi như điên cuồng bằng cả chân và tay cho đến khi nhìn thấy những ánh đèn nhấp nháy trong làng.

Sau đó, bà mẹ Phachima đã tô điểm thêm nhiều chi tiết ly kỳ rùng rợn vào câu chuyện, sự kinh hoàng bao trùm khắp làng. Những người đàn bà ôm chặt con vào lòng, chốt tất cả các cánh cổng và gào lên ầm ĩ rằng cánh đàn ông cần phải làm điều gì đó với con hổ giết người. Trai tráng trong làng còn mài mê chặn dất lũ dê, bò, còn người người già ngồi chậm rãi nhai trầu và cố tìm hiểu tầm quan trọng của câu chuyện.

Phachima mệt lử nằm trên cái chiếu lúc các bộ lão trong làng kéo theo đám đông hiếu kỳ đến tìm cô. Họ muốn biết cụ thể địa điểm con hổ xuất hiện. Bà mẹ cô lại

có dịp thêm thất kể về những chi tiết của cuộc gặp gỡ giữa con gái mình với “ông ba mươi”.

Một cụ già với vẻ cương quyết của mình đã làm bà phải im miệng. Sau đó, ông ta bắt đầu hỏi Phachima. Cô gái trả lời ông một cách không hào hứng. Không hiểu sao cô không muốn con hổ bị bắt và giết chết. Cụ già cau mày. Thánh Ala!- Bà già thốt lên để lôi kéo sự chú ý- chính Thánh Ala bằng sự dịu dàng của mình đã cứu con gái tôi ra khỏi móng vuốt “ông ba mươi”. Nói rồi, bà giơ hai cánh tay nhăn nheo nâu nhám lên trời. Ông già nhún vai.

- Cứ cho là như vậy đi - Ông ta nói - nhưng lần sau Ala có thể không có sự dịu dàng đó nữa. Không hay ho gì khi có một con hổ thèm thịt người rình rập quanh làng. Để giữ an toàn cho phụ nữ và trẻ nhỏ, chúng ta cần giết chết nó càng nhanh càng tốt.

Ông già nhìn những người đàn ông đang trầm lặng và căng thẳng. Mỗi người trong họ đều biết rõ nguy hiểm như thế nào khi đi săn hổ vào ban đêm, đặc biệt ở bãi cỏ, nơi nó ưu thế hơn về tấn công nhanh và không phát ra tiếng động.

- Thế nào? - Người già hỏi.

Đám đàn ông im lặng, dán mắt xuống nền nhà. Mặt cau lại, cụ già chuẩn bị mắng lũ đàn ông vì sự hèn dốt của họ thì Mamút với khẩu súng trên vai bước vào. Gương mặt chàng trai đỏ rục vì bị kích động.

- Cháu nghe tin Phachima suýt bị hổ vồ, đúng không ạ? - Anh ta sốt ruột hỏi.

Trong khi ông già kể một cách ngắn gọn về câu chuyện, Mamút mân mê khẩu súng hai nòng với sự nôn nóng của khát vọng săn bắn bị đánh thức.

- Cụ đã kể xong rồi - Mamút nói - cần phải suy nghĩ về phụ nữ và trẻ em. Họ thật đáng thương và không thể rời nhà nửa bước. Nghĩa vụ của đàn ông chúng ta là phải bảo vệ họ. Ai sẽ đi với tôi? Tôi sẽ không phải là con trai của mẹ tôi nếu không mang xác nó về trước lúc bình minh. Nhưng tôi cần trợ thủ.

Sau phút dao động, chừng một chục đàn ông bị kích thích bởi những lời lẽ của Mamút và vinh quang của người thiện xạ, đã đồng ý ra đi.

- Tuyệt! - Mamút thốt lên- Tôi biết là các anh không phản bội tôi.

Đám đàn ông ra đi.

- Hãy nghe này, con gái - Mẹ Phachima nói khi khép cửa - Thành Mamút này cũng đã man không kém con hổ.

Phachima ngồi trên chiếu và ngắm trăng qua khung cửa sổ hẹp. Mặt trăng bị những chiếc lá cọ rung rinh cắt thành từng thỏi bạc. Xung quanh tràn ngập một thứ ánh sáng dịu dàng huyền diệu. Những người đàn ông gọi nhau bằng tiếng thầm thì lo lắng. Họ đã kết thúc công việc chuẩn bị cho chuyến đi săn. Phachima rầu rĩ nhìn theo họ. Thoáng cái, đám đàn ông mất hút, chỉ còn cây cối xám xịt với

tiếng rì rào của đám lá sau từng trận gió. Phải căng tai ra, Phachima mới nghe thấy tiếng sóng vỗ nhẹ nhàng xa vời của dòng sông.

Con hổ mà Phachima suy nghĩ suốt từ chiều tối giờ nó đang ở đâu đó. Thật là tốt nếu nó bỏ đi xa và những người đi săn không theo kịp.

- Ôi, Ala!- bà mẹ lẩm bẩm khi bỏ hạnh đào vào cối giã - Đêm nay là đêm của chết chóc. Hãy thử nghĩ về những người đang lặn mò săn bắn con mãnh thú trong bóng tối. Nó ranh ma bằng một trăm con cáo và có thể xác định chính xác khoảng cách trong bóng tối. Rồi con sẽ thấy, chưa hết đêm, trong xóm sẽ có tiếng khóc người chết.

- Cũng có thể không cần động chạm đến con thú - Phachima vừa không nói, không rời cửa sổ

- Mày nói vớ vẩn cái gì thế? - Bà già càu nhàu - cần phải giết nó trước khi nó cắn chết chúng ta. Đành phải vậy.

- Có thể nó sẽ bỏ đi.

- Nếu con hổ vào gần làng thì nó sẽ chẳng đi đâu cả khi chưa thực hiện được ý định - Bà già lẩm bẩm - Ai mà chẳng biết hổ hay ăn thịt người, thường luẩn quẩn gần làng.

- Nhưng con hổ này không thuộc loại ăn thịt người - Phachima bác lại.

Bà già không nói, chỉ khịt khịt mũi một cách khinh bỉ.

- Con hổ chỉ cách con có 20 *ácđơ* và rất dễ vồ con - Phachima nhận xét - Nhưng nó đã không làm gì cả. Tại sao? Mẹ có thể giải thích điều đó không? Con và nó đã theo dõi nhau. Lúc đầu, mắt nó cứ rục lên, rồi sau đó trở thành hiền lành và buồn bã. Nó nhìn con chẳng có vẻ gì là hung ác.

- Đây, con đang nói những điều ngu xuẩn hết như bố con ngày xưa - Bà mẹ tức giận rũ mạnh hồ đào - ông ấy tin rằng gió hát khe khẽ những bài ca. Lạy trời tha tội cho con những ngày con sống, ông ấy giống hết một tay đại gàn.

Phachima cau có nhìn qua cửa sổ và nghe ngóng. Làng xóm bao trùm một không khí im lặng đến ngột thở.

Cô gái nhìn vào đêm tối sâu thẳm, cố gắng nghe thấy âm thanh nào đó. Trái tim cùng chung nhịp với tiếng chày trong xóm. Bỗng nhiên, trong người cô gái nhói lên cơn đau. Cô ôm chặt lấy bụng.

- Con làm sao thế, Phachima?- Bà mẹ hỏi.

- Không, có sao đâu - Cô gái khẽ đáp.

- Ra khỏi chỗ gió lùa và nằm xuống!

Phachima cảm thấy cơn đau lúc tăng lúc giảm. Cô nhắm mắt lại và một lần nữa thấy con hổ xuất hiện trước mặt. Cặp mắt nó thoạt tiên đỏ ngầu máu lóng lánh rồi sau đó trở nên mệt mỏi, yên ả, thoáng buồn bã.

Bỗng một tiếng súng vang lên. Tiếng nữa, Phachima rùng mình như chính cô bị bắn. Tiếng kêu của con thú giãy chết khá lâu, trong một vài giây làm cô gái tê liệt. Cô dường như muốn trả lời lại tiếng kêu cứu đó. Gương mặt Phachima căng thẳng vì cơn đau, cơ thể và mồ hôi. Từ lồng ngực phát ra tiếng rên rĩ.

- Ôi giờ! - Bà mẹ kêu lên - Con ốm à? Sao thế? Đi nằm ngay.

- Mẹ, con chuyển dạ - Phachima thở ra, thều thào. Bà mẹ dìu đứa con ra chiếu, bắt nằm xuống.

- Thật là chọn đúng lúc để đẻ - Bà mẹ lo lắng lắm lắm - Con cứ nằm đấy để mẹ đi nấy nước nóng. Chưa cần gọi bà đỡ làm gì khi bọn đàn ông còn chưa trở về.

Phachima nằm thiêm thiếp trên chiếu, mắt nhắm nghiền. Bà mẹ đun nước và lắm lắm gì đó.

- Nghe này - bỗng bà cụ bảo - Hình như mọi người đang trở về. Tao nghe thấy giọng họ.

Trong làng vắng vắng tiếng thì thào bắn khoả của đàn ông và đàn bà. Bà già cẩn thận hé cửa, giọng ai đó.

- Mamút cừ lắm, bác ơi! - Một chú bé chạy vọt vào nhà - Anh ấy đã giết được con hổ rồi. Họ đang khênh nó về đây. Nó khóc lắm, chống cự đến ghê! Trúng hai phát vẫn sống, sau đó, người ta phải đâm chết nó bằng dao và mác.

Phachima chăm chú nhìn chú bé. Bà già không giấu được vẻ nôn nóng.

- Rồi sao nữa?

- Khi giết con hổ xong, người ta nghe tiếng kêu nho nhỏ meo meo gần đấy. Soi đèn lên, hoá ra là ba con hổ con, bé tí tẹo, chưa mở mắt. Mamút bảo hổ con bán rất được giá, Phachima bắt đầu rên rĩ vì cơn đau. Trán lắm lắm mồ hôi.

- Mẹ!- Cô thét lên quằn quại!

Bà già đẩy chú bé về phía cửa:

- Chạy đi gọi bà đỡ mau!

Đứa bé trở mặt, kêu ối chà, ngạc nhiên, rồi chạy vọt đi gọi bà đỡ.

Mỹ thuật



Trong nhà máy phát điện (acrylic) - TRÙNG HIỆP



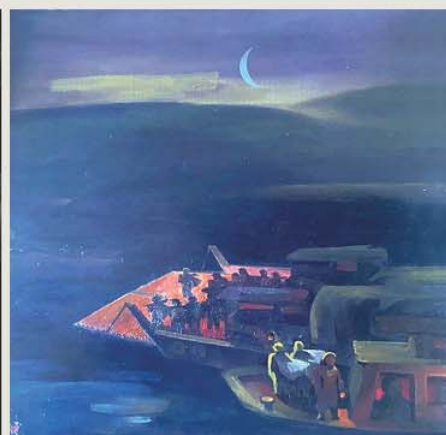
Đồng dao (sơn dầu) - BÁ SIÊU



Chiều muộn (khắc đồng) - LÊ THỊ OANH



Trẻ trâu (trở giấy) - ĐÌNH TRUYỀN



Phà Bến Thủy 1968 (sơn dầu)
HOÀNG HẢI THỌ

Nhiếp ảnh



Hạt thóc vàng - CAO ĐÔNG



Phụ nữ Thái (Con Cuông) - TRẦN DUY NGOÃN



Cho ngày mai ra khơi - NGUYỄN TRUNG KIÊN



Bên cọn nước - TRẦN DUY NGOÃN



Đánh cá Đồng Hoa - QUANG DŨNG



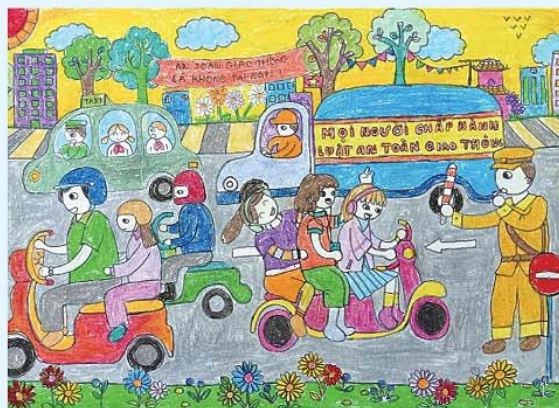
Chống dịch Covid 19 - PHAN QUANG MINH, 12 tuổi



Phòng chống dịch Covid 19 - HỒ THÁI SANG, 7 tuổi



Mùa hè - BẢO UYÊN, 6 tuổi



Đừng đi ngược chiều
NGUYỄN MINH PHƯƠNG, 15 tuổi



Phố - Thanh Hòa, 6 tuổi



Vì môi trường xanh - sạch - đẹp
TRƯƠNG NGỌC ÁNH DƯƠNG, 13 tuổi



📷 NGUYỄN TRUNG KIÊN



📷 THANH HẢI



📷 HẢI VƯƠNG



📷 DUY SƠN



📷 HỒ CHIẾN

